

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHÚ GIẢI
KINH TẬN ĐỘ

THIÊN VÂN

HIỀN TÀI | QUÁCH VĂN HÒA

THÁNG 5 NĂM 2012

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỆN TẠI QUÁCH VĂN HÒA, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 09/05/2012

Tâm Nguyên

CHÚ GIẢI
KINH TẬN ĐỘ
Soạn Giả: HIÊN TÀI QUÁCH VĂN HÒA

Mục Lục

KINH TẬN ĐỘ.....	11
CHƯƠNG THỨ NHẤT	15
KINH GIẢI OAN.....	15
I.- KINH VĂN.....	15
II.- NGUỒN GỐC Ý NGHĨA.....	16
III.- CHÚ GIẢI.....	17
CHƯƠNG THỨ NHÌ.....	49
KINH TẮM THÁNH.....	49
I.- KINH VĂN.....	49
II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	50
III.- CHÚ GIẢI.....	51
CHƯƠNG THỨ BA.....	69
KINH CẦU HỒN KHI HẤP HỐI	69
I.- KINH VĂN.....	69
II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	70
III.- CHÚ GIẢI.....	71
CHƯƠNG THỨ TƯ.....	89
KINH KHI ĐÃ CHẾT RỒI	89
I.- KINH VĂN.....	89
II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	89
III.- CHÚ GIẢI.....	90
CHƯƠNG THỨ NĂM.....	99
KINH TẢN LIỆM.....	99

I.– KINH VĂN	99
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	99
III.– CHÚ GIẢI	100
CHƯƠNG THỨ SÁU	109
KINH CẦU SIÊU	109
I.– KINH VĂN	109
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	110
III.– CHÚ GIẢI	111
CHƯƠNG THỨ BẢY	125
KINH ĐƯA LINH CỬU	125
I.– KINH VĂN	125
II.– NGUỒN GỐC	125
III.– CHÚ GIẢI	126
CHƯƠNG THỨ TÁM	135
KINH HẠ HUYỆT	135
I.– KINH VĂN	135
II.– NGUỒN GỐC Ý NGHĨA	135
III.– CHÚ GIẢI	136
CHƯƠNG THỨ CHÍN	147
VĂNG SANH THẦN CHÚ	147
I.– KINH VĂN	147
II.– VIẾT RA CHỮ HÁN	147
III.– CHÚ GIẢI	147
CHƯƠNG THỨ MƯỜI	151
KINH KHAI CỬU	155
I.– KINH VĂN	155
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	155
III.– CHÚ GIẢI	156

KINH ĐỆ NHỨT CỬU.....	165
I.– KINH VĂN.....	165
II.– NGUỒN GỐC Ý NGHĨA.....	165
III.– CHÚ GIẢI.....	166
KINH ĐỆ NHỊ CỬU.....	177
I.– KINH VĂN.....	177
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA.....	177
III.– CHÚ GIẢI.....	178
KINH ĐỆ TAM CỬU.....	183
I.– KINH VĂN.....	183
II.– NGUỒN GỐC Ý NGHĨA.....	183
III.– CHÚ GIẢI.....	184
KINH ĐỆ TỨ CỬU.....	191
I.– KINH VĂN.....	191
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA.....	191
III.– CHÚ GIẢI.....	192
KINH ĐỆ NGŨ CỬU.....	197
I.– KINH VĂN.....	197
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA.....	197
III.– CHÚ GIẢI.....	198
KINH ĐỆ LỤC CỬU.....	203
I.– KINH VĂN.....	203
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA.....	203
III.– CHÚ GIẢI.....	204
KINH ĐỆ THẤT CỬU.....	209
I.– KINH VĂN.....	209
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA.....	209
III.– CHÚ GIẢI.....	210
KINH ĐỆ BÁT CỬU.....	217

I.– KINH VĂN	217
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	217
III.– CHÚ GIẢI	218
KINH ĐỆ CỬU CỬU	225
I.– KINH VĂN	225
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	225
III.– CHÚ GIẢI	226
KINH TIỂU TƯỜNG	231
I.– KINH VĂN	231
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	231
III.– CHÚ GIẢI	232
KINH ĐẠI TƯỜNG	239
I.– KINH VĂN	239
II.– NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA	239
III.– CHÚ GIẢI	240
PHỤ LỤC	247
SỐ TÂN CỔ, CỬU VÀ TIỂU, ĐẠI TƯỜNG	247
A. SỐ VĂN	247
B. VIẾT RA HÁN TỰ	248
C. CHÚ THÍCH	250
D. GIẢI NGHĨA	265



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

KINH TẬN ĐỘ

Từ ngày tạo lập nên Càn khôn Vũ trụ, Thượng Đế đã sanh hóa ra con người, vạn vật và ban một Thiên tánh, là để con người nương theo đó mà trau dồi cho trong sáng thêm lên, hầu tấn hóa lần lần đến bậc Thánh triết.

Tự nguyên sơ, con người còn trong vòng Thánh đức, có cuộc sống hiền lương, chất phác, thuận tòng theo Thiên lý, nên nhân tánh huyền đồng cùng Thượng Đế, tiểu thể hòa đồng cùng đại thể.

Đến thời trung nguơn, nhờn tâm bất nhứt, tập nhiễm theo thói đời, ham mê danh lợi, vật chất, mới đánh mất điểm thiên lương, rồi tranh đấu, giựt giành lẫn nhau, tương tàn tương sát vì chén cơm manh áo, vì quyền tước lợi danh, không kể tình máu thịt, nghĩa đồng bào, không nương đồng loại, đồng chủng.

Sang tới thời Hạ nguơn này, nhờn loại sống trong dầu sôi lửa bỏng, chiến tranh khốc liệt, thiên tai tàn phá, bệnh chướng hoành hành...làm cho con người phải chịu nhiều điều linh, khổ sở.

Vì thương sanh chúng bị mê mờ, mãi chìm trong luân hồi biển khổ, nên Đức Thượng Đế đã nhiều phen đem Đạo dạy Đời, cứu thoát nhờn loại. Ngài tùy thời kỳ nguơn hội, tùy phong tục tập quán, tùy trình độ hiểu biết của con người, tá danh khai Tam giáo: Phật, Thánh, Tiên mà cứu vớt chúng sanh qua hai thời kỳ phổ độ.

Đến thời mạt Pháp, một lần nữa, Đức Chí Tôn dùng

huyền diệu cơ bút khai sáng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lập nền chánh pháp Cao Đài, có tôn chỉ qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, tức là nhìn nhận các Tôn giáo từ một nguồn gốc mà sinh ra: Đó là Đấng Thượng Đế. Vì vậy, sau ngày khai Đạo, Hội Thánh được lệnh Ôn Trên dạy thính Kinh nơi Phật giáo hay các chi Minh Sư, Minh Lý về tụng niệm. Điều này, chính Hội Thánh đã nói rõ trong lời tựa Kinh Thiên, Thể Đạo như sau:

“Từ khi mở Đạo, Chí Tôn duy giảng cơ truyền cho Phật giáo, Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dâng Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song Kinh Tận Độ vong linh chưa hề giảng cơ cho nơi nào tất cả.

Đức Quyền Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp, trót mười năm trường nghĩa là từ ngày mở Đạo, đã nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng dâng xin Kinh Tận Độ, nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn sanh chúng.

Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi (DL 21 đến 31-8-1935) mới giảng cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam Lộ của Đức Từ Bi rưới chan dặng gội nhuần cho các đảng linh hồn của toàn Thế giới.

Chúng ta thâm xét thì đủ hiểu rằng: Đã trải qua mười năm Chí Tôn mới mở cơ tận độ. Cơ tận độ nhưn sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi”.

Kinh Tận Độ gồm các bài Kinh sau đây:

1. Kinh Giải Oan.
2. Kinh Tắm Thánh.

-
3. Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
 4. Kinh Khi Đã Chết Rồi.
 5. Kinh Tãn Liệm.
 6. Kinh Cầu Siêu.
 7. Kinh Đưa Linh Cữu.
 8. Kinh Hạ Huyệt.
 9. Vãng Sanh Thần Chú.
 10. Kinh Khai Cữu.
 11. Kinh Đệ Nhứt Cữu.
 12. Kinh Đệ Nhị Cữu.
 13. Kinh Đệ Tam Cữu.
 14. Kinh Đệ Tứ Cữu.
 15. Kinh Đệ Ngũ Cữu.
 16. Kinh Đệ Lục Cữu.
 17. Kinh Đệ Thất Cữu.
 18. Kinh Đệ Bát Cữu.
 19. Kinh Đệ Cửu Cữu.
 20. Kinh Tiểu Tường.
 21. Kinh Đại Tường.
 22. Di Lặc Chơn Kinh.⁽¹⁾

⁽¹⁾Xem Chú Giải Di Lặc Chơn Kinh và Kinh Cứu Khổ của cùng tác giả

Đây là bản thảo “*Chú giải Kinh Tận Độ*” của *Hiền Tài Quách Văn Hòa*, chỉ lưu hành nội bộ.

Khi sửa chữa hoàn chỉnh, bản quyền sẽ được dâng lên
cho Hội Thánh.

Hiên Tài QUÁCH VĂN HÒA

CHƯƠNG THỨ NHỨT

KINH GIẢI OAN

I.- KINH VĂN

KINH GIẢI OAN

Vòng xây chuyển vong hồn tấn hóa,
Nương xác thân hiệp ngã Càn khôn.
Bước đường sanh tử đã chôn,
Oan oan nghiệt nghiệt dập dồn trái căn.
Luật Nhơn quả để răn Thánh đức,
Cửa Luân hồi nhắc bức cao siêu.
Dầu chẳng phải mực Thiên điều,
Cũng quyền tự chủ dắt dìu thiên lương.
Dòng khổ hải hằng chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.
Dây oan xe chặt buộc mình,
Nhóp nhơ lục đục thất tình nhiễm thân.
Chịu ô trước Chơn thân nặng trĩu,
Mảnh hình hài biển hiếu lương tâm,
Phong trần quen thú cung âm,
Cảnh thặng ngờ ngăn lạc lấm Phong đô.
Khởi trái chủ nhặng lo vay trả,
Môi gây nên nhân quả nợ đời.
Rảnh mình đâu đặng thành thời,
Thiên cung lỗ lổ chơi với cõi trần.

*May đặng gặp hồng ân chan rười,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.
Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực lạc, dẫn miền Tây phương.
Nhập Thánh thể dò đường cứu vị,
Noi Chơn truyền khử quỷ trừ ma.
Huệ quang chiếu thấu chánh tà,
Chèo thuyền Bát Nhã Ngâm hà độ sanh.
Cử nương bóng CHÍ LINH soi bước,
Gọi mê đồ tắm nước MA HA.
Liên đài may nở thêm hoa,
LÃO ĐAM cũng biết, THÍCH GIÀ cũng quen.
PHẠM HỘ PHÁP*

II.- NGUỒN GỐC Ý NGHĨA

Bài kinh Giải Oan này do Đức Hộ Pháp viết ra, có câu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ chính văn lại.

Bài Kinh Giải Oan được đồng nhi tụng trong buổi lễ cúng Chí Tôn, trước khi vị chức sắc hành pháp giải oan cho người tín đồ.

Chúng sanh sống trong cõi trần lao giả tạm này, vì vô minh, gây nhiều oan khiên ác nghiệt, nên bị nhiều nghiệp chướng chất chồng mà phải chịu biết bao luân hồi sinh tử, không thể nào giải thoát được.

Do vậy, người tu hành, mặc dù trong hiện kiếp có làm phải làm lành, nhưng những hành vi hung ác trong kiếp trước đã tạo thành căn quả cho kiếp này, nên vẫn phải trả oan khiên nghiệt chướng.

May duyên gặp được thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn mở ra một thời kỳ Đại Ân Xá cho toàn thể chúng sanh và các đấng chơn hồn, nên những oan khiên, nghiệp báo chất chồng từ muôn đời ngàn kiếp được Chí Tôn xá tất cả những tội lỗi tiền khiên.

Để thực hiện Đại Ân Xá kỳ ba, Ôn Trên ban cho đạo Cao Đài bí pháp Giải oan là nhằm cởi bỏ tất cả các nghiệp chướng đã gây ra trong một hay nhiều kiếp trước như lời Kinh đã viết:

*Chí Tôn xá tội **Giải Oan**,*

Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ vong.

Hoặc:

Phép Giải Oan độ hồn khôi tội.

Hoặc:

May đặng gặp hồng ân chan rưới,

Giải trái oan sạch tội tiền khiên.

III.- CHÚ GIẢI

Vòng xây chuyển vong hồn tiến hóa

Nương xác thân hiệp ngã Càn khôn.

Vòng xây chuyển: Hay vòng luân chuyển, tức là vòng luân hồi chuyển kiếp của chúng sanh trong tam đồ lục đạo.

Theo Phật, chúng sanh bị nghiệp lực cuốn hút vào vòng sinh tử, lên xuống không bao giờ ra khỏi các cõi và không bao giờ dừng nghỉ. Nghiệp là động cơ lôi chúng sanh đi trong sáu cảnh giới: Cõi người, Cõi trời, Cõi A tu la, Cõi địa ngục, Cõi ngạ quỷ và Cõi súc sanh. Tuy vậy, người tu hành phải nhờ con đường của vòng xây chuyển

để được tiến hóa cho đến khi đạt giải thoát.

Vong hồn 亡魂: Hồn của người đã chết, còn được gọi là linh hồn hay chơn hồn.

Triết lý đạo Cao Đài tin rằng con người có linh hồn và thể xác. Mỗi con người ở thế gian gồm có ba thể:

Phàm thân 凡身: Hay nhục thể là Đệ nhứt xác thân, do cha mẹ đào tạo bằng xác thịt, Phật giáo cho là thân tứ đại, bởi đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành. Thể này hữu hình, trọng trước, không thường tồn, dễ bị hoại.

Linh hồn 靈魂: Hay chơn linh là một điểm Linh quang từ khối Đại Linh quang của Thượng Đế chiết ra ban cho. Thể này Thiên thiêng linh diệu trong con người, nó vốn vô vi, bất tiêu bất diệt, nên khi chết, linh hồn nhẹ nhàng sẽ trở về cõi Hằng Sống.

Chơn thân 真神: Hay Đệ nhị xác thân. Theo Thánh giáo đây là một xác thân Thiên thiêng do Phật Mẫu dùng ngưng khí tạo thành. Thể này thuộc khí chất, bán hữu hình, vì nó có thể thấy đặng, mà cũng không có thể thấy đặng. Khi ra khỏi xác phàm, thì chơn thân lấy hình xác phàm như khuôn in rập.

Khi còn sống, chơn thân không thể xuất ra đặng vì bị xác phàm níu kéo, chỉ bậc chân tu mới có thể xuất chơn thân đặng.

Tấn hóa 進化: Hay tiến hóa. Quá trình của vạn vật theo thiên nhiên đào thải mà thay đổi tiến lên mãi. Sự thay đổi này mỗi lúc một tốt đẹp hơn, cao siêu hơn.

Theo nhân sinh quan của đạo Cao Đài, ở cõi thế gian này, Chí Tôn chiết chơn linh để Đức Phật Mẫu tạo

ra tám loại chúng sinh, gọi là bát phẩm chơn hồn: Vật chất hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. Điều này Thánh giáo có dạy: “*Thấy phân tánh Thấy sinh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, gọi là chúng sanh*”.

Do mỗi chơn linh đều có điểm Linh quang của Thượng Đế, gọi là thiên tánh, nên chúng sanh luôn luôn lúc nào cũng có tính hướng thượng hay cầu sự tiến hóa. Từ vật chất hồn là nấc thang cuối cùng trong vạn vật, mà tiến hóa lên đến thảo mộc, thú cầm, rồi nhơn loại. Nhơn hồn còn phải tu nhiều kiếp nữa để đạt được ngôi vị Thiêng Liêng như Thần, Thánh, Tiên, Phật, và cuối cùng phải tu nữa để trở về với Thượng Đế. Đây là *vòng xoay chuyển của các vong hồn tiến hóa*.

Nương xác thân: Dựa vào thể xác.

Linh hồn là thể vô vi do Chí Tôn ban cho con người, vì nghiệp lực mà phải đầu kiếp xuống thế gian. Để hiện diện được nơi cõi hữu hình này, thì linh hồn phải nương vào thân xác phàm trần, một thân do vật chất tạo nên mới phù hợp và có thể sống ở cõi thế gian này.

Hiệp ngã: Hợp với hướng đi, lối đi.

Càn khôn 乾坤: Quẻ Càn và quẻ Khôn trong Bát quái, tượng trưng cho Trời đất hay Âm Dương. Mà nguyên lý Âm Dương là Đạo. Như vậy, hiệp với Càn khôn là hiệp với Âm dương hay hiệp với Đạo vậy. Trương Tử Dương nói về Đạo như sau:

Đạo thị Hư vô sanh nhứt khí,
道是虛無生一氣

Tiên tông nhứt khí sản Âm Dương.
便從一氣產陰陽
Âm Dương giả hợp thành tam thể,
陰陽者合成三體
Tam Thể trùng sinh vạn vật xương.
三體重生萬物昌

Câu 1: Nhờ sự luân chuyển mà các vong hồn được tiến hóa.

Câu 2: Chơn hồn đó phải nương dựa vào thân xác mà hướng theo con đường Đạo, lo tu luyện hầu trở về với ngôi xưa vị cũ.

Bước đường sanh tử đã chơn

Oan oan nghiệt nghiệt đập đôn trái cấn

Đường sanh tử: Do từ Hán Việt “sinh tử lộ 生死路”, chỉ con đường luân hồi, tức là sinh ra rồi chết, chết rồi lại chuyển kiếp để được sinh ra...Cứ thế mà tạo thành con đường sinh tử.

Sanh là một con đường mà người khách trần mượn để đi lên, hay nói cách khác, con người phải có kiếp sống ở thế gian này nghĩa là phải đầu thai xuống thế giới hữu hình, có xác thân để được tu tâm sửa tánh, lập công bồi đức thì chơn linh mới có thể thăng tiến lên được.

Tử là chết. Theo quan niệm thông thường của thế nhân, chết là hết. Nhưng đối với nhân sinh quan của Cao Đài hay Phật giáo, chết chỉ là một giai đoạn hoại diệt của thân xác hữu hình hay sự đoạn lìa nghiệp trái ở cõi thế, để có một sự sống miên viễn, bất tận nơi thế giới vô vi,

thanh tịnh.

Chôn: Mối, chán.

Trong bài thơ “Đèo Ba Dội” của Bà Hồ Xuân Hương có câu:

*Hiền nhân quân tử ai mà chẳng,
Mối gối **chôn** chân vẫn muốn trèo.*

Oan nghiệt 冤孽: Oan trái và ác nghiệp.

Oan oan nghiệt nghiệt: Những oan trái và ác nghiệp cứ nối tiếp nhau mãi.

Vì sự thù giận mà con người gây ra những hành vi hung dữ, rồi tạo thành những mầm ác. Những mầm ác đó mới tạo nên căn nghiệp ác mà tự thân phải đền trả ngay trong kiếp hiện tại hay kiếp lai sinh. Cứ thế, những oan nghiệt trong nhiều kiếp chồng chất lên nhau mà tạo thành những chuỗi oan oan nghiệt nghiệt.

Dập dồn: Hay dồn dập là việc xảy ra liên tiếp.

Trái căn 債根: Trái là nợ, căn là gốc rễ.

Trái căn là những món nợ có gốc rễ từ kiếp trước, gây ra tai họa cho kiếp này phải đền trả.

Do gốc rễ đó, mà kiếp sống của con người phải thọ lãnh cái nghiệp báo: Nếu kiếp trước làm những điều thiện thì tạo căn lành cho kiếp sống hiện tại, nếu bây giờ ta gieo những việc ác, thì tạo ác căn cho kiếp lai sinh. Như vậy căn hay gốc rễ tạo thành cái nghiệp cho con người. Vì thế người ta thường gọi căn quả hay căn nghiệp.

Thiện căn hay ác căn có khả năng ăn sâu và lớn mạnh lên vào gốc rễ mà tạo thành nghiệp báo.

Câu 3: Chịu nhiều lần sinh tử trên bước đường luân hồi, nên Chơn linh đã mòn mỏi, chán ngán.

Câu 4: Oan trái và ác nghiệp của kiếp trước liên tiếp đem tới nhiều món nợ, làm thành cái gốc rễ để kiếp này phải đền trả.

**Luật Nhơn quả để răn Thánh đức
Của Luân hồi nhắc bậc cao siêu**

Luật Nhơn quả: Luật về nguyên nhân và kết quả.

Nhân 因: Là hạt giống, cái mầm, có năng lực tác động.

Quả 果: Là trái, kết quả, là sự hình thành.

Mỗi hiện tượng đều có nguyên nhân của nó. Hễ có nguyên nhân, tất nhiên sẽ có kết quả tương thích với nguyên nhân ấy, đó là luật nhân nào quả nấy.

Luật nhân quả không bị hạn chế bởi thời gian, có khi nhanh, cũng có khi chậm. Có nhiều loại nhân quả:

Nhân quả hiện tại gọi là **Hiện báo 現報**: Nghiệp nhân trong đời này đưa đến quả báo ở hiện kiếp.

Nhân quả trong hai đời gọi là **Sanh báo 生報**: Đời trước tạo nhân đời nay mới thọ quả. Đời này gây nhân đời sau nhận quả.

Nhân quả trong nhiều đời gọi là **Hậu báo 後報**: Từ rất nhiều đời trước gây nhân, đời nay mới gặt quả, hoặc đời này tạo nhân nhưng mãi nhiều đời sau mới thọ quả.

Răn: Răn dạy, ngăn cấm.

Thánh đức 聖德: Cái đức của bậc Thánh, tức là những bậc hiền nhân có tâm hồn hy sinh để phụng sự cho

nhơn loại và dẫn dắt nhơn loại vào con đường đạo đức.

Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “*Nhơn luân giữ trọn, ấy là mối đạo nhân, lo **Thánh đức** trau lòng là phương thoát tục*”.

Trong Chú giải Pháp Chánh Truyền có viết: “*Dầu phải bị đọa trần đi nữa cũng giữ vẹn **Thánh đức** mà tu hành đặng đạt đến địa vị trọn lành*”.

Luân hồi 輪迴: Luân là bánh xe xoay vần, Hồi là quay trọn vòng này trở lại đến vòng khác, cứ thế quay mãi.

Sự luân chuyển của chúng sanh trong sáu cõi (Lục đạo 六道), sanh tử, tử sanh tiếp nối nhau không ngừng như cái bánh xe quay không có khởi điểm. Chúng sanh bị nghiệp lực cuốn hút vào vòng sống chết không bao giờ dừng nghỉ, chỉ khi nào đạt được giải thoát hay chứng quả mới thôi.

Nhắc: Nâng lên.

Cao siêu 高超: Người hiền và tài giỏi vượt lên trên nhiều người khác.

Câu 5: *Luật Nhân quả dùng răn chúng sanh phải biết kiêng sợ mà sửa mình để trở nên người Thánh đức.*

Câu 6: *Ngổ vào vòng luân hồi là nhằm để cho chúng sanh tiến hóa, nâng mình lên phẩm vị cao siêu hơn.*

Thế gian là nơi giành giựt mỗi danh bả lợi, nhứt là vào thời Hạ nguơn mạt Pháp, con người vì quyền lợi trở thành hung tàn ác ngược. Đạo Cao Đài ra đời nhằm dạy con người phải biết kiêng sợ luật nhơn quả để trau rèn nên người Thánh đức, biết thương yêu nhau, có lòng từ bi nhơn hậu. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có nói:

“Đạo lý Thánh hiền đã hết, nếu chẳng có mối Đạo để sửa tâm tánh, thì sẽ bị danh lợi giứt giành, đưa đến tận thế”.

***Dấu chẳng phải mực Thiên điều
Cũng quyền tự chủ dặt dùi thiên lương***

Dấu chẳng: Là dù có thể nào đi chẳng nữa.

Phải mực: Phải ở lần mức giới hạn.

Thiên điều 天條: Là những điều khoản luật pháp do các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật họp đại hội lập ra.

Trong bài diễn văn của Đức Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh ngày 12.2. Mậu Thìn (1928), nói về lập luật như sau: *“Hội Thánh hiệp nhau lập luật đạo thì cũng như chư Thần Thánh Tiên Phật hội lập Thiên điều. Vậy thì Hội Thánh và chư Thần Thánh Tiên Phật cũng đồng một thể”.*

Tự chủ 自主: Tự mình làm chủ.

Quyền tự chủ: Là quyền tự mình làm chủ lấy mình, tức là cái quyền riêng của mình để tự định đoạt lấy số phận mình.

Thiên lương 天良: Là cái phần tốt đẹp và thiện lành mà Trời ban cho con người. Nhờ sự hướng dẫn của thiên lương (hay lương tâm), con người hành động mới hợp theo thiên lý.

Thiên lương chính là lương tâm của con người vậy.

Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: *“Lương tâm của các con là một khiêu Thiêng Liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức. Làm một việc phải tức là do nơi ý Trời, phạm một nét vạy tà là cãi nơi Thiên luật”.*

Trong bài thuyết đạo của Đức Hộ Pháp có viết: *“Lương tâm là thiên lương trời mới nảy tánh, cái khôn ngoan đặc sắc của loài người đối cùng vạn vật của cơ tấn hóa. Nhờ khôn ngoan ấy mới có tư tưởng biến sanh hầu thay thế cho Trời, tô điểm vẽ vời cho đời thêm tốt đẹp. Thiên lương ấy mới thiệt là ta. Nó đã do nơi khối Chí linh của Trời mà sản xuất, thì nó là con của Trời, tức nhiên nó là Trời. Nếu do nó mà tín ngưỡng thì mình do Trời mà tín ngưỡng. Mình thờ nó tức thờ Trời. Ngoài nó ra, chẳng ai biết Trời; ngoài trời ra không ai biết nó”*.

Câu 7: Dù thế nào đi nữa, cũng phải giữ chừng mực của luật Thiên điều.

Câu 8: Con người có quyền tự chủ, tự thọ lấy cuộc đời mình theo sự dẫn dắt của Thiên lương (Lương tâm).

Lương tâm vốn tịnh là tánh Trời phú cho, để làm chủ tể của con người. Nhưng khi sống ở thế gian, thân nhiễm vật chất rồi khiến cho Tâm phải động, khi Tâm bị động thì được gọi là ý. Ý có khuynh hướng vật chất, nên sinh dục vọng, là mối loạn cho Tâm, khiến Tâm trở nên mê mờ, không làm chủ thân được.

Muốn Thiên lương sáng suốt để dẫn dắt con người, Nho giáo dạy phải Thành ý và Chánh tâm.

Thành ý là phải sửa ý trở nên chơn thật, tức là trừ tuyệt sự ham muốn vọng động của ý, lúc đó ý trở về với Tâm thanh tịnh.

Chánh tâm là phép sửa đổi cho Tâm được ngay lành. Muốn vậy, bên ngoài thì phải ngăn giữ ngũ giác quan cho ngay chính, bên trong thì phải trừ tuyệt những mê chấp thâm nhập nội giới của tâm.

Nếu Thiên lương trở về với bản thể tự nhiên thì lúc ấy nó sẽ sáng suốt dẫn dắt như thân theo con đường Thiên lý. Như vậy con người tự làm chủ lấy cuộc đời của mình theo sự điều dẫn tốt đẹp của Thiên lương.

*Dòng khổ hải hằng chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.*

Dòng khổ hải: Dòng nước trong biển khổ.

Đạo Phật ví sự đau khổ của con người trong cõi trần gian này đầy dẫy như những dòng nước biển mênh mông, bát ngát, không bờ không bến, như bài Kệ chuỗi viết:

Ái hà thiên xích lãng,

愛河千尺浪

Khổ hải vạn trùng ba

苦海萬重波

Dục thoát luân hồi khổ,

欲脫輪回苦

Tảo cấp niệm Di Đà.

早急念彌陀

Nghĩa là tình ái như dòng sông ngàn thước sóng, sự khổ đau ở thế gian như muôn lượn sóng dồn dập ở biển khơi đã nhận chìm biết bao sanh linh từ muôn đời ngàn kiếp. Muốn thoát khỏi khổ luân hồi, thì mau sớm niệm danh Di Đà Phật.

Phật cũng cho rằng: Nước mắt chúng sanh trong ba ngàn Thế giới đem chứa lại còn nhiều hơn nước ngoài bốn biển.

Chìm đắm: Do chữ trầm luân 沉淪: Tức là chìm

đắm vào nơi biển khổ.

Mùi đau thương: Mùi đau đớn, mùi khổ sở.

Thấm: Nhiễm vào, ngấm vào.

Chơn linh 真靈: Chơn hồn hay linh hồn.

Câu 9: Con người vì luân hồi nên bị chìm đắm mãi trong biển khổ.

Câu 10: Khiến chơn linh phải chịu nhiều nỗi đau thương.

Đã là con người mang lấy mảnh hình hài xác thịt, lại phải lặn hụp trong biển khổ của thế gian này, nên khổ sở lo ăn, vất vả kiếm mặc, lại còn bị sự đòi hỏi của thân xác, càng ngày càng gây nhiều oan nghiệt, rồi chìm sâu trong luân hồi sanh tử, tử sanh, khiến những nỗi đau thương thấm sâu vào chơn linh, làm chơn linh ô trược nặng nề. Do vậy, con người muốn thoát khỏi oan nghiệt để lo tu hành cũng phải nhờ phép Giải Oan hầu gạt rửa những oan nghiệt chất chồng đã nhiều kiếp.

Dây oan xe chặt buộc mình,

Nhớ nhớ lục đục thất tình nhiễm thân.

Dây oan: Sợi dây oan nghiệt.

Những hành động hung tàn bạo ngược và những việc làm ác đức của con người nơi thế gian này sẽ tạo thành những sợi dây oan nghiệt, có khả năng lôi kéo các chơn linh phải chìm đắm vào luân hồi sinh tử. Như vậy, tức là con người luôn tự mình xe dây để tự trói chặt vào mình mà không hay. Sợi dây oan nghiệt đó xây chuyển từ muôn đời ngàn kiếp trong cái vòng lẩn quẩn không bao giờ thoát ra nổi. Chúng sanh may duyên gặp thời Tam Kỳ Phổ Độ,

Đức Chí Tôn và Phật Mẫu khai nền Đại Đạo hầu mở cơ tận độ, nên giao cho “*Bí pháp giải oan*” để giải thoát con người khỏi những sợi *dây oan nghiệt* đó.

Xe chặt: Quán chặt, buộc chặt.

Buộc mình: Cột trói vào mình.

Nhớ nhớ: Nhớ bản, bản thủ.

Lục dục 六欲: Nhân, nhĩ, tỹ, thiệt, thân và ý. Phật giáo còn gọi là *lục tặc* 六賊: tức là sáu tên giặc hằng ngày theo quấy nhiễu những người tu. Đó là sáu giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu giác quan này tiếp xúc với ngoại cảnh gọi là sáu trần cảnh (lục trần) là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà thâm nhập vào quấy phá thân tâm, sinh ra nhiễm ái, gây ra sự tội lỗi và đau khổ.

Thí dụ như mắt thấy sắc đẹp sinh ra mê đắm, rồi dục vọng dấy khởi, sau đó tội lỗi do đây mà hình thành. Vì vậy, người tu hành phải thường xuyên tu tập, gọi là thọ trì sáu căn.

Thất tình 七情: Bảy thứ tình cảm khuấy rối tâm con người, gồm có: Hỷ 喜, nộ 怒, ái 愛, ố 惡, ai 哀, lạc 樂, dục 欲 (Mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, muốn).

Ngoài ra bên Phật còn kể thất tình theo bảy thứ tình cảm như sau:

– Hỷ 喜, nộ 怒, ưu 憂, tư 思, bi 悲, khủng 恐, kinh 驚 (Mừng, giận, lo, nghĩ, buồn, sợ, hãi).

– Hỷ 喜, nộ 怒, ưu 憂, cụ 懼, ái 愛, tăng 憎, dục 欲 (Mừng, giận, lo, sợ, yêu, ghét, muốn).

Nhiễm thân 染身: Thấm vào xác thân.

Câu 11: *Những sợi dây oan nghiệt do mình tạo ra*

buộc chặt con người phải đền trả (tức là phải chịu luân hồi quả báo).

Câu 12: *Xác thân bị nhơ nhớp vì bởi thất tình lục dục lôi cuốn con người vào vòng vật chất thấp hèn.*

**Chịu ô trược Chơn thần nặng trĩu,
Mảnh hình hài biếng biếu lương tâm,**

Ô trược 污濁: Hay ô trược là nhơ bẩn, không sạch sẽ.

Chơn thần 真神: Tức là đệ nhị xác thân, hay xác thân Thiêng liêng do Phật Mẫu dùng nguyên khí tạo thành (xem chú thích phần trên).

Nặng trĩu: Nặng trĩu xuống.

Chơn thần là một xác thân Thiêng liêng do Phật Mẫu dùng nguồn khí tạo thành, nên rất nhẹ nhàng, trong sạch. Vì oan nghiệt buộc ràng, và vì vật chất lôi cuốn con người chìm đắm vào vòng tục lụy là nơi cấu trược, rồi từ đó, con người mới mãi chịu xoay chuyển trong luân hồi sinh tử, khiến chơn thần càng ngày càng thêm ô trược, nặng nề, làm cho đường về của nó khó khăn. Thánh giáo Chí Tôn dạy: “*Cái chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch, mới nhẹ nhàng hơn không khí, ra khỏi càn khôn dặng*”.

Hình hài 形骸: Thể xác nơi thế gian.

Đây là một thể hữu hình do tinh cha huyết mẹ tạo ra, trọng trược, dễ bị hoại mà Phật cho là thân tứ đại do: Đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành.

Tuy là vật chất, tạm bợ, nhưng hình hài rất cần thiết cho kiếp hiện tại, nó làm phương tiện, làm vật chuyên chở cho chơn linh có phương thể để học hành đạo lý cho viên thông, để lập công bồi đức và nó còn là cái vỏ chở che

linh hồn, là tài liệu học tập trong một kiếp sanh nơi cõi Ta Bà Thế giới này để tiến hóa. Vì thế, trong Giới Tâm Kinh có câu:

*Dễ gì lộn kiếp đặng làm người,
May đặng làm người chớ để duôi.
Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng, dữ tựa hoa tươi.*

Biếng hiếu: Không siêng năng tìm hiểu.

Lương tâm 良心: Cái thiện tâm của con người, cũng là cái Thiên lương.

Theo Mạnh Tử 孟子, có lương tâm thì người ta mới được điều nhân điều nghĩa, lẽ phải lẽ trái. Chỉ vì đắm đuối vào đường vật chất, do thất tình lục dục xuôi khiến, cho nên cái lương tâm của con người mới mờ tối đi, thành thử không giữ được điều nhân nghĩa.

Muốn giữ cho được cái lương tâm của mình thì phải tồn tâm, tức là giữ cho còn cái bản tâm hư linh của mình. Mạnh Tử nói: “*Người Quân tử sở dĩ khác người ta là chỉ có sự giữ cho còn cái tâm mà thôi*”(Quân tử sở dĩ dị ư nhân giả, dĩ kỳ tồn tâm dã 君子所以異於人者, 以其存心也).

Giữ được cái tâm rồi, còn phải nuôi dưỡng cho càng ngày càng sáng suốt. Muốn vậy, con người phải quả dục寡慾, giảm bớt lòng dục, tức là ít chịu sự cám dỗ, xuôi giục của thất tình lục dục. Điều này Mạnh Tử nói như sau: “*Nuôi cái tâm thì không gì hay hơn quả dục*” (Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục 養心莫善於寡慾).

Câu 13: *Vì oan nghiệt và nặng mang phàm thể mà*

xu hướng theo đường vật chất, nên Chơn thân chịu ô trước nặng nề.

Câu 14: Do thất tình lục dục sai khiến vào đường vật chất, xác thân của con người không chịu sự đánh thức của lương tâm.

**Phong trần quen thú cung âm,
Cảnh thăng ngự ngẩn lạc làm Phong đô.**

Phong trần 風塵: Gió và bụi. Chỉ sự chịu đựng những nổi vất vả, gian khổ, hay từng trải.

Quen thú: Quen với thú vui.

Cung âm: 宮音: Cung bậc của âm nhạc. Ý chỉ sự đàn ca xướng hát, vui chơi trác táng.

Tiếng hát lời ca tạo nên những cung âm du dương, thanh từ đậm đặc, khiến cho con người bị rung cảm, lung lạc lòng ham muốn, lẫn hồi sinh ra mê đắm. Từ say mê đưa đến nghiệp thức, nghiệp thức lôi kéo con người vào vòng cảm thụ rồi dẫn đến mê luyến xác thân, là mầm của luân hồi sinh tử

Cảnh thăng: Hay thăng cảnh 升境: Cảnh của các chơn linh được siêu thăng, Cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống. Ý chỉ con đường đắc Đạo.

Thăng và đọa là hai đường đi của các Chơn linh. Nếu lần theo thăng cảnh thì được vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, là nơi Cực Lạc, Vinh hắng; còn rơi vào đường đọa thì bị cõi phong đô kèm thúc:

*Lành dữ hai đường đọa với siêu,
Đòn cân tội phước trả mai chiều.
Khôn lên bờ giác làm Tiên Phật,*

Dại xuống mê đồ hóa qui yêu.

Ngơ ngẩn: Tình trạng không còn tâm trí.

Lạc lăm: Lầm đường lạc nẻo.

Phong đô 豐都: Là Địa ngục, A tỳ, cõi giam cầm và trừng trị các tội hồn gây nhiều ác nghiệp lúc còn sống nơi thế gian. Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát làm Giáo chủ cõi Phong đô nên Ngài được gọi là Phong Đô Đại Đế.

Theo Phật, Địa ngục, một trong tam ác đạo, là cõi khổ não, nơi thác sinh của chúng sanh đã tạo nhiều nghiệp ác (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh).

Phong đô hay Địa ngục, là nơi giam giữ và trừng phạt các Chơn linh tội lỗi do lúc sinh tiền vì vô minh mà tự tạo ra bằng các hành động hung ác, tội lỗi, chứ không ai tạo ra hết. Địa ngục do mình tạo thì mình có thể giải thoát cho mình. Chỉ có trí huệ của con người chúng ta mới có thể xa rời Địa ngục, đưa con người sống an nhàn tự tại trên cõi Vĩnh hằng.

Câu 15: *Thú đàn ca hát xuống đã từng trải qua, làm quen dần việc ăn chơi trác táng.*

Câu 16: *Đường Đạo đức, đường đưa Chơn linh siêu thoát thì ngơ ngẩn, không nghĩ tìm vào, lại phải lầm đường lạc nẻo vào cõi Phong đô.*

Khối trái chủ nhặng lo vay trả,

Mối gây nên nhân quả nợ đời.

Trái chủ 債主: Người chủ nợ.

Khối trái chủ: Từ chung chỉ những người chủ nợ và những người vay nợ.

Sống ở thế gian, mọi con người đều là người cho vay và mượn nợ lẫn nhau. Có người vay từ kiếp trước, kiếp này phải trả, nhưng lại làm chủ nợ của kiếp này để người khác phải trả. Có kẻ lại là chủ nợ ở kiếp trước, kiếp này người ta trả nợ cho mà chính họ lại người vay nợ. Sự vay trả trong một kiếp hay nhiều kiếp của chúng sanh, khiến cho nợ nần chất chồng mà phải luân hồi sanh tử triền miên để đền trả lẫn nhau mãi.

Nhãng: Chi.

Mới gây nên: Mới tạo nên.

Nhân quả: Xem chú thích luật nhân quả câu trên.

Nợ đời: Nợ ở đời, nợ thế gian. Đây là một món nợ mà con người phải trả. Vừa sinh ra thì con người phải mang lấy món nợ đời rồi.

Con người muốn không đền trả thì kiếp này đừng vay, mà phải tự lực tự túc, tức là phải trả hết nợ cũ và không gây nợ mới, đồng thời còn phải bồi công lập đức thì mới dứt được nợ đời của bản thân.

Câu 17: *Sống nơi thế gian, con người vừa là chủ nợ, vừa là con nợ, nên chỉ lo vay trả mà thôi.*

Câu 18: *Sự vay trả của con người đó mới gây nên cái nhân quả và nghiệp ở cõi đời.*

Rảnh mình đâuặng thánh thời,

Thiên cung lối chơi với cõi trần.

Rảnh: Không bận bịu, không vướng bận.

Đâuặng: Đâu có thể được.

Thánh thời: Thông thả, nhàn nhã.

Thiên cung 天宮: Chỉ cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Lỡ lối: Lỡ đường, lỡ bước.

Chơi vơi: Trơ trọi một mình không chỗ bám víu.

Câu 19: *Bởi vì con người sống trong vòng vay trả, nên thân mình đâu có rảnh để được nhàn hạ.*

Câu 20: *Cõi Thiêng Liêng bị lỡ bước, đành chịu trơ trọi nơi cõi trần, không bám víu vào đâu được.*

Con người vì bận đối phó với việc vay trả nên không được thanh thoi để lo lập công đức, khiến cho đường về với Đức Chí Tôn (Thiên cung) bị lỡ bước mà phải lạc lối vào cõi Phong đô.

Thực ra, đây bởi con người thiếu trí huệ, thiếu ý chí phấn đấu và nhụt là không duyên với con đường đạo, nên khiến mãi mê trong vòng lẩn quẩn, lại có khi hện lẩn hện lựa cho đến rốt cuộc đời mà vẫn còn trong vòng vay trả. Thánh giáo Chí Tôn dạy: “*Cái xuân kia chẳng đợi người mà bước đời gay trở, lẩn qua thỏ lẩn ác tà, bóng thiếu quang nhật thức, con đường hy vọng chẳng biết đâu là tốt cùng mà bước đời xem đà mòn mỏi, sự thác vô tình sẽ đến mà vẽ cuộc sanh ly pha màu tử biệt, làm cho sự vui vẻ giàu sang danh vọng đều thành ra một giấc huỳnh lương, rồi đây vĩnh biệt ngàn năm, tội tình muôn kiếp*”.

Sự vay trả ở đời giống như làm ăn, lập nghiệp: Không có vốn phải vay để ăn thì nợ phải trả hoài chẳng bao giờ hết nợ; còn nếu vay vốn để làm ăn thì có khi trả hết nợ mà lại còn vốn. Như vậy người tu vừa trả nợ tiền khiên vừa lập công bồi đức thì cũng có khi hết nợ mà còn thừa công đức.

*May đặng gặp hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.*

May đặng gặp: May mắn được gặp.

Hồng ân 洪恩: Ân huệ rất to lớn. Đây chỉ ân huệ của Đức Chí Tôn.

Chan rưới: Ban rải khắp nơi.

Giải 解: Cởi bỏ ra.

Giải trái oan 解債冤: Cởi bỏ những món nợ oan khiên đã gây ra từ kiếp trước.

Sạch tội: Sạch hết tội lỗi.

Tiền khiên 前愆: Tội lỗi đã gây ra trong một hay nhiều kiếp trước.

Câu 21: May mắn mới gặp lúc Đức Chí Tôn ban ân huệ khắp nơi cho chúng sanh.

Câu 22: Được giải bỏ hết những nợ nần oan nghiệt và rửa sạch tội tiền khiên.

Thật vậy, chúng sanh được sinh vào thời kỳ này là một duyên may mắn, lại gặp được nền Đại Đạo thì là một phúc đức to lớn. Khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai sáng, Đức Chí Tôn mở ra thời kỳ Đại Ân Xá cho toàn thể chúng sanh và các đẳng linh hồn. Đó là một hồng ân của Đức Đại Từ Phụ chan rưới cho vạn linh chung hưởng.

Ân xá kỳ ba là vào thời kỳ phổ độ lần thứ ba Đức Chí Tôn mở Đạo ban cho chúng sanh một ân huệ lớn lao là:

- Đóng cửa Địa ngục, mở rộng cửa Thiên đường.
- Những tội lỗi chất chồng từ ngàn đời muôn kiếp

trước được giải bỏ hết để chúng sanh rảnh rang mà lo tu hành, lập công bồi đức.

Thi hành Đại Ân Xá kỳ ba này, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thực hiện những bí tích như: Phép giải oan, phép cắt dây oan nghiệt, phép độ thăng..

Đóng Địa ngục mở tầng Thiên,

Khai đường Cực lạc, dẫn miền Tây phương.

Địa ngục 地獄: Nơi u tối nặng nề, khổ sở để giam cầm và trừng trị các chơn linh gây nhiều ác nghiệp khi sống nơi thế gian (Xem giải chữ Phong đồ).

Tầng Thiên: Tầng Trời, chỉ về các cõi Trời, cõi của các Chơn linh siêu thăng đắc đạo, tức là cõi của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Khai đường: Mở con đường, con đường mở rộng.

Cực Lạc 極樂: Chỉ cõi Tây Phương Cực Lạc hay Cực Lạc Thế Giới, là cõi tịnh độ ở phương tây do Phật A Di Đà giáo hóa. Cõi này là nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui, hạnh phúc nên được gọi là cõi Cực Lạc.

Dẫn miền: Dẫn vào miền.

Tây phương 西方: Tức là Tây Phương Cực Lạc, hay Cực Lạc Thế Giới bởi vì cõi này ở về hướng tây.

Câu 23: Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chi Tôn cho đóng cửa Địa ngục và mở các tầng Trời để đón các Chơn linh đắc đạo.

Câu 24: Mở ra con đường để dẫn các Chơn linh đạt đạo về Tây Phương Cực Lạc.

Trong Phật Mẫu Chơn Kinh có câu:

*Vô Địa ngục, vô Quỷ quan,
Chí Tôn Đại xá nhứt trường qui nghiệp.*

Tức là vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn khai nền Đại Đạo, đóng các cõi Địa ngục và đại ân xá cho tất cả chúng sanh được giải hết oan nghiệt để tu một kiếp mà có thể trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống đặng. Còn các vong hồn có tội tình thì vào cõi Âm quang, chờ ngày thoát hóa. Thất Nương Diêu Trì Cung giải thích về cõi Âm quang như sau: “*Âm quang là nơi Thần linh học gọi là Trường đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là Tịnh Tâm Xá, nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đặng tịnh tâm xét mình, coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội. Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình. Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang*”.

*Nhập Thánh thể dò đường cứu vớt,
Nơi Chơn truyền khử qui trừ ma.*

Thánh thể 聖體: Thân thể thiêng liêng, trái với phàm thể 凡體. Thánh giáo Đức Chí Tôn có nói về Thánh thể như sau: “*Ôi Thầy sanh các con, Thầy yêu các con; Thầy cho các con đến thế này với một **Thánh thể Thiêng liêng**, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống; không mặc mà lành. Các con không chịu, lại nghe lời cám dỗ, luyến ái hồng trần, ăn cho bị đầy; dâm cho phải bị đọa, rồi các con phải chịu dưới nạn áo cơm.*

Lợi, Thầy để dành cho các con chung hưởng, nhưng vì lòng tham, dứa giứt nhiều, dứa phải chịu kém.

Quyên, Thầy ban cho các con, y như Thầy đã ban cho Thần, Thánh, Tiên, Phật, để cho các con có đủ phương tiện

*kiềm chế lẫn nhau đặng giữ vẹn **Thánh thể** của Thầy. Thế mà cái quyền ấy thành một món lợi khí, buộc trói các con trong vòng tội lỗi. Ôi, cái thất vọng của Thầy rất nên đau đớn”.*

Ta đã biết, phạm thể là nhục thể của con người trong cõi thế gian, vì vô minh bị nghiệp lực, thất tình lục dục xuôi khiến nên phạm thể ô trược nặng nề. Người biết tu hành chính chắn thì phạm thể sẽ dần dần trong sạch, nhẹ nhàng từ tâm thức đến thể xác, nên trở thành *Thánh thể*.

Muốn đạt được một *Thánh thể*, chúng ta phải mượn phạm thể để tu tánh luyện mạng. Tu tánh là trau dồi tự tánh, sửa đổi nội tâm cho phù hợp với Thiên lý, thể theo đức hạo sanh của Thượng Đế, yêu thương muôn loài vạn vật, tâm dứt ngoại duyên, thân không trần nhiễm. Luyện mạng là luyện Tinh, Khí, Thần cho Tam bửu hiệp nhất, tinh tấn, giao cảm cùng các Đấng Thiêng Liêng, tạo nên một *Thánh thể* anh linh, con người thoát tục.

Người đạt được *Thánh thể* là người *cư trần bất nhiễm* 居塵不染, có một phong nghi đạo đức, Phật tâm Thánh ý, có một đời sống thanh cao, ăn mặc thủ thường chay lạt, sắc tài danh lợi không mê luyện, lời nói việc làm thuận theo Thiên ý, đẹp dạ nhân tâm.

Nhập Thánh thể 入聖體: Rèn luyện phạm thể để trở nên Thánh thể.

Có nhiều người hiểu nhập *Thánh thể* là thọ phẩm chức sắc Thiên phong để vào hàng *Thánh thể Đức Chí Tôn*. Theo thiển ý, nếu như một người *Tu chơn*, tức là tu theo con đường thứ ba Đại Đạo, không thọ phẩm tước, không vào hàng Thánh thể của chức sắc Thiên phong thì không tìm được về ngôi vị cũ sao?

Lại nữa, Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy về chức sắc Thiên phong như sau: “*Thấy để lời cho các con biết rằng: Nhiều Thánh, Tiên, Phật xuống phàm, nếu căn quả tiền khiến không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải nhớ bận nhiều thì dầu không Thiên phong, hễ gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi dạng.*”

Thiên phong là để cho bậc Thánh, Tiên, Phật lià trần phải lắm dày công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cứu phẩm đẳng.

Các con nên nhớ, Thầy lấy từ bi phong tịch, nhưng Chức sắc nếu vì áo mào hơn đạo đức thì tội chất bằng hai”.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo cũng có câu:

Chữ Tu nó chẳng ở ngoài,

Tu trong tâm tánh đời mài điểm linh.

Dò đường: Tìm đường, dò kiếm đường.

Cựu vị 舊位: Ngôi vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng.

Mỗi chúng sanh đều là một Tiểu linh quang của Đức Chí Tôn. Theo luật tiến hóa, các chơn hồn phải đầu kiếp xuống phàm trần là vật chất, từ tinh hoa của vật chất, mới tiến lên đến kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, rồi còn phải tu nhiều kiếp nữa mới tiến lên ngôi Thần, Thánh, Tiên, Phật và cuối cùng trở về **ngôi vị cũ** là khối Đại Linh quang của Thượng Đế.

Nơi: Học tập theo.

Chơn truyền 真傳: Giáo pháp chơn thật được kể truyền.

Theo lời Thánh giáo Đức Chí Tôn, Giáo pháp các

Đấng trong nhất và nhị kỳ phổ độ bị cải sửa, xa lìa Chánh giáo, nên thất kỳ truyền. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính mình Đức Chí Tôn đem nền Chơn giáo truyền lại cho toàn cả chúng sanh bằng huyền diệu cơ bút, có thể truyền đến thất ức niên (tức bảy trăm ngàn năm), nên được gọi là mỗi *Chơn truyền*.

Khử quỷ trừ ma 去鬼除魔: Tiêu trừ ma quỷ.

Ma quỷ có thể hiểu theo hai cách:

– Theo thói thường, ma quỷ là những vong hồn không được siêu thoát, bởi trong kiếp sanh gây nhiều tội ác mà phải bị đọa vào cõi u minh. Lũ ma quỷ này thường hay ganh ghét người tu hành (Tà bất cảm chánh 邪不感正), nên thường quấy rối, dụ dỗ người tu vào đường tà giáo.

– Ma quỷ còn là biểu hiện cho tất cả những gì ngăn cản các thiện căn, cản trở chánh pháp như lười biếng, phiền não, nghi hoặc, bệnh tật... làm nhiễm loạn thân tâm, gây chướng ngại cho việc tu tập.

Dù là loại ma quỷ nào đi nữa, thì nó cũng là ma chướng, là cơ thử thách cho người tu hành, vì luật công bằng Thiêng liêng buộc người tu phải chịu vậy. Quỷ ma thường bày ra giả cuộc để rù quẩn, dỗ dành, cản trở những người tu hành, nhưng người tu đã được hộ thân bằng bộ thiết giáp, đó là Đạo đức. Thánh giáo có dạy rằng: *“Ấy vậy, Đạo đức các con là phương pháp khử trừ quỷ mị lại cũng là phương điều dắt các con trở lại cùng Thầy. Các con không đạo, thì là tôi tớ quỷ mị. Thầy đã nói đạo đức cũng là một cái thang vô ngần, bắc cho các con leo đến phẩm vị tối cao, tối trọng là ngang bậc phẩm cùng Thầy, hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa”*.

Câu 25: *Nhập Thánh thể tức là vào đường tu hành chơn chánh thì mới có thể dò tìm được con đường trở về ngôi xưa vị cũ.*

Câu 26: *Nói theo giáo lý chơn truyền của Đức Chí Tôn để được khừ quỷ trừ ma.*

***Huệ quang chiếu thấu chánh tà,
Chèo thuyền Bát Nhã Ngân hà độ sanh.***

Huệ quang 慧光: Ánh sáng của trí huệ.

Trí huệ là trí sáng suốt nhận biết được chân tướng của mọi sự vật, cái thấy chính xác về sự vật, hiểu biết rất ráo đến chân lý.

Có thể nói: Ánh sáng trí huệ là ngọn đèn, là cây đuốc soi sáng cho con người ra khỏi bóng tối của vô minh.

Theo Đạo giáo, lúc tinh khí đầy đủ, thần cũng sung mãn thì có ánh sáng phát ra, ánh sáng này gọi là Huệ quang. Lý Tiên Ông nói:

*Huệ quang chợt hóa lưu kim hỏa,
Luyện tan nổi sáu mươi tám tầng.*

Chiếu thấu 照透: Soi rọi thấu suốt, soi rọi biết rõ.

Chánh tà 正邪: Hai con đường mà người tu phải chọn lựa:

Chánh là ngay thẳng, chơn thật, đúng đắn, hợp với luân lý đạo đức. Tà là cong queo, tà vạy, không hợp với luân thường đạo lý. Chánh tà luôn luôn lúc nào cũng xung khắc nhau, đối chọi nhau. Nhưng vì luật đối đãi nơi thế gian hễ có chánh tự nhiên có tà, có thiện là phải có ác, cũng như có ngày thì phải có đêm. Thánh thi có bài như sau:

*Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà,
Chánh tà hai lẽ đoán sao ra.
Sao ra Tiên Phật người trần tục,
Trần tục muốn thành phải đến Ta.*

Người tu hành muốn phân biệt được tà chánh thì phải có trí huệ. Trí huệ là cây đuốc soi rọi cho người tu lần đi theo con đường chơn chánh, bằng phẳng và ngắn nhất.

Thuyền Bát nhã: Hay Bát nhã thuyền 般若船: Chúng sinh vì vô minh mà phải bị chìm đắm nơi bến mê. Thuyền Bát nhã là chiếc thuyền trí huệ để đưa chúng sanh vượt sang qua bờ giác, hay bờ giải thoát.

Ngân Hà 銀河: Theo truyền thuyết, Ngân Hà là một dòng sông chia cắt tình yêu của Ngưu Lang và Chức Nữ. Mỗi năm hai người chỉ gặp nhau một lần vào đêm thất tịch, ngày mùng 7 tháng 7 Âm lịch, nên đêm này, nước mắt của họ chứa chan tạo thành những cơn mưa ngâu, vì bởi khóc than một cách đau khổ cho cảnh biệt ly.

Theo Đức Hộ Pháp, Ngân Hà là một nhánh của biển khổ, nên là một dòng sông chứa đầy khổ đau. Vì thế trên sông đó, có Đức Quan Âm Bồ Tát vãng mạng lệnh của Di Lặc Vương Phật chèo chiếc thuyền Bát Nhã đi độ sanh, tức là độ những người đầy đủ phước đức.

Trong Thánh thi hiệp tuyển, sông Ngân Hà cũng được nhắc đến như:

*Thuyền khơi đợi gió lướt dòng Ngân,
Dẫn khách Nam qua khỏi bến trần.*

Hoặc:

Cung Đẩu vít xa gươm xích quỷ,

Thiêm cung mở rộng của Hà Ngân.

Câu 27: Người tu dùng ánh sáng trí huệ để soi rọi cho thấu lẽ chánh và lẽ tà.

Câu 28: Chiếc thuyền Bát Nhã được Quan Âm Bồ Tát chèo khắp trên sông Ngân Hà để độ sanh cho những người đầy đủ phước đức.

**Cử nương bóng CHÍ LINH soi bước,
Gọi mê đồ tắm nước MA HA.**

Nương bóng: Dựa theo ánh sáng.

Chí Linh 至靈: Tức là chỉ Đức Chí Tôn.

Soi bước: Rọi ánh sáng theo bước chân đi.

Gọi: Tắm gọi cho sạch.

Mê đồ 迷途: Đường mê, tức là những đường u mê, lầm lạc.

Con người vì vô minh bị thất tình lục dục xuôi khiến nên lầm lạc mà sa vào đường mê muội, là con đường dẫn đến luân hồi sanh tử. Muốn được giải thoát thì con người phải phá bức màn vô minh, tức là kềm chế lục dục, thất tình, hầu vượt ra vòng phiền não, thoát khỏi mê đồ thì tâm tự nhiên sáng tỏ, gọi là giác ngộ.

Nước Ma Ha: Hay Ma Ha thủy 摩訶水: tức là nước của sông Gange ở bên xứ Ấn Độ, gọi là sông Hằng Hà. Do tích Đức Phật Thích Ca xuống tắm và dùng nước con sông ấy để tẩy trần mà đắc thành Phật vị.

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bí pháp giải oan cũng dùng nước Ma Ha để làm phép cho người thọ giải. Theo quyển Bí Truyền Chơn Pháp của Ngài Đầu

Sư Thượng Sáng Thanh, phép Giải Oan được vị chức sắc hành pháp như sau:

Múc một tô nước để tại Thiên Bàn, người hành pháp đứng trước, định thần ngó lên Thiên Nhãn, vẽ bằng con mắt chữ (.) trong con người của Thiên Nhãn, rồi co chân trái lên vẽ chữ (.), đập trên chữ (.) ấy, rút chân mặt ký chữ Đinh gọi là đập Đinh Giáp.

*Khi hành pháp rồi, tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp để trên tô nước, buông ấn ra, co ngón tay giữa vẽ bùa (.), đoạn ngay tay ra truyền thần xuống nước, niệm câu chú: “**Ma Ha Thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa**”, nhắm mắt định thần, đợi thấy Thiên Nhãn giáng trên mặt nước thì xả ấn.*

Cắm tô nước tay mặt, đến trước mặt người giải oan biểu cúi đầu xuống, lấy con mắt vẽ chữ (.) ngay Nê hoàn. Hẽ vẽ vừa rồi liền chụp năm ngón tay trái lên mỏ ác gọi là ấn Ngũ Hành Sơn, vừa chụp vừa niệm câu chú này: Úm Ma Ni Bát Rị Hồng. Đoạn cắm tô nước đổ xuống ngay mỏ ác mà niệm: “Nam Mô Phật”, giọt thứ nhì: “Nam Mô Pháp”, rồi trút hết tô nước niệm: “Nam Mô Tăng, Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Luyện Ma Ha Thủy và Cam Lộ Thủy chỉ có các vị chức sắc từ Giáo Hữu trở lên và phải được thọ truyền bí pháp.

Ở một số địa phương, các vị chức sắc hoặc chức việc, khi cầu giải bệnh, phát tang thường hay dùng bông nhún nước để rải lên đầu bệnh nhân hoặc tang quyến, điều này, theo thiện ý hành sai chơn pháp của Đạo, bởi vì vị chức sắc, chức việc đó chưa thọ pháp, nên không luyện được

Ma Ha Thủy hay Cam Lô Thủy.

Thực ra, cầu giải bệnh theo Hạnh Đường (Tài liệu Huấn luyện Chức việc Bàn Trị Sự nam nữ), người chưa thọ pháp giải bệnh thì làm như sau đây:

Khi cúng Thấy xong (chưa bái đàn), trong gia quyến đỡ người bệnh đến trước Thiên Bàn cho bệnh nhưn lạy cầu nguyện Chí Tôn, vị chứng đàn vào qui cầu nguyện Chí Tôn thỉnh ly rượu giữa rửa mặt cho bệnh nhưn, kể thỉnh hai ly nước cầu nguyện Chí Tôn xong ký tế lại (nghĩa là kê hai miệng ly đỡ thổng nhứt xuống ly riêng rồi cho người bệnh niệm câu chú Thấy mà uống).

Còn phát tang, xả tang thì cũng không dùng bông nhún nước mà rưới lên đầu người thọ tang, xả tang được.

Quyển Hạnh Đường hướng dẫn như sau: Việc xả tang được thực hiện ở bàn thờ vong, vị *Chức Việc lột tang cho một người trưởng trong tang quyến, còn bao nhiêu tự lột khăn tang trên đầu xuống* và đứng dậy xá, bước ra ngoài sẽ cõi đồ tang ra đốt.

Câu 29: *Cử nương theo bóng của Chí Tôn soi rọi mà bước đi.*

Chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ gặp được một con đường do Đức Chí Tôn đã soi sáng và dìu dắt cho từng bước chân đi, là điều may mắn rất lớn, chớ người không duyên phần thì chẳng dễ gì gặp đặng. Đức Hộ Pháp có nói rằng: “*Đấng Vô hình quyền năng đã tạo thế này, từ tạo Thiên lập Địa chưa có một người đặng gặp.*”

Sự gặp đặng Người và chung ở cùng Người là một phần thường quý trọng không cùng, dầu cho các Đấng chí Tiên,

chỉ Phật đi nữa cũng hằng ngưỡng vọng”.

Câu 30: *Tắm nước Ma Ha để gội rửa những mê lầm và rửa sạch những oan khiên tội lỗi của kiếp sống.*

Liên đài may nở thêm hoa.

Lão Đam cũng biết, Thích Già cũng quen.

Liên Đài 蓮臺: Đài bằng hoa sen, tòa sen. Đây chỉ ngôi vị Phật.

Sen là loài hoa có thân yếu mềm mà tại sao Đức Phật thường có hình ảnh ngồi trên hoa sen hay tòa sen?

Phật giáo dùng hoa sen biểu tượng cho chân lý hiện thực trong cuộc đời đầy ưu phiền và tục lụy. Hoa sen biểu trưng cho con đường nhập thế của Phật giáo, như câu thành ngữ: “Cư trần bất nhiễm trần 居塵不染塵” (Sống ở trên trần gian nhưng không bị nhiễm bởi cõi trần, tựa như hoa sen gấn bùn mà không hôi mùi bùn), hay: “Phật pháp bất ly thế gian 佛法不離世間” (Pháp của Phật không rời khỏi thế gian). Do vậy, hoa sen thường được Phật giáo biểu tượng là Tòa sen, hay ngôi vị Phật.

May nở thêm hoa: May mắn nở thêm bông hoa. Ý chỉ có thêm một tòa sen nữa, tức có thêm người đắc đạo, thành Phật.

Lão Đam 老聃: Là tên thật của Đức Lão Tử.

Theo sử ký Tư Mã Thiên, Lão Tử là người nước Sở 楚, huyện Khổ 苦, làng Lệ 厲, xóm Khúc nhân 曲仁, ở tỉnh Hồ Nam bây giờ.

Ngài họ Lý 李, tên là Nhĩ 耳, tự là Bá Dương 伯陽, tự là Đam 聃. Ngài làm quan giữ Tàng thất (Kho sách) ở Kinh đô Lạc Dương của nhà Châu.

Về gia thế thì sử sách không có nói đến, nhưng theo truyền thuyết thì nói rằng mẹ của Lão Tử mang thai Ngài có đến 80 năm mới sinh Ngài do hông bên trái dưới cội cây lý. Khi Ngài được sinh ra thì râu tóc dài và bạc trắng, mới gọi Ngài là Lão Tử. Lão Tử chỉ cây lý mà bảo rằng đó là họ của Ngài.

Khi đến Kinh Đô nhà Châu, gặp Lão Tử hỏi lễ, lúc về Khổng Tử bảo với các đệ tử rằng: Chim ta biết nó bay như thế nào, cá ta biết nó lội làm sao, thú ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có thể lưới bắt nó, cá lội, thì ta có dây câu vớ nó, chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chỉ như con rồng, thì ta không biết nó theo mây theo gió mà bay lượn như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng! (Ngô kim kiến Lão Tử kỳ do long da! 吾今見老子其猶龍耶!).

Ở tại Lạc Dương phía đông nhà Châu một thời gian lâu, sau thấy nhà Châu suy, nên Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây, khi đi đến cửa ải Hàm Cốc, quan lệnh là Doãn Hỷ 尹喜. Biết Lão Tử là một Thánh nhân nên quan Doãn tôn Ngài là Thầy để xin theo học Đạo.

Lão Tử ở lại Hàm Cốc dạy Đạo cho Doãn Hỷ và soạn ra bộ sách nói về Đạo Đức, sách phân làm hai thiên, gồm có trên 5000 chữ. Sau này, quyển sách đó được gọi là “**Đạo Đức Kinh**”.

Rồi từ đó, Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây mất dạng, người ta không biết Ngài đi về đâu.

Đức Lão Tử được vua Đường Cao Tông nhìn là thủy tổ, nên truy phong cho Ngài “*Huyền Nguyên Hoàng Đế*”.

Lão Tử là chơn linh của Đức Thái Thượng Đạo Quân

hóa sinh ra, là giáo chủ của Đạo Tiên.

Thích Già 釋迦: Hay Thích Ca.

Chữ Hán 迦: Đọc hai âm: Ca và Già. Trong câu kinh này thay vì đọc Thích Ca, nhưng vì luật thơ cần từ âm bình hạ (có dấu huyền), nên phải viết là Thích Già.

Thích Già hay Thích Ca là Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, là Đấng Giáo chủ Phật giáo.

Thích Ca Mâu Ni là một vị thái tử ở nước Ca ty la (Kapilavastu) Trung Ấn Độ, phụ hoàng tên là Tịnh Phạn, mẫu hoàng tên là Ma Da. Ngài tên là Tất Đạt Đa (Siddhartha). Còn chữ Thích Ca (Sakya) là tên một chủng tộc, dịch là Năng nhơn. Mâu Ni là tiếng khen ngợi dịch là Tịch Mặc.

Lúc nhỏ Ngài có trí sáng suốt và có tài năng phi thường. Lớn lên Ngài thấy chúng sanh khổ não, thế gian vô thường, nên Ngài quyết chí tu hành, tìm đường giải thoát cho chính bản thân mình (tự độ), và cho hầu hết chúng sanh (tha độ) lên bờ giác ngộ.

Ngài thành Đạo dưới gốc cây bồ đề và trải 45 năm truyền pháp độ sanh, Ngài nhập Niết bàn lúc 80 tuổi.

Câu 31: *Tòa sen trở thêm hoa là có ý nói có thêm người đắc quả Phật.*

Câu 32: *Chơn linh Tu hành đắc quả rồi thì gặp được Đức Lão Tử và Đức Phật Thích Ca.*

CHƯƠNG THỨ NHÌ

KINH TẨM THÁNH

I.- KINH VĂN

KINH TẨM THÁNH

*Những vạn vật Âm Dương tạo hóa,
Đầu cỏ cây hoa quả biến sanh,
Con người đứng phẩm tối linh,
Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.
Đại Từ Phụ từ bi tạo hóa,
Tượng mảnh thân giống cả Càn Khôn.
Vẹn toàn đủ xác đủ hồn,
Xây cơ chuyển thể bảo tồn vạn linh.
Xin gìn giữ thánh hình thanh bạch,
Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.
Căn xưa ví dữ cũng hiền,
Đầu ra cửa tội đủ quyền cao siêu.
Công nuôi dưỡng nâng niu khổ nhọc,
Phép thương yêu cũng học nơi Thầy.
Sanh nơi đây, ở nơi đây,
Trăm năm là tuổi đủ đầy mạng căn.
Chốn hồng trần quen làn gió bụi,
Cảnh phù ba mây rủi cũng duyên.
Đã gan dốc kiếm diệu huyền,
Sanh sanh là phận, hiền hiền là công.*

*Đừng thói chí ngã lòng trở gót,
Để cho đời chua xót tình thương.
Trăm năm thọ khảo vĩnh trường,
Thuận căn thuận mạng đôi đường cao thẳng.*
NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài kinh Tắm Thánh là một bài kinh do Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là một vị Thánh trong Tam Thánh Bạch Vân Động mà nơi Tịnh Tâm Điện của Tòa Thánh có vẽ bức họa: Đó là: **Thanh Sơn Đạo Sĩ** tức là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, **Nguyệt Tâm Chơn Nhơn** tức là văn hào Pháp Victor Hugo, **Tôn Sơn Chơn Nhơn** tức nhà cách mạng Trung Hoa Tôn Dật Tiên.

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cầm quyền chưởng đạo Hội Thánh Ngoại Giáo của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài thường giảng cơ dạy đạo và ban cho nhiều bài kinh, trong đó có bài kinh Tắm Thánh.

Bài kinh Tắm Thánh dùng để đồng nhi tụng khi hành lễ Tắm Thánh cho các con cháu người đạo từ một tháng tuổi trở lên.

Hành lễ Tắm Thánh tại Tòa Thánh hay các Thánh Thất là vị chức sắc hành pháp luyện Ma Ha thủy rồi rưới lên đầu đứa bé, mục đích là để Hội Thánh nhìn nhận đứa bé vào cửa Đạo, ghi vào bộ sanh và cấp cho giấy Tắm Thánh. Ngoài ra, đứa bé cũng được hưởng Hồng Ân của các Đấng ban cho để rửa sạch những tội lỗi tiền khiên

và giữ gìn thánh hình thanh bạch như lời Kinh đã viết:

Xin gìn giữ thánh hình thanh bạch,

Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.

Cần xưa ví dũ cũng hiền,

Dầu ra cửa tội đủ quyền cao siêu.

III.- CHÚ GIẢI

Những vạn vật Âm Dương tạo hóa,

Dầu cỏ cây hoa quả biến sanh,

Vạn vật 萬物: Muôn vật, là tất cả các loài vật hữu sanh, từ vật chất, kim thạch, thảo mộc, thú cầm và nhơn loại.

Âm Dương 陰陽: Hai thứ khí do Thái Cực biến hóa ra, gọi là Lưỡng Nghi.

Theo Dịch học, sự hóa sinh và phát triển của vạn vật trong Vũ trụ đều do sự giao cảm của hai khí Âm Dương (hay Càn Khôn) mà ra.

Còn theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn, Ngài là ngôi Thái Cực do Hư Vô chi khí hóa thành, rồi Thái Cực mới phân ra Lưỡng Nghi: Dương quang và Âm quang. Đức Chí Tôn cầm quyền Dương quang, còn Âm quang thì do Phật Mẫu chưởng quản.

Phật Mẫu mới dùng khí sanh quang của ngôi Thái Cực phối hợp với Âm quang để tạo ra Càn khôn Vũ trụ và **vạn vật**.

Tạo hóa 造化: Đào tạo và hóa sinh ra vạn vật.

Dầu cỏ cây: Dù là cỏ cây (tức thảo mộc).

Hoa quả 花果: Bông và trái.

Bất cứ loài cây cỏ nào được sinh ra cũng có âm dương. Âm dương này hiện diện ở bông của các loại cây, gọi là nhụy đực hay nhụy cái. Phần của nhụy đực hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp do loài ong bướm gieo truyền vào nhụy cái để kết thành trái (gọi là thụ phấn). Trái đó hoặc chính nó hoặc hạt của nó tạo thành một mầm sinh ra một cây mới. Do vậy, cây cỏ mới sinh ra, lưu truyền càng ngày càng nhiều và mãi mãi.

Biến sanh 變生: Biến hóa mà sinh ra.

Trong Càn khôn Vũ trụ, không có một vật nào mà không biến sanh. Sự chuyển sanh, biến kiếp đều do khí Âm Dương, Ngũ hành hợp lại mà nên thể chất và trưởng thành. Tức là muôn vật hay con người từ lúc hình thành trong thai bào, cho đến khi ra đời tạo nên thân xác, thể chất, lúc nào cũng đều nhờ Âm Dương, Ngũ hành mà sinh hóa. Mãi đến khi hình hài mãn kỳ sinh thọ thì thể xác là vật chất sẽ tiêu tan, các yếu tố đó lại trở về với bản chất tự nhiên của nó, để rồi lại chuyển hóa ra một hình thể khác nữa. Tóm lại mọi vật lúc nào cũng phải biến sanh.

Câu 1: Trong Vũ trụ, muôn loài đều do hai khí Âm Dương (Theo đạo Cao Đài là khí Âm quang và Dương quang) giao cảm mà tạo thành.

Câu 2: Dù là các loài cây cỏ cũng đều do âm dương ở hoa và quả mà biến sanh ra.

Con người đứng phẩm tối linh,

Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.

Con người đứng phẩm: Trong vạn vật, con người đứng vào hàng phẩm.

Tối linh 最靈: Rất linh thiêng, linh thiêng hơn hết.

Con người là một sinh vật có ý thức, có trực giác, biết suy tư và nhứt là biết điều như nghĩa đạo lý. Vì vậy, Tuân Tử có nói: “Nước lửa có khí mà không sinh, cây cỏ có sinh mà không hiểu biết, cầm thú có hiểu biết mà vô nghĩa, duy chỉ có con người có khí, có sinh, có hiểu biết và cũng có nghĩa, cho nên *người là quý nhứt trong thiên hạ* (Thủy hỏa hữu khí nhi vô sinh, thảo mộc hữu sinh nhi vô tri, cầm thú hữu tri nhi vô nghĩa, duy như giả hữu khí, hữu sinh, hữu tri diệc hữu nghĩa, cố vi thiên hạ quý 水火有氣而無生, 草木有生而無知, 禽獸有知而無義, 惟人者有氣, 有生, 有知亦有義, 故為天下貴).

Sở dĩ con người đứng vào bậc tối linh hơn các loài vật:

– Thứ nhứt là bởi vì con người phải qua muôn nghìn kiếp tiến hóa, từ vật chất, thảo mộc, thú cầm, rồi mới chuyển hóa đến nhưn loại.

Đức Chí Tôn giảng về sự tiến hóa của muôn vật như sau: “*Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn năm lần mới đến địa vị nhưn phẩm*”.

– Thứ nhì là vì con người có ba phần hồn: Sanh hồn, giác hồn, linh hồn, mà loài vật chất thấp nhứt kim thạch, là loài vô tri vô giác, không phân biệt được đầu ngọn; kim thạch tiến lên thảo mộc thì có một hồn là sanh hồn, có gốc quay xuống đất, ngọn hướng lên trời; thảo mộc tiến lên thú cầm thì có được hai hồn là sanh hồn, giác hồn, đầu và đuôi ngang nhau; thú cầm tiến lên con người thì

có ba hồn: Sanh hồn, giác hồn, linh hồn, đầu hướng lên trời, chân quay xuống đất.

Con người nhờ Sanh hồn mới có được sự sống, Giác hồn mới có cảm giác, biết đau đớn khổ sở và Linh hồn mới khôn ngoan, biết đạo lý, suy xét đủ điều, nên con người đứng vào *hàng phẩm tối linh*.

Anh nhi 嬰兒: Đứa trẻ nhỏ.

Nửa người nửa Phật: Nửa con người nửa là Phật.

Một đứa hài nhi còn bé, thật ra chưa có hung tánh. Theo Mạnh Tử, tánh của con người lúc ban đầu là thiện (Nhân chi sơ tính bản thiện 人之初性本善), vì đắm đuối vào vật dục, cho nên cái tâm mới mờ tối đi, thành thử bỏ mất điều nhân nghĩa, mà trở nên tính ác. Bởi thế, ông khuyên người ta không nên để mất cái tâm hồn nhiên thuần hậu như cái tâm của đứa trẻ con (Đại nhân giả, bất thất kỳ xích tử chi tâm giả dã 大人者,不失其赤子之心者也).

Như vậy, nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi có nghĩa là đứa hài nhi (dù mới sinh ra) có một nửa là người tức là phàm thân do tinh cha huyết mẹ tạo ra, và một nửa là điểm linh quang do Chí Tôn ban cho, còn gọi là Phật tánh.

Câu 3: Trong muôn vật con người là đứng vào bậc linh thiêng hơn hết.

Câu 4: Trong mình đứa trẻ nhỏ có nửa người (phàm thân), nửa Phật (Phật tánh).

*Đại Từ Phụ từ bi tạo hóa,
Tượng mãnh thân giống cả Càn Khôn.*

Đại Từ Phụ 大慈父: Đấng cha lành to lớn.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn giáng cơ mở Đạo dìu dắt chúng sanh vào đường đạo đức, Ngài xưng là cha chung của toàn nhân loại, vì thế chúng sanh mới gọi Ngài là Đại Từ Phụ.

Từ bi 慈悲: Từ bi là lòng thương yêu, lo lắng mong giúp đỡ cho chúng sanh được an lành và cứu vớt chúng sanh ra khỏi tai ương, khổ não. Lòng từ bi phải là một chân tâm, xuất phát từ lòng trắc ẩn thành thật, không vụ lợi, không phân biệt thân sơ hay sang hèn. Từ bi là một thứ tình thương đem đến niềm an vui cho kẻ khác. Người có từ tâm, thì lúc nào cũng muốn tạo và dâng hiến sự an lành, hạnh phúc cho kẻ khác, còn người có lòng từ bi thì bao giờ cũng mong xoa dịu hay làm vơi bớt những nỗi đau của kẻ khác.

Ban cho điều sung sướng, cứu giúp sự khổ não, mà làm sao tự ta không thấy mình là người ban ơn, người là kẻ thọ ơn, như thế mới thật là lòng từ bi.

Đại từ Đại bi là lòng từ bi tối thượng, chỉ đạt được khi đã đạt được trí huệ tối thượng, tức là tâm từ bi tuyệt đối, vô điều kiện, chỉ có được nhờ sự giác ngộ rốt ráo về chân lý. Đó là lòng từ bi của Đức Thượng Đế và chư Phật, chư Tiên.

Tạo hóa 造化: Đào tạo và hóa sanh ra vạn vật.

Tượng mãnh thân: Nấn nhen tấm thân.

Càn Khôn 乾坤: Trời và đất.

Câu 5: Đức Chí Tôn là Đấng cha lành to lớn mở lòng từ bi tạo hóa ra vạn vật.

Câu 6: Tạo nên hình thể con người giống như Trời đất.

Con người là một Vũ trụ nhỏ, nên thân người cũng gồm đủ Thái cực, Âm dương, Tam bửu, Ngũ hành và các lễ mầu nhiệm của Trời Đất, vì vậy mà sách Lễ Ký nói rằng: Người ta là đức Trời Đất, chỗ giao cảm khí Âm dương, chỗ hội tụ Quí thân, và những tú khí Ngũ hành (Nhơn giả kỳ vi Thiên địa chi đức, Âm dương chi giao, Quí thân chi hội, Ngũ hành chi tú khí dã 人者其為天地之德, 陰陽之交, 鬼神之會, 五行之秀氣也).

Trời đất (Càn khôn) do Âm Dương sinh hóa thì con người cũng do Âm Dương phối hợp mà thành.

Hễ Trời có tam bửu là Nhựt Nguyệt Tinh, đất có tam bửu là Thủy Hỏa Phong, thì con người cũng có tam bửu là Tinh Khí Thần.

Hễ Trời có Ngũ hành là Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, Đất có Ngũ phương là Đông Tây Nam Bắc Trung ương, thì người cũng có Ngũ tạng là Tâm Can Tỳ Phế Thận. Nếu không có ngũ hành và ngũ phương thì không có Càn khôn Thế giới, còn nếu không có ngũ tạng thì cũng không có nhơn loại.

Tóm lại, con người cũng giống như trời đất, cho nên mới được gọi là một Tiểu Thiên Địa.

Vện toàn đủ xác đủ hồn,

Xây cơ chuyển thế bảo tồn vạn linh.

Vện toàn: Hoàn toàn đầy đủ.

Xác: Thân xác, hình hài.

Thân xác con người là một sinh vật, một khối vật chất tập hợp bởi muôn muôn ngàn ngàn tế bào sống hợp lại với nhau. Chúng nhờ vật thực ăn vào mới phát triển

và lớn dần thêm mãi. Cũng như các sinh vật khác, hình thể của con người có sự sinh ra, trưởng thành và hủy diệt.

Đến giai đoạn sắp hủy diệt, con người kém ăn ít ngủ, lục phủ ngũ tạng càng ngày càng suy kiệt, tế bào trong châu thân bị lão hóa, trở nên khô gầy, tàn lụi cho đến chết.

Tuy vậy, thân xác cũng rất cần ích cho con người, các Đấng Tiên, Phật ngày xưa cũng nương nhờ Nhục thân để tu hành cho đến đắc thành chánh quả.

Hồn 魂: Linh hồn 靈魂. Còn gọi là Chơn linh.

Sự cao quý của con người là linh hồn, Phật gọi là bản lai Phật tánh, Cao Đài gọi là Tiểu linh quang hay Thiên tánh, là một vật Thiêng liêng do khối Đại linh quang của Chí tôn ban cho, trong ấy, có ba nguơn hồn: Linh hồn, sanh hồn, giác hồn. Tuy nói ba nguơn hồn chớ pha lẫn nhau làm thành một. Con người có sanh hồn mới được sự sống, có linh hồn mới khôn ngoan hiểu biết, có giác hồn mới cảm nhận được đau khổ, nóng lạnh.

Thể xác nhờ vật thực hữu hình nuôi sống, trái lại linh hồn phải nhờ vật không hình chất bồi dưỡng, đó là sự học hỏi, sự lạc quan, sự nhàn tản, sự tịnh luyện...

Linh hồn do Chí Tôn ban cho, là một thể vô hình, nên bất tiêu bất diệt. Vì vậy, khi thân xác chết đi thì linh hồn hoặc thọ quả báo luân hồi, hoặc trở về một cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Xây cơ: Xây dựng một cơ quan, hay một cơ chế.

Chuyển thế 轉世: Làm thay đổi đời. Từ cuộc đời khổ sở, nghèo hèn làm trở nên cuộc đời sung sướng, tốt đẹp hơn.

Bảo tồn vạn linh 保存萬靈: Giữ gìn mạng sống của muôn sinh linh trong Càn khôn Vũ trụ.

Câu 7: Con người được ban cho đầy đủ linh hồn và thể xác.

Câu 8: Xây dựng và chuyển đổi một cơ chế để giữ gìn mạng sống của muôn sinh linh.

Chí Tôn, Phật Mẫu là hai Đấng đại từ đại bi tạo hóa ra vạn linh, nên hết lòng thương xót chúng sanh đang bị trầm luân nơi khổ não. Luôn luôn lúc nào Ngài cũng coi trọng mạng sống của muôn loài. Thánh giáo Đức Chí Tôn có giải thích điều này: “*Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm gọi là chúng sanh.*”

Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống. Vì vậy, mà lòng háo sanh của Thầy vô cùng tận”.

Vì lòng háo sanh nên Thánh chất của Chí Tôn là Bảo sanh, tức là có sự thương yêu để bảo toàn sự sống của chúng sanh. Thánh giáo dạy: “*Sự thương yêu là giếng Bảo sanh của Càn khôn Thế giới. Có thương yêu như loại mối hòa bình, Càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa”.*

Xin gìn giữ thánh hình thanh bạch,

Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.

Thánh hình 聖形: Thân hình Thiêng liêng của con người. Nghĩa như chữ Thánh thể (trong bài Kinh Giải Oan).

Thanh bạch 清白: Trong trắng, trong sạch.

Xá ân 赦恩: Lấy ơn mà xá tội cho người.

Tiền khiên 前愆: Tội lỗi đã tạo ra trong kiếp trước.

Câu 9: *Hình hài này Chí Tôn ban ơn lành cho xin gìn giữ như một thánh hình trong sạch.*

Câu 10: *Cầu xin Chí Tôn tha thứ tội tình và rửa sạch những oan khiên do kiếp trước đã gây tạo.*

Như trên ta biết, Đức Thích Ca trước khi đắc đạo nhờ tắm sông Hằng Hà, dùng Ma Ha Thủy là nước sông thiêng liêng ấy để tẩy những oan khiên nghiệp chướng, tức là tẩy sạch trần trước rồi Ngài mới đắc quả.

Thời Hạ nguơn mặt Pháp, Đức Chí Tôn giáng cơ mở đạo kỳ ba là đại ân xá cho toàn vạn linh và ban cho bí pháp Tẩm Thánh, tức là lấy Ma Ha Thủy (Dùng bí pháp luyện) để tẩy sạch những oan khiên tội chướng cho đứa hài nhi khi nó còn là đứa bé thơ ngây trong sạch, chưa gây tạo nên tội lỗi.

Câu chuyện sau đây cho chúng ta thấy bí tích Tẩm Thánh, Giải Oan là một Đại Ân Xá của Chí Tôn mà nhiều Chơn linh chờ mong được hưởng:

Câu chuyện được kể lại ở một đàn cơ, có một vị Thánh giáng xưng là Pêrô, cho nên mọi người hầu đàn đều quì lạy. Trong những người ấy có ông Tiếp Thế vừa bước ra và định lạy, thì cơ viết:

Thưa ba, con là Châu nè! (Mọi người ngó ngẩn, còn ông Tiếp Thế giựt mình, nên không quì).

Đức Hộ Pháp hỏi Chơn linh: Mình là một vị Thánh, xuống thế sao không cứu thế độ đời, lại vẫn số làm khổ người ta như vậy?

Thánh Pêrô viết: “Thưa Ngài, vì tôi thấy Đức Chí Tôn mở Đạo, khai tâm pháp, trong đó có phép Tắm Thánh, Giải Oan. Tôi vì ham thích, mong được thọ hưởng bí pháp ấy, nên lên xuống đầu kiếp mặc dầu không có lệnh để được hưởng pháp ấy, trong kỳ Đại Ân Xá này. Đến ngày Ngọc Hư Cung họp, tôi lại trở về vì không dám ở lại sợ vắng mặt bị Ngọc Hư Cung bắt tội.

Được biết Ông Châu mất lúc vừa lên 6 tuổi.

Xem thế, bí tích Giải Oan, Tắm Thánh...trong thời Đại Ân xá kỳ ba này là một điều đại hạnh cho chúng sanh được may duyên thọ hưởng.

Căn xưa vi dữ cũng hiền,

Dầu ra cửa tội đủ quyền cao siêu.

Căn 根: Cái gốc rễ. Những hành vi từ một hay nhiều kiếp trước, dù thiện hay dù ác đều gây tạo nên một gốc rễ để báo ứng cho kiếp này hay kiếp sau. Nếu việc làm lành, gọi là thiện căn 善根 thì tạo phúc đức cho người làm hưởng, nếu việc làm hung dữ, gọi là ác căn 惡根 thì gây quả báo cho người làm phải trả.

Ví: Ví dụ như.

Dữ: Hung dữ.

Hiền 賢: Thiện lành.

Căn xưa vi dữ: Ví như căn kiếp xưa là người hung dữ.

Cửa tội: Cửa tội lỗi, nơi tội lỗi.

Dầu ra cửa tội: Cho dù ra khỏi nơi tội lỗi.

Đủ quyền: Đầy đủ quyền hành.

Cao siêu: Siêu thăng lên ngôi vị cao.

Đủ quyền cao siêu: Được đầy đủ quyền lo lập công bồi đức để được siêu thăng Thiên vị.

Câu 11: *Ví dụ như căn kiếp xưa đứa bé này là người hung dữ thì cầu xin Ông Trên ban cho nó kiếp này trở nên hiền lương.*

Câu 12: *Dầu cho đứa hài nhi này, Chơn linh vừa ra khỏi nơi tội lỗi thì cũng xin ban cho được đầy đủ quyền để tự lập vị mình cho được siêu thăng.*

Con người sống ở thế gian, cái số mạng, tội phước hay lập vị không phải do Trời định, mà chính do ta tự quyền quyết định lấy. Đức Hộ Pháp, trong Thiêng Liêng Hằng Sống có giảng: “...Không có ai định kiếp cho ta, chính ta định kiếp cho ta; chưa có ai phân tội phước cho ta, chính ta định tội phước cho ta. Mạng căn kiếp số của ta, ta định, không có hình luật nào buộc được chúng ta, chúng ta có quyền tự do, quyền sở hữu định mạng căn cho ta vậy”

**Công nuôi dưỡng nâng niu khổ nhọc,
Phép thương yêu cũng học nơi Thầy.**

Công nuôi dưỡng: Công lao nuôi nấng.

Nâng niu: Chăm sóc và gìn giữ một cách trìu mến.

Khổ nhọc: Nhọc nhằn khổ sở.

Phép hay pháp 法: khuôn luật, luật pháp.

Phép thương yêu: Hay luật thương yêu. Sự thương yêu được làm thành điều luật, gọi là luật thương yêu.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn giảng cơ mở đạo kỳ ba, có ký với nhơn loại một hòa ước, gọi là Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước, giao cho Tam Thánh Bạch Vân Động công bố cho toàn nhơn loại rõ. (Xem hình Tam

Thánh ở Tĩnh Tâm Điện nơi Tòa Thánh Tây Ninh).

Nội dung bản Thiên Nhơn Hòa Ước gồm Thiên thượng Thiên hạ 天上天下, Bác ái công bình 博愛公平 (Dieu et Humanité – Amour et Justice).

Thiên thượng 天上: Đức Chí Tôn (Dieu).

Thiên hạ 天下: Nhơn loại (Humanité).

Bác ái 博愛 (Amour): Rộng thương. Lấy tình yêu thương chúng sanh để làm thành một điều luật, gọi là là **Luật yêu thương**, vì Đức Chí Tôn có dạy rằng: “*Sự thương yêu là giếng bảo sanh trong Càn khôn Thế giới. Có thương yêu nhơn loại mới hòa bình, Càn khôn mới an tịnh*”.

Và: “*Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam thập lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi*”.

Công bình 公平 (Justice): Hay công chánh, là không nghiêng không lệch bên nào, tức là không thiên kiến. Công bình được dựng nên một quyền, gọi là **Quyền công chánh**.

Tóm lại, Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước chỉ lấy bốn chữ Bác ái công bình làm tiêu chuẩn cho luật và quyền: Đó là **Luật yêu thương** và **Quyền công chánh**.

Thấy: Đây chỉ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì Ngài mở Đạo kỳ ba coi chúng sanh như những người học trò đến học Đạo, nên Ngài thường tự xưng là **Thầy** gọi chúng sanh là đệ tử.

Câu 13: *Nuôi dưỡng từ bé đến trưởng thành thì công lao chăm sóc đó rất nên khổ nhọc.*

Câu 14: *Học hỏi theo Đức Chí Tôn về luật thương yêu.*

Thực vậy, lòng thương yêu của Đức Chí tôn là lòng Đại từ đại bi, vô cùng vô tận. Nhờ vào lòng đại từ bi của Đức Chí Tôn tạo nên giếng Bảo sanh nên mới còn nhưn loại. Thánh giáo có dạy: “*Nếu chẳng có một Đấng Từ bi lấy đức háo sanh mở Đạo Tam Kỳ đặng vớt những kẻ hữu căn thì toàn thế giới sẽ bị dần dần tiêu diệt...*”. Và: “*Sự thương là giếng bảo sanh của Căn Khôn Thế Giới. Có thương yêu, nhưn loại mới hòa bình, Căn Khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa*”.

Người tu hành cũng phải học hỏi và thực hiện theo sự thương yêu của Đức Chí Tôn, vì đó là một hành trang mang theo trong ngày trở về với ngôi vị cũ.

***Sanh nơi đây, ở nơi đây,
Trăm năm là tuổi đủ đầy mạng căn.***

Sanh nơi đây, ở nơi đây: Được sanh ở nơi này, sống ở nơi này, có nghĩa là duyên phận đã được an bài của đấng hài nhi.

Trăm năm: Do câu trong Kinh Lễ: “Nhân thọ dĩ bách niên vi kỳ 人壽以百年為期”: Đời sống của con người lấy trăm tuổi làm kỳ hạn.

Trăm năm là tuổi: Tuổi của con người là hạn định một trăm năm.

Mạng căn 命根: Căn bản của mạng sống con người.

Câu 15: *Sanh ra ở nơi này, sống cũng ở nơi này.*

Câu 16: *Trọn một kiếp sanh, may sống được một trăm năm là đầy đủ về mạng căn của mình rồi.*

***Chốn hồng trần quen lẫn gió bụi,
Cảnh phù ba may rủi cũng duyên.***

Chốn: nơi, cõi.

Hồng trần 紅塵: Bụi hồng (đỏ), chỉ thế gian là cõi nhen loại đang sống. Cõi này chứa nhiều bụi bặm (màu đỏ), ô trược, còn được gọi trần gian, trần cấu, trần tục...

Gió bụi: Do chữ phong trần 風塵, chỉ sự từng trải về nỗi gian nan vất vả ở cõi đời.

Phù ba 浮波: Làn sóng nổi. Sóng biển có lúc nhỏ lên rồi bị chìm xuống, nên thường ví với cảnh đời thay đổi.

May rủi cũng duyên: Mỗi duyên ràng buộc do vận may hay vận rủi.

Câu 17: Nơi trần gian, con người luôn chịu đựng những nỗi gian truân vất vả.

Câu 18: Cảnh đời lúc nào cũng thay đổi tùy theo duyên may rủi, tức là những sự ràng buộc do ta gây tạo từ trước.

**Đã gan đốc kiếm diệu huyền,
Sanh sanh là phận, hiển hiển là công.**

Gan: Chỉ sự can đảm.

Đúc: Đay chỉ tuốt ra, rút ra.

Kiểm diệu huyền: Cây kiếm huyền diệu, tức chỉ kiếm trí tuệ hay gương trí tuệ.

Đạo Phật thường ví trí tuệ như một lưỡi kiếm (hay gương) sắc bén có thể chặt đứt tất cả những sợi dây phiền não và vô minh đã trói buộc con người tu hành.

Sanh sanh 生生: Hay sinh sinh, theo Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh, có nghĩa là sinh nở ra mãi, như sinh sinh bất tức 生生不息: sinh nở ra mãi không thôi, sinh sinh hóa hóa 生生化化: Sinh nở và biến hóa ra

mãi không cùng.

Phận 分: Danh phận hay bốn phận.

Sanh sanh là phận: Sự sinh sôi nảy nở ra mãi là một bốn phận với Trời đất, hay nói cách khác, là một thiên chức của con người.

Sở dĩ có vạn vật là nhờ có sự sinh của Trời đất. Cho nên có thể nói rằng: “Đức lớn của Trời đất là sự sinh” (*Thiên địa chi đại đức viết sinh 天地之大德曰生*). Theo Dịch học, sự sinh hóa của Trời đất, vạn vật do âm dương, cơ ngẫu phối hợp mà thành. Trong Hệ Từ hạ có viết: “Thiên địa nhân uân, vạn vật hóa thuần, nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh 天地氤氲, 萬物化醇, 男女構精, 萬物化生”: Khí Trời đất nghi ngút trên dưới hòa hợp nhau, vạn vật do khí tinh thuần ấy mà hóa ra, nam nữ phối giao mà sinh ra mãi.

Người là một phần trong vạn vật, nên phải theo lẽ trời mà biến hóa, đó là thiên chức của con người.

Hiên hiên là công: Rèn tập trở nên hiên lương nhân nghĩa là một công phu của con người.

Theo thuyết trên, cái đức lớn của Trời đất là sự sinh, thì đạo người phải theo đạo Trời đất mà bồi dưỡng sự sinh. Đạo Trời có bốn đức: Nguyên 元, Hanh 亨, Lợi 利, Trinh 貞; Đạo người cũng bởi đó mà có bốn đức là Nhân 仁, Nghĩa 義, Lễ 禮, Trí 智. Như vậy, Nhân (hay **hiên**) là đầu hết các điều thiện, là gốc lớn của sự sinh hóa trong Trời đất Vậy hợp với cái đức sinh là **hiên** là thiện, trái với đức sinh là ác.

Câu 19: *Đã có lòng can đảm dùng cây gươm trí huệ để diệt trừ vô minh phiền não (Quyết tâm tu hành).*

Câu 20: Sự sinh nở ra mãi là một thiên chức của con người, nhưng để làm tròn thiên chức đó, con người phải ra công tu rèn nên hiền lương nhân nghĩa.

Đừng thối chí ngã lòng trở gót,

Để cho đời chua xót tình thương.

Thối chí: Nãn chí, không còn muốn theo đuổi những việc đang làm.

Ngã lòng: Nãn lòng, Lòng không còn vững chắc để đeo đuổi công việc đang làm.

Trở gót: Lui gót, lui bước.

Chua xót: Chua cay và xót xa, tức lòng dạ thấm thía đau đớn.

Tình thương: Tình cảm thương tiếc.

Câu 21: Cõi đời đầy đau khổ và phiến não, không nên nãn chí nãn lòng mà lui bước.

Đời là biển khổ, nên một Chơn linh nào đầu thai xuống trần này thì phải cam chịu mọi khổ cảnh để trọn đạo làm người. Nhờ học hỏi ở trường đời chịu muôn ngàn cay đắng, bao nhiêu thử thách nhọc nhằn, đẩy dẩy nghịch cảnh khổ đau mà con người cố gắng bước tới lần lần để được đi lên trên đường tiến hóa.

Câu 22: Sự nãn lòng thối bước sẽ để cho đời phải xót xa đau đớn tiếc thương

Trăm năm thọ khảo vĩnh trường,

Thuận căn thuận mạng đời đường cao thẳng.

Trăm năm: Chỉ một đời người.

Thọ khảo 受考: Chịu sự khảo duyệt.

Vĩnh trường 永長: Lâu dài, mãi mãi.

Thuận căn 順根: Thuận theo cái căn nghiệp của mình.

Thuận mạng 順命: Thuận theo mạng số của mình.

Cao thăng 高升: Được thăng lên ngôi vị cao.

Câu 23: *Trải qua 100 năm thì đời người sống được trăm tuổi, mà càng sống lâu chừng nào thì càng phải thọ khảo nhiều chừng ấy.*

Câu 24: *Có được như thế, nếu thuận căn thuận mạng, hai con đường đó sẽ giúp Chọn linh cao thăng thiên vị.*

Một vật muốn trôn muốn bén, phải tốn nhiều công mài dũa; một sự việc gặt hái được kết quả, phải làm công nhiều sức; một con người muốn nên tài năng hiển đức, phải nhiều công phu học tập, phải rèn tâm luyện tánh, phải chịu nhiều thử thách gian lao, phải chịu lắm cơn khảo duợt, mới phân được vị thứ, mới rõ được tài năng. Trong quyển Thiên Đạo, hai Ngài Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh có viết: *Sự thử thách như luồng gió thổi. Ai đã trải qua mà cái Tâm chẳng đổi, Ý chẳng dời, thì mới mong đạt đường Đạo được.*

Như vậy, đời người trăm tuổi phải thọ khảo dài lâu để có cơ hội rèn tâm luyện tánh, tập lòng nhẫn nại, giữ nghĩa thủy chung và nhất là gặt hái nhiều bài học hay trên đường tiến hóa về đạo đức. Sự khảo còn là một dịp để người tu trả xong nợ oan trái tiền khiên, một cơ hội nhồi hết căn quả trong một kiếp sinh phải trả hầu được rảnh rỗi, nhẹ nhàng vĩnh viễn an vui nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

CHƯƠNG THỨ BA

KINH CẦU HỒN KHI HẤP HỐI

I.- KINH VĂN

KINH CẦU HỒN KHI HẤP HỐI

Rắp nhập cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống,
Chốn quê xưa giải mộng trần gian.
Dù đường thoát tục năm phan,
Trông Kinh Bạch Ngọc định thần giải căn.
Điều Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ Chơn hôn.
Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phước linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.
Ở (tên họ kẻ qui vị) thành tâm cầu nguyện,
Nguyện Chí Tôn linh hiển độ sanh.
Ấn năn sám hối tội tình,
Xét câu minh thệ gửi mình cõi thăng.
Dầu nghiệt chướng số căn quả báo,
Đừng hãi kinh, cầu đảo Chí Tôn.
Cửa Địa ngục, khá lánh chơn,
Ngọc Hư Cực Lạc, đôn đường ruổi dong.
Dầu trọn kiếp sống không nên Đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng.
Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật, cứu nần độ vong.

*Kìa chiếu diệu bóng hồng Bắc Đẩu,
Kìa im lìm phúc hậu Nam Tào.
Cánh thẳng trời gót cho mau,
Xa vòng tục lự đặng châu Chí Linh.*

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho chúng sanh để tụng đọc, cầu xin cho người đang cơn hấp hối.

Phàm là con người đều nặng mang nghiệp chướng nên phải chịu sự luân hồi sinh tử, tử sinh, tiếp nối mãi không ngừng, cho đến khi đã đạt được giải thoát, chứng ngộ niết bàn.

Nguyên nhân của luân hồi là do bởi vô minh mà tạo các nghiệp nhân để rồi phải thọ quả. Vì vậy, người tu phải có trí huệ để làm ngọn đèn hay cây đuốc soi sáng cho con người thoát khỏi bóng tối vô minh. Chẳng những con người phải có trí huệ lúc bình sanh mà còn phải có tinh thần sáng suốt trước buổi lâm chung để cầu xin với Chí Tôn và chư Phật, Tiên, bởi vì trong giai đoạn đó gọi là cận tử nghiệp 近死業, thân xác đau đớn, tinh thần bồn loạn, thần thức mê man, hoặc thương yêu mạng sống, vợ con, hoặc luyến tiếc tiền bạc, danh vọng...

Bí pháp Cầu Hồn Khi Hấp Hối của Đạo Cao Đài nhằm nhắc nhở, đánh thức tâm thần người sắp lâm chung phải định thần định tánh mà thành tâm cầu nguyện Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho Chơn linh được nhẹ nhàng siêu thăng thoát hóa. Ngoài ra, theo quyển

Thiên Đạo, hai Ngài Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh cho biết như sau: “*Người ta chết là khi sợi từ khí cột dính Vật thể và Khí thể bị đứt đi, thế là Khí phách và Thần hồn lìa xác thịt*”. Theo hai Ngài, sợi từ khí nhiều khi khó đứt ra, nên khiến cho kẻ hấp hối phải chịu nhiều đau đớn. Cho nên Đạo Cao Đài dùng Kinh Cầu Hồn tụng trong lúc người bệnh sắp tắt hơi là để giúp cho sợi từ khí nhờ sức rung động của những tiếng mầu nhiệm trong câu Kinh mà được đứt ra dễ dàng.

Người tu hành đầy đủ đạo đức thì Khí thể của họ nhẹ nhàng trong sạch, sợi từ ấy được tinh vi, nên khi thoát xác phàm, sợi từ khí đứt ra rất dễ, nên liễu trần một cách êm ái.

III.- CHÚ GIẢI

Rắp nhập cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống, Chốn quê xưa giải mộng trần gian.

Rắp: Sắp sửa.

Nhập 入: Đi vào.

Cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống: Cảnh giới Hằng sống (Sống mãi) nơi cõi Thiêng Liêng của những người đắc Đạo. Đây là chỉ chung các cõi giới vô hình của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Cõi ấy còn được gọi là cõi Vĩnh sanh, hay cõi Vĩnh hằng.

Chốn: Nơi, ở nơi.

Quê xưa: Hay quê cũ, dịch từ chữ Cổ hương 故鄉: Chỉ nơi được sinh ra và lớn lên, hay nơi chôn nhau cắt rốn. Theo nghĩa câu kinh, chốn quê xưa là chỉ cõi Thiêng Liêng, tức là cõi mà các Chơn linh từng ở trước khi xuống đầu kiếp.

Người ta thường bảo: Sống gửi, thác về (quê xưa cảnh cũ) là do bởi câu sinh ký tử qui 生寄死歸. Đó là vì người ta cho rằng sự sống của con người nơi cõi trần là tạm bợ, mà quê hương đích thực của con người chính là cõi Thiêng Liêng. Hay nói cách khác, sự sống của thể xác là ngắn ngủi, tạm bợ, còn sự sống của linh hồn mới thực sự là hằng sống, miên viễn nơi cõi Thiêng Liêng.

Thực vậy, theo triết lý của Đạo Cao Đài, con người do ba thể hợp lại tạo nên sự sống nơi thể gian: Thể xác, Chơn thần và Chơn linh. Khi con người ta chết đi ấy là sự tan rã của thể xác, sự sống trường tồn, vĩnh cửu của Chơn thần và Chơn linh. Nhưng sự sống của Chơn thần và Chơn linh phải là cõi nhẹ nhàng, trong sạch, đó là cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Giải 解: Cởi bỏ đi.

Mộng trần gian: Hay trần gian mộng 塵間夢: Giấc mộng trần. Chỉ cuộc sống con người ở trần gian như một giấc mộng.

Triết lý các Tôn giáo đều cho rằng cuộc đời của chúng sanh nơi cõi trần thì phù du, ngắn ngủi, dễ tan biến chẳng khác nào như một giấc chiêm bao. Ngoài ra, trong văn chương, người ta còn ví cuộc đời con người ngắn như một giấc mộng Nam Kha hay giấc mộng Huỳnh lương. Trong bài Kinh Khi Thức Dậy có câu:

Tử sinh, sinh tử là chi,

Gã trong giấc mộng cũng bì như nhau.

Giải mộng trần gian: Giải bỏ cuộc sống ở trần gian, tức chỉ sự chết rồi.

Câu 1: Chơn linh sắp sửa đi vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 2: Con người chết đi nơi cõi trần ấy là lúc Chơn linh trở về quê xưa cảnh cũ.

**Điù đường thoát tục năm phan,
Trông Kinh Bạch Ngọc định thần giải căn.**

Điù đường: Dẫn dắt đường.

Thoát tục 脫俗: Thoát khỏi cảnh trần tục. Chỉ sự chết.

Phan 幡: Cây phướn, một cây tựa như lá cờ, bề ngang hẹp, có chiều dài, trong lá phướn có ren lụa thêu rủ xuống. Trong Đạo Cao Đài có nhiều loại phướn như: Phướn Thượng Sanh, phướn Thượng Phẩm, phướn Truy hồn...

Theo đạo Cao Đài, khi một người chết thì Chơn linh phải có cây phướn để dẫn dắt đường đi. Về thể pháp, nếu người chết từ phẩm Lễ sanh trở xuống chức việc, đạo hữu, thì Chơn linh người chết được hướng dẫn bằng cây Phướn Thượng Sanh, nếu người chết từ phẩm Giáo Hữu trở lên thì Chơn linh người chết được điù dẫn bằng cây Phướn Thượng Phẩm. Về bí pháp, thì nơi Thiêng Liêng mỗi Chơn hồn đều được dẫn dắt bằng phướn Tiếp Dẫn hay phướn Tiêu Diêu.

Trông: Nhìn về.

Kinh Bạch Ngọc: Hay Bạch Ngọc Kinh 白玉京, tòa kinh thành bằng ngọc trắng, nơi ngự của Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Định Thần 定神: Định tĩnh về tinh thần.

Giải căn 解根: Giải bỏ mọi căn nghiệp, tức là giải

bỏ hết cái gốc rễ đã gây ra những nghiệp quả.

Câu 3: Khi Chơn linh thoát khỏi cảnh trần tục thì phải do theo cây phước để dẫn đường.

Câu 4: Chơn linh phải cởi bỏ hết mọi căn nghiệp nơi thế gian, rồi định tinh tinh thần mà trông về Bạch Ngọc Kinh.

**Điều Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ chơn hôn.**

Điều Trì Cung 瑤池宮: Điều Trì hay Dao Trì là một cái ao được làm bằng ngọc dao. Ao Dao Trì nằm nơi cung ngự của Đức Phật Mẫu, nên cung này được gọi là Điều Trì Cung, và Phật Mẫu được gọi là Điều Trì Phật Mẫu hay Điều Trì Kim Mẫu.

Tiên Nữ 仙女: Vị nữ Tiên. Đây chỉ một vị nữ Tiên trong Cửu Vị Tiên Nương.

Lục Nương 六娘: Vị Tiên Nương đứng hàng thứ sáu trong Cửu Vị Tiên Nương nơi Điều Trì Cung. Bà thường cầm bửu pháp là cây phước Tiêu Điều hay phước Truy Hồn để gìn giữ và dìu dắt các chơn hôn có căn duyên về cõi Tây Phương. Thi sĩ Huệ Phong có bài thi nói về Lục Nương như sau:

*Cô Lục Nương phước Tiêu Điều nắm,
Để truy hôn say đắm biển mê.
Cõi Kim Thiên, Khổng tước kẻ,
Hữu căn tiếp dẫn hôn về Tây Phương.*

Câu 5: Nơi Điều Trì Cung Đức Phật Mẫu sai một vị Tiên nữ.

Câu 6: Đó là Lục Nương Điều Trì Cung cầm cây

phước Tiêu Diêu để dẫn dắt Chơn hồn người mới chết.

**Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phước linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.**

Tây Phương 西方: Một cõi Tịnh độ do Đức Phật A Di Đà giáo hóa, đó là Cực Lạc Thế Giới hay An Lạc Quốc. Cõi này nằm ở hướng Tây nên còn gọi là Tây Phương Cực Lạc, Tây Phương Tịnh Độ.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn 接引道人: Hay Tiếp Dẫn Phật là vị Phật cầm cây phước Tiếp Dẫn có nhiệm vụ tiếp rước và dẫn dắt các Chơn linh đắc Đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Phước linh: Cây phước Tiếp Dẫn linh thiêng.

Lôi Âm 雷音: Tức Lôi Âm Tự 雷音寺:Chùa Lôi Âm, là một ngôi chùa ở tại Cực Lạc Thế Giới nơi cõi Thiêng Liêng.

Trong “*Con đường Thiêng Liêng Hàng Sống*”, Đức Hộ Pháp có nói về Lôi Âm Tự như sau: “Đêm nay Bản đạo rủ cả thầy vô Lôi Âm Tự, cũng như Bản đạo đã đến trình diện với Đức Di Đà.

Bởi Đức Di Đà đã giao quyền lại cho Đức Di Lạc, giao quyền chưởng quản Càn Khôn Vũ Trụ, Đức Di Lạc ngồi ngự nơi Kim Tự Tháp, còn Đức Di Đà vào ngự nơi Lôi Âm Tự”.

Câu 7: Nơi cõi Tây Phương Cực Lạc có vị Phật là Đức Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Câu 8: Tay cầm phước Tiếp Dẫn là một cây phước linh thiêng để đi khai mở con đường dẫn đến Lôi Âm Tự.

**Ở (tên họ kẻ hấp hối) thành tâm cầu nguyện,
Nguyện Chí Tôn linh hiển độ sanh.**

Ở...: Một từ đứng trước tên họ của người để kêu gọi. Ở đây dùng để gọi người đang hấp hối.

Kêu tên họ của người đang hấp hối nhằm đánh thức sự mê loạn tâm thần do đau đớn thân xác, nghiệp quả oan khiên tạo nên.

Ngoài ra, kêu tên họ cũng để nhắc nhở cho người ở trong cận tử nghiệp có lòng hướng về Chí Tôn và Đạo pháp.

Thành tâm 誠心: Lòng thành thật, thật tâm.

Cầu nguyện 求愿: Cầu xin, nguyện vái.

Thế thường, người đời hay quan niệm sự cầu nguyện là được đáp ứng những ước muốn mà mình van vái, khi hữu sự hay trong hoàn cảnh hoạn nạn. Sự cầu nguyện này, có ứng đắc hay không còn tùy sự mong cầu có đức tin, lòng bác ái hay lòng chân thành hay không.

Nếu một người trong tình trạng hấp hối thì sự cầu nguyện phải có đức tin vững chắc, thành tâm và tinh tấn. Bởi vì khi một người sắp chết, thần thức bị mê loạn, tinh thần hoảng hốt, ham tiếc mạng sống, danh vọng, tiền bạc... Ngoài ra còn bị ma vương, oan gia trái chủ vây quanh đòi nợ, hoặc thân xác đau đớn làm cho tâm thần không sáng suốt mà giữ chánh niệm.

Vì thế, ý nghĩa câu kinh là nhằm nhắc nhở người đang hấp hối không nên quyến luyến dương trần, mà phải định tĩnh tâm thần và thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn để được thực hiện chơn truyền tận độ của nền Đại Đạo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Để việc độ hồn được cảm ứng với các Đấng Thiêng liêng hầu truyền giúp cho Chơn linh giảm bớt nặng nề ô

trước mà nhẹ nhàng siêu thoát, thì những người cầu rỗi buộc phải thành tâm và tinh tấn.

Linh hiển 靈顯: Hay hiển linh là linh thiêng mà hiển hiện ra.

Độ sanh 度生: Hay độ sinh là cứu giúp cho một con người thoát khỏi biển khổ trầm luân nơi cõi Tà Bà Thế Giới để được hằng sống nơi cõi Thiêng Liêng.

Câu 9: Kêu gọi tên họ của người sắp chết nhằm nhắc nhở Chơn hồn hãy thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn.

Câu 10: Cầu xin Chí Tôn linh hiển mà cứu độ cho thoát khỏi bể khổ để được hằng sống nơi cõi Thiêng Liêng.

Ăn năn sám hối tội tình,

Xét câu mình thệ gửi mình cõi thăng.

Ăn năn: Lòng cảm thấy xót xa hối hận về những lỗi lầm của mình đã gây ra.

Sám hối 懺悔: Biết tội lỗi của mình và thật tâm muốn sửa đổi.

Tội tình 罪情: Tội lỗi đã gây ra.

Thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi, bởi con người bị vô minh che mờ chân tánh, và bị thất tình, lục dục sai khiến làm những hành vi hung ác, mà gây ra nhiều tội lỗi.

Con người tuy có tội lỗi, nhưng biết sám hối ăn năn thì có thể tha thứ được.

Điều tốt hơn hết là trong phút lâm chung, người đang hấp hối, bị đau đớn, mê loạn, giựt giành từng tấc hơi, sự sống, mà vẫn có lòng thành khẩn sám hối ăn năn những tội lỗi của mình đã gây ra trong kiếp sanh và còn biết thành tâm cầu nguyện Trời Phật tha thứ tội tình, ấy là

người có duyên phần, ắt được Chí Tôn xá tội và độ rỗi cho.

Minh thệ 盟誓: Lời thề nguyện trước Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng phải thực hiện.

Bất cứ người nào xin nhập môn vào đạo Cao Đài đều phải lập lời minh thệ trước Thiên bàn hay Điện tiền Chí Tôn, có sự chứng kiến của vị Chánh Trị Sự hay Chức sắc sở tại để buộc người nhập môn phải thủ tín, tức là một lòng một dạ giữ gìn và thờ phượng nền chánh đạo, chẳng dám làm điều gì sai lời thệ nguyện hầu kềm thúc tâm phạm tánh tục của mình cho đến phút lâm chung.

Việc minh thệ rất quan trọng. Về mặt hữu hình, nó thúc đẩy người cầu Đạo phải nhất tâm mà gìn giữ luật lệ của Đạo và quyết chí tu hành; Về mặt thiêng liêng, các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật mới nhìn nhận người minh thệ là môn đệ của Đức Chí Tôn, nên mới hộ trì trên bước đường tu niệm. Thánh giáo Thầy có cho biết như sau: *“Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến gìn giữ các con, nhưng phần đông chưa lập minh thệ, nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận”*.

Lời minh thệ gồm 36 chữ, do Đức Chí Tôn đã dạy vào ngày 23 và 24 tháng 4 năm 1926 như sau: Tôi tên..... tuổi..... ***“Thề rằng: Từ đây biết một đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục”***.

Do có lời minh thệ, nên suốt kiếp sanh của người nhập môn lúc nào cũng phải giữ tròn Tân luật, Pháp chánh truyền, Ngũ giới cấm, Tứ đại điều qui... của Đạo và trọn lòng với Chí Tôn, Phật Mẫu.

Vì vậy, vào phút đang hấp hối, người môn đệ của Đức Cao Đài phải định tĩnh tâm thần mà suy xét những hành vi lúc đương sanh xem có phạm vào lời minh thệ không. Nếu có thì phải sám hối, ăn năn sửa lỗi, nếu vẹn bề một môn đệ của Đức Chí Tôn thì phải thành khẩn cầu xin để được siêu thăng thoát hóa.

Câu 11: Chơn hồn sắp lìa khỏi xác phải biết ăn năn, sám hối những tội tình trong lúc sanh tiền.

Câu 12: Nhất là tự xét mình xem có làm đúng lời minh thệ khi mới nhập môn vào Đạo. Nếu giữ vẹn lời minh thệ, làm tròn một môn đệ Chí Tôn thì sẽ được siêu thăng.

***Dấu nghiệp chướng số căn quả báo,
Đừng hái kinh, cầu đảo Chí Tôn.***

Nghiệt 孽: Cái mầm của việc làm ác.

Chướng 障: Sự ngăn trở, sự trở ngại.

Nghiệt chướng 孽障: Sự trở ngại hay ngăn trở do các mầm ác gây ra.

Những hành vi hung ác trong kiếp trước do mình làm ra sẽ tạo nên nghiệp quả mà kiếp này phải thọ nhận. Ác nghiệp đó gây nhiều trở ngại trong kiếp sống hiện tại của chúng ta, nên được gọi là chướng. Như bệnh chướng, tai chướng, phiền não chướng...

Số căn 數根: Cái số phận do căn nghiệp tạo ra.

Căn là gốc rễ, do gốc rễ đó mà kiếp sống hiện tại của con người phải thọ lãnh cái nghiệp, nếu kiếp trước làm những điều thiện, thì tạo căn lành cho kiếp sống hiện tại, nếu kiếp này làm những việc ác, thì tạo ác căn cho kiếp lai sinh. Như vậy căn hay gốc rễ sẽ tạo thành cái nghiệp cho

con người, nên gọi là căn nghiệp hay căn quả.

Căn nghiệp hay căn quả đó mới định ra số phận của con người nên được gọi là số căn.

Quả báo 果報: Cái kết quả được báo đáp do những hành vi thiện ác của thuở trước. Người làm lành thì được báo cho điều phước đức, kẻ làm ác thì bị báo cho điều tai họa: Vi thiện giả, thiên báo chi dĩ phước, vi bất thiện giả, thiên báo chi dĩ họa 為善者, 天報之以福, 為不善者, 天報之以禍.

Hãi kinh 駭驚: Hay kinh hãi là sợ sệt, sợ hãi.

Cầu đảo 求禱: Cúng tế để cầu xin.

Câu 13: *Dầu cho số phận bị căn nghiệp gây thành quả báo đến mình đi nữa.*

Câu 14: *Cũng đừng có kinh sợ mà phải cầu khẩn Đức Chí Tôn.*

Khi người ta phạm tội thường hay bày lễ để cầu đảo. Tương truyền, Đức Khổng Tử bị đau nặng, học trò là Tử Lộ xin Thầy bày lễ cầu nguyện để mau được khỏi bệnh. Ngài nói rằng: *Khâu chi đảo cửu hỹ* 丘之禱久矣, nghĩa là Khâu này cầu nguyện đã lâu rồi. Ý Ngài muốn nói chung thân Ngài làm điều nhơn nghĩa, như vậy lúc nào Ngài cũng cầu xin rồi vậy. Theo Ngài, nếu ai bất nhân bất nghĩa, làm điều trái đạo, mắc tội với Trời, dù có cầu xin cũng không ích gì: *Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã* 獲罪於天, 無所禱也: Phải tội với Trời còn cầu xin vào đâu được.

Nhưng ở đây, một người làm lỗi đến phút cuối cùng (lúc hấp hối) mới ăn năn, sám hối và cầu đảo thì Đức Chí Tôn có tha thứ tội tình mà cứu độ cho hay không? Theo

ý nghĩa những câu kinh, thì thật là may duyên cho chúng sanh gặp được Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn khai nền Đại Đạo, mở ra một thời kỳ Đại khai Ân Xá cho vạn linh và đóng Địa ngục mở từng Thiên, là để các Chơn linh có tội lỗi, nếu biết tu sửa, ăn năn sám hối thì được Chí Tôn tha thứ tội tình mà trở về ngôi cũ, còn các tội hồn không chịu cải quá thì phải ở lại cõi Âm Quang chờ ngày học đạo để được siêu thăng thoát hóa. Chính Thánh giáo Bát Nương Diêu Trì Cung có dạy như sau: *“Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dẫu gây lắm tội tình, mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi thì cũng lánh xa cửa Âm quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn đặng tự hối hay là đặng giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ, hay là con cái của Chơn hồn cầu rỗi”*.

Nói như vậy, chỉ cần phút lâm chung cầu nguyện Đức Chí Tôn là xong. Cần gì lúc sanh tiền lo bồi công lập đức, hay tưởng Trời niệm Phật!

Chúng ta cần phải nghĩ một điều: Có được một lời cầu nguyện lúc lâm chung toàn là nhờ lúc bình thường chí tâm tưởng niệm Chí Tôn để tạo duyên phần cho phút cuối. Nếu không, bệnh tật hôn mê, đau đớn bức bách làm cho tâm thần mê loạn. Lại thêm vợ gào con khóc, anh em thương tiếc, chẳng thể dứt được nghĩa tình, hoặc bị nghiệp lực lôi kéo, nhiều loạn khiến cho thần trí hôn mê. Lúc bấy giờ muốn ăn năn tự hối, hướng niệm Chí Tôn cũng không xong.

Vì vậy, lúc bình thời chúng ta tu trì, tạo phước chính là dự bị cho lúc lâm chung để mang theo làm hành trang thiện quả trong phút trở về quê xưa vị cũ.

*Cửa Địa ngục, khá lánh chơn,
Ngọc Hư Cực Lạc, đon đường ruổi dong.*

Địa ngục 地獄: Nơi giam cầm các tội hồn.

Lánh chơn: Bước chơn lánh đi nơi khác.

Ngọc Hư 玉虛: Ngọc Hư cung là nơi cung ngự của Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đây chỉ nơi cõi Thiêng Liêng.

Cực lạc 極樂: Còn gọi là Tây Phương Cực Lạc, Cực Lạc Thế Giới, Tây Phương Tịnh Độ hay An Lạc Quốc là một cõi Tịnh độ do Đức Phật A Di Đà 阿彌陀 giáo hóa. Theo Phật, Cực Lạc là nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc, không có phiền não, ô uế, thọ mạng dài lâu... Đây cũng chỉ nơi cõi Thiêng Liêng.

Đon đường: Tìm đường, dò đường.

Ruổi dong: Một mạch thẳng tới.

Câu 15: Câu Kinh nhắc nhở Chơn hồn nên xa lánh nơi cửa Địa ngục,

Câu 16: Mà nên tìm đường đi thẳng một mạch đến Ngọc Hư Cung và cõi Cực Lạc Thế Giới.

Kinh nhằm nhắc nhở linh hồn người chết xa lánh cõi Phong đô, mà tìm đường về cõi Thiêng Liêng. Chơn hồn có thực hiện được hay không là do duyên phần mà cả kiếp sanh người ấy đã tạo ra hoặc thiện hoặc ác, để mang theo làm hành trang nghiệp quả trong phút trở về quê xưa vị cũ.

Như vậy, thẳng hay đọa là do kết quả của cả kiếp người lúc sanh tiền tạo ra, còn sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng, lời kinh tiếng kệ của người thành tâm cầu

nguyên chỉ là một phần nào trợ giúp cho vong linh nhẹ nhàng siêu thoát mà thôi.

***Dầu trọn kiếp sống không nên Đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng.***

Dầu trọn kiếp: Dầu cho trọn một kiếp người.

Sống không nên đạo: Sống mà không làm nên người đạo đức, tức là không giữ trọn được như luân đạo đức, không lợi ích cho nhưn quần xã hội, không trọn người tu hành.

Oan gia 冤家: Người có mối thù hận với mình.

Tội báo 罪報: Quả báo do tội lỗi gây ra lúc trước. Đây là kết quả việc làm ác đức của mình.

Buộc ràng: Hay ràng buộc là trói buộc lại.

Tội báo buộc ràng: Kết quả của những hành vi tội lỗi báo đáp cho người gây ra như những sợi dây ràng buộc, dấp dính theo mình không gỡ ra được.

Câu 17: Dầu cho lúc còn sống không trọn vẹn người đạo đức, không giữ tròn nhưn luân, không vẹn đạo tu hành.

Câu 18: Dầu cho oan gia hay quả báo do tội lỗi gây ra lúc trước đeo theo ràng buộc.

***Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật, cứu nạn độ vong.***

Xá tội 赦罪: Tha thứ tội lỗi.

Thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi. Bởi vô minh, con người mới tạo ra tội ác, tội ác tạo thành nghiệp quả, nghiệp quả đó lại tạo nên những chướng ngại, gọi là nghiệp chướng. Nghiệp chướng mới che mờ chân tâm bản tánh

của con người chúng ta.

Do vậy, người tu hành, trước hết phải biết sám hối ăn năn tội lỗi, lo lập công bồi đức để được xá tội hiện tại và tội tiền khiên.

Giải oan 解冤: Cởi bỏ hết các mối oan nghiệt.

Cứu nạn: Cứu giúp khỏi tai nạn.

Độ vong 度亡: Cứu độ vong hồn người chết.

Câu 19: Cầu xin Đức Chí Tôn xá hết những tội lỗi và cởi bỏ hết các mối oan nghiệt.

Câu 20: Và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật cứu giúp các tai nạn và tế độ vong hồn cho được siêu thoát.

Đức Chí Tôn là Đấng Đại Từ Đại Bi có lòng thương xót tất cả chúng sanh, nhất là những chúng sanh có nhiều tội lỗi. Thánh giáo Thầy có dạy: “*Buổi lập Thánh đạo, Thầy đến độ rỗi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không có tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy.*”

Ấy vậy, các con rán độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui hơn hết”.

Lại nữa, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính mình Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút mà khai nền Đại Đạo và Đại Ân Xá cho chúng sanh, nhất là ban cho các bí tích như: Giải oan, làm phép xác, cắt dây oan nghiệt... để các Chơn linh được nhẹ nhàng, trong sạch mà siêu thăng thoát hóa.

Kìa chiếu diệu bóng hồng Bắc Đẩu,

Kìa im đìm phúc hậu Nam Tào.

Chiếu diệu 照耀: Chiếu sáng rực rỡ.

Bóng hồng: Ánh sáng màu hồng.

Bắc Đẩu 北斗: Là một ngôi sao sáng nằm ở phương bắc. Sao Bắc Đẩu là một định tinh nằm trong bảy vì sao, gọi là Thất tinh 七星.

Nam Tào 南曹: Là một ngôi sao ở phương nam, còn gọi là Nam Cực tinh 南極星.

Nam Tào và Bắc Đẩu là hai vì sao nằm trên trục Nam Bắc của Địa Cầu. Khi Địa Cầu tự quay hay quay xung quanh mặt trời, hai vì sao này vẫn luôn luôn nằm theo hai hướng Nam Bắc của Địa Cầu.

Tương truyền, Nam Tào Bắc Đẩu là hai vị Tiên nắm bộ sanh và bộ tử của nhơn loại.

Nam Tào còn gọi là Nam Cực Tiên Ông coi về bộ sanh. Trong Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần có câu:

Rủi Thiên số Nam Tào đã định,

Giải căn sinh xa lánh trần ai.

Bắc Đẩu Tiên Ông coi về bộ Tử.

Theo Đức Hộ Pháp, nơi Cung Nam Tào Bắc Đẩu “có một quyển sách Thiên Thơ để trước mặt ta, dở ra xem thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì thì trong quyển Thiên Thơ ấy nó hiện tượng ra hết; chúng ta tự xử chúng ta, mình làm tào để xử mình, hoặc mình phải đầu kiếp hay là đoạt đến địa vị nào, mình đứng đến mức nào, thì cũng do mình định đoạt lấy.

Vị chương quản nơi cung ấy theo tiếng phàm của chúng ta đặt tên là NAM TÀO BẮC ĐẤU”.

Im đìm: Im lặng.

Phúc hậu 福厚: Phước đức dày dặn.

Câu 21: *Kìa Bắc Đẩu Tinh quân chiếu ánh sáng màu hồng rực rỡ.*

Câu 22: *Kìa ngôi Nam Cực tinh quân yên lặng và phúc hậu.*

***Cảnh thăng trời gót cho mau,
Xa vòng tục lự đặng châu Chí Linh.***

Cảnh thăng: Hay Thăng cảnh 升境: Cảnh của các Chơn linh được siêu thăng đến ở. Theo Cao Đài, đây là cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống.

Trời gót: Cát bước đi.

Tục lự 俗慮: Tục là cõi trần tục, lự là sự lo lắng. Tục lự là những nỗi lo lắng, sợ sệt của kiếp sống con người ở cõi trần tục này.

Châu: Hay triều 朝: Hầu vua để chờ mệnh lệnh.

Chí Linh 至靈: Rất linh thiêng. Đây là Thánh hiệu Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Câu 23: *Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống kia hãy cất bước lên cho mau.*

Câu 24: *Hầu xa lánh nơi cõi trần tục đầy sự lo âu này, đặng vào châu Đức Chí Tôn.*

Trần tục là cõi chứa nhiều phiền não, nên chúng sanh ở đây tâm thường bị tăm tối, lo lắng, ray rứt, bất an...

Tại sao cõi này chứa nhiều phiền não? Bởi vì chúng sanh bị năm động lực sau đây sai khiến, nên thân tâm lúc nào cũng âu lo, tính toán, sợ sệt...

Tham: Lòng ham muốn của con người vô tận, nên tâm bao giờ cũng lo tính, tìm đủ mọi cách để thỏa mãn

dục vọng của mình.

Sân: Gặp cảnh trái ý liền giận dữ, lòng lúc nào cũng hờn giận nổi nóng.

Si: Tâm bị mê hoặc, không tỉnh táo để nhận định gọi là si.

Mạn: Kiêu căng, ngạo mạn, cậy mình tài trí có lòng khinh khi miệt thị người khác gọi là mạn.

Nghi: Đối với mọi việc, thường sanh lòng ngờ vực, chẳng thể nào phán đoán dứt khoát, gọi là nghi.

Do năm yếu tố trên làm cho con người sống ở thế gian phiền não, nên lúc nào cũng bất an, sợ sệt, lo tính... Vì vậy, thế gian còn được gọi là *cõi tục lụy*.

CHƯƠNG THỨ TƯ

KINH KHI ĐÃ CHẾT RỒI

I.- KINH VĂN

KINH KHI ĐÃ CHẾT RỒI

*Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,
Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.
Quê xưa trở, cõi đọa từ,
Đoạt cơ thoát tục bấy chừ tuyệt luân.*

*Dưới chín lớp liên thần đưa bước,
Trên hồng quang phủ phước tiêu diêu.
Linh Tiêu Điện, bảng danh nêu,
Nguyên căn đẹp vẻ mỹ miều cao thẳng.*

*Kinh Bạch Ngọc muôn lần diễn chiếu,
Kêu Chơn hôn vịn niu Chơn linh.
Năng lai năng khứ khinh khinh,
Mau như diễn chiếu nhẹ thành bóng mây.*

*Cửa Tây Phương khá bay đến chốn,
Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu,
Tiên phong Phật cốt mỹ miều,
Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí Linh.*

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Kinh “*Khi Đã Chết Rồi*” do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ

Phổ Độ, dùng để tụng khi một vị Chức sắc hay Tín đồ đã qui liễu. Bài Kinh này còn tụng kèm sau Bài Kinh Cầu Siêu để cầu siêu cho vong hồn người chết, vì Hội Thánh sợ e cho vong hồn hoặc người không tu mới được độ hồn, hoặc Đạo Hữu phạm thệ mà đi xuống cõi Phong độ, nên trước phải tụng Bài Kinh Cầu Siêu, hầu cho vong hồn hồi dương đặng rồi, thì tụng tiếp Bài Kinh Khi Đã Chết Rồi đặng vong hồn hưởng phép siêu thăng tịnh độ. Tụng ba lần như vậy.

III.- CHÚ GIẢI

Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,

Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.

Thiên Tào 天曹: Như chữ Thiên Đình (Theo Từ Điển Việt Hán của Đào Duy Anh).

Ba mươi sáu cõi Thiên Tào là ba mươi sáu tầng Trời, còn gọi là Tam thập lục Thiên.

Nhập 入: Đi vào.

Bát Quái 八卦: Tức Bát Quái Đài nơi cõi Thiêng Liêng.

Trong bài thuyết đạo về Thiêng Liêng Hằng Sống vào đêm 8 tháng 9 Năm Mậu Tý (10-10-1948), Đức Hộ Pháp có mô tả Bát Quái Đài ấy như sau: “Đài ấy có tám góc kêu là *Bát Quái Đài* không thể gì chúng ta tả ra với lời nói đặng. Bởi đài ấy huyền bí biến hóa vô cùng; nó có tám cửa, trong tám cửa chúng ta ngó thấy cả vạn linh và vật loại; các hình thể vạn linh đều xuất hiện, hình ảnh sáng suốt hiện hào quang chiếu diệu. Trong tám góc có tám cái cầu. *Lạ thay* cầu ấy không phải bằng cây ván, mà nó là tám

*đạo hào quang, cầu ấy bắt ngang bờ. Dưới cầu ấy chúng ta
ngó thấy dường như một Bích Hải nước xao, sóng dợn như
biển sôi nổi đó vậy. Trong tám góc chúng ta thấy đó, chắc
cả thấy đều để ý nơi góc ta đến, thấy như loại đi tới đi lui
nhiều hơn hết. Lạ thay! Cầu ấy rất huyền diệu, ai đứng đó
được mới biết mình nhập vô Bát Quái Đài”.*

Ngọc Hư Cung 玉虛宮: Cung của Đức Chí Tôn
Ngọc Hoàng Thượng Đế.

*Câu 1: Ở trên là ba mươi sáu cõi Thiên Tào hay còn
gọi là Tam thập lục Thiên.*

*Câu 2: Vào trong Bát Quái rồi mới được đến Ngọc
Hư Cung.*

Các Chơn linh phải đi một vòng luân hồi chuyển
kiếp, từ vật chất hỗn cho đến nhưn hỗn. Nhưn hỗn còn
phải tu nhiều kiếp để được tiến hóa từ Thất Thập Nhị
Địa, Tam Thiên Thế Giới, đến Tứ Đại Bộ Châu rồi mới
vào được Tam Thập Lục Thiên (Ba mươi sáu cõi Thiên Tào
hay 36 tầng Trời). Đến được Tam Thập Lục thiên rồi còn
phải tiếp tục nhiều kiếp tu nữa mới đặng lên đến Bạch
Ngọc Kinh để nhập Bát Quái mà vào Ngọc Hư Cung.

Quê xưa trở, cõi đạo từ,

Đoạt cơ thoát tục bấy chừ tuyệt luân.

Quê xưa: Quê hương của con người đã được sinh ra
lớn lên, và sanh sống nơi ấy. Nơi đây, còn được gọi là nơi
chôn nhau cắt rốn, hay quê cha đất tổ. Đây là quê hương
của hình hài xác thịt.

Còn quê xưa, theo ý nghĩa Kinh, đó là quê hương
của Chơn linh, nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Như chúng ta đã biết, mỗi chúng sanh ở thế gian này là một Tiểu linh quang được chiết ra từ khối Đại linh quang của Đức Chí Tôn. Vì vô minh, nên chúng sanh phải chịu sự luân hồi sanh tử nơi cõi trần này. Nếu biết giác ngộ tu hành thì Chơn linh sẽ nhẹ nhàng thoát xác để trở về với Thượng Đế, đó là quê xưa cảnh cũ, hay quê hương đích thực của Chơn linh chúng ta.

Trở: Trở về, trở lại.

Cõi đọa: Còn gọi là đọa cảnh 墮境. Nơi bị đọa. Ở đây chỉ cõi trần gian của con người, vì nơi này là cõi thấp kém, tối tăm, chứa đầy những tội lỗi, ô trược, và khổ não... Cõi đọa là nơi để trừng phạt những linh hồn có tội hay các bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi thì bị đọa xuống cõi trần để lập công chuộc tội.

Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả phải mất cả Chơn linh là luân hồi”.

Từ 辭: Từ bỏ, từ biệt.

Đoạt cơ thoát tục 奪機脫俗: Đoạt được cơ mưu để giải thoát khỏi cảnh trần tục.

Bấy giờ: Bấy giờ.

Tuyệt luân 絕輪: Dứt hẳn luân hồi.

Chúng sanh sở dĩ mãi chịu trôi nổi trong biển khổ luân hồi, không bao giờ dừng nghỉ, là do bởi nghiệp lực. Nghiệp lực là động cơ lôi kéo con người chìm đắm vào con đường xoay chuyển của vòng sanh tử. Muốn dứt luân hồi phải đoạt cơ thoát tục, nghĩa là tìm nguyên nhân để

giải thoát những quả nghiệp sâu nặng. Như trên ta biết, chúng sanh do bởi vô minh che mất chân tánh, bị dục vọng phiền não sai khiến, tạo ra muôn ngàn ác nghiệp, vì đó mà phải luân hồi. Cơ giải thoát là trí huệ sáng suốt, tức là giác ngộ, để dứt trừ mê lầm, vô minh, phiền não, và khổ đau trói buộc. Nhờ có trí huệ chúng ta mới nhận thức việc tu và hành động đúng theo chơn pháp mà đặc Đạo.

Dưới chín lớp liên thân đưa bước,

Trên hồng quang phủ phước tiêu diêu.

Dưới chín lớp: Dưới chín tầng trời, hay là dưới Cửu Trùng Thiên.

Liên thân 蓮神: Bông sen Thiêng Liêng mẫu nhiệm, bông sen Thần. Khi người được đặc đạo thì bông sen Thần sẽ đưa Chơn linh đi qua Cửu Trùng Thiên.

Đưa bước: Đưa bước chân đi.

Hồng quang 洪光: Vùng ánh sáng to lớn.

Phủ: Bao phủ xuống, bao trùm xuống.

Phước: Hay phúc 福: Điều phước đức, điều may mắn, tốt lành.

Tiêu diêu 逍遙: Hay tiêu dao, nghĩa thong thả đi đây đi đó, không bị bó buộc, thảnh thơi nhàn hạ.

Câu 5: *Dưới Cửu Trùng Thiên, Chơn linh đặc đạo được bông sen thần (sen mẫu nhiệm) đưa bước về cõi Thiêng Liêng.*

Câu 6: *Trên thì có vùng ánh sáng rộng lớn bao phủ phước đức cho Chơn linh được thảnh thơi nhàn hạ.*

Dứt được nghiệp trần, Chơn linh người tu lúc ấy

được nhẹ nhàng dường như bay bổng, nên đi qua các tầng Thiên đều được sen Thần đưa bước chân đi. Trên thì có ánh sáng diệu huyền của Chí Tôn ban cho Chơn linh được hưởng những hồng phước trong cảnh tiêu diêu tự tại.

*Linh Tiêu Điện, bảng danh nêu,
Nguyên căn đẹp vẻ mỹ miều cao thẳng.*

Linh Tiêu Điện 靈霄殿: Là một Điện ở trong Cung Ngọc Hư nơi cõi Thiêng Liêng. Đây là nơi Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế họp chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Bảng danh: Hay Danh bảng 名榜: Tấm bảng để tên họ những người đắc đạo.

Nêu: Nêu tên họ, niêm yết tên họ.

Nguyên căn 元根: Những bậc nguyên nhân, tức là những bậc được sinh ra đầu tiên, từ lúc khai thiên lập địa.

Mỹ miều: Xinh tươi, đẹp đẽ.

Cao thẳng 高升: Siêu thẳng lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 7: Ở nơi Linh Tiêu Điện, người đắc đạo được nêu tên họ lên bảng.

Câu 8: Những bậc nguyên nhân cao thẳng lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, có hình dáng đẹp đẽ mỹ miều.

*Kinh Bạch Ngọc muôn lần diễn chiếu,
Kêu Chơn hôn vịn níu Chơn linh.*

Kinh Bạch Ngọc: Hay Bạch Ngọc Kinh 白玉京: Một tòa Thiên các nguy nga, làm toàn ngọc màu trắng, nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Muôn lần diễn chiếu: Muôn lần sóng điện, tức là

những tia sáng hào quang phát ra rực rỡ.

Chiếu 照: Rọi sáng, phát sáng.

Chơn hồn vịn níu Chơn linh: Câu kinh này có lẽ muốn nói Chơn thần nắm giữ Chơn linh, tức là Đệ nhị xác thân hay xác thân Thiêng liêng (Do Phật Mẫu ban cho) trì níu Chơn linh. Nếu người nhiều nghiệp quả thì Chơn thần là một khí thể sẽ trọng trước, thuộc âm, do đó Chơn linh sẽ bị trì níu, không thể vào Bạch Ngọc Kinh, là nơi có nhiều điện quang chiếu sáng, thuộc dương; còn nếu một người tu đắc đạo thì Chơn thần sẽ khinh thanh, lúc ấy sẽ vịn theo Chơn linh mà bay thẳng vào Kinh Bạch Ngọc.

Câu 9: Bạch Ngọc Kinh chiếu tỏa ra muôn lần điện quang sáng chói.

Câu 10: Kêu Chơn thần hãy vịn theo Chơn linh nhẹ nhàng bay lên.

Năng lai năng khứ khinh khinh,

Mau như điện chiếu nhẹ thành bóng mây.

Năng lai năng khứ 能來能去: Có thể đến và có thể đi.

Khinh khinh 輕輕: Nhẹ nhàng.

Mau như điện chiếu: Nhanh như lần điện chiếu ra.

Nhẹ thành bóng mây: Nhẹ nhàng như đám mây bay.

Câu 11: Chơn linh nhẹ nhàng có thể đến và có thể đi.

Câu 12: Mau lẹ như lần sóng điện chiếu và nhẹ nhàng như đám mây bay.

Cửa Tây Phương khá bay đến chốn,

Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu,

Cửa Tây Phương: Tức là cửa Tây Phương Cực Lạc 西方極樂: Hay Tây Phương Tịnh Độ là một cõi tịnh độ ở Tây Phương do Phật A Di Đà giáo hóa. Cõi này còn được gọi là An Lạc Quốc, vì nơi đây hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc.

Khá: Nên, hãy.

Diệt 滅: Làm mất đi, trừ bỏ.

Trần tình 塵情: Tình cảm của con người ở cõi trần.

Theo Phật, trần là cõi uế trược, nên những thứ tình cảm của con người đối xử với nhau nơi cõi ấy cũng xấu xa ô trược. Người ta chia tình cảm con người ra làm bảy thứ, gọi là Thất tình. Đó là: Hỷ (mừng), Nộ (giận), Ái (yêu), Ố (ghét), Ai (buồn), Lạc (vui) và Dục (muốn).

Vui hưởng tiêu diêu: Vui vẻ mà hưởng thụ những thú thành thời nhàn hạ.

Câu 13: *Cửa Tây Phương Cực Lạc hãy bay đến nơi đến chốn.*

Câu 14: *Diệt trừ hết những thứ tình cảm xấu xa nơi cõi trần, mà vui hưởng tiêu diêu, thành thời nhàn hạ.*

Tiên phong Phật cốt mỹ miều,

Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí Linh.

Tiên phong Phật cốt 仙風佛骨: Hình vóc như Tiên, Cốt cách như Phật.

Mỹ miều: Xinh đẹp.

Vào Kinh Bạch Ngọc: Vào Bạch Ngọc Kinh.

Lễ triều Chí Linh 禮朝至靈: Châu lễ Đấng Chí Linh.

Câu 15: Hình vóc như Tiên, cốt cách như Phật, thật là xinh đẹp.

Câu 16: Vào châu lạy Đức Chi Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh.

CHƯƠNG THỨ NĂM

KINH TẤN LIỆM

I.- KINH VĂN

KINH TẤN LIỆM

*Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ,
Nương huyền linh sạch giữ thất tình,
Cần khôn bước Thánh thượng trình,
Giải xong xác tục mượn hình Chí tôn.*

*Khởi vật chất vô hôn viết tử,
Đất biến hình tự thử qui căn,
Đừng gìn thân ái nghĩa nhân,
Xôn xao thoát khổ xa lân bến mê.*

*Hôn Trời hóa trở về Thiên cảnh,
Xác Đất sanh đến lĩnh phục hồi,
Từ từ Cực Lạc an vui,
Lánh nơi trước khí hưởng mùi siêu thăng.*

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Tấn Liệm do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho chúng sanh trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tấn, còn đọc là Tấn 殯: đặt xác người chết vào quan tài rồi đập nắp kín lại. Liệm 殮: Bọc xác người chết bằng nhiều lớp vải rồi đặt vào áo quan. Như vậy, tấn liệm là

dùng vải trắng và các thứ vật liệu như giấy, trà hoặc tro trấu...để bọc xác người chết, rồi đặt vào quan tài, đập nắp, đóng kín lại.

Kinh Tẩn Liệm là bài kinh để đồng nhi tụng trong nghi thức làm lễ Tẩn liệm.

Nội dung bài Kinh Tẩn Liệm nhằm nhắc nhở cho Chơn hồn người qui liễu biết chết là sự giải thoát khỏi sợi dây oan nghiệt, để Chơn linh được nhẹ nhàng an vui nơi Cực Lạc. Thân xác do đất sinh ra thì trở về đất, còn hồn do Trời hóa sinh thì trở về Trời.

III.- CHÚ GIẢI

Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ,

Nương huyền linh sạch giữ thất tình,

Dây oan nghiệt: Oán thù và những mầm ác mà con người sống ở thế gian đã gây ra, tạo thành những sợi dây vô hình ràng buộc lẫn nhau, trở thành oan gia trái chủ.

Đứt rời: Chấm dứt lia ra.

Trái chủ 債主: Người chủ nợ.

Nếu mình gây ra tội ác cho người, sẽ tạo nên nợ nần oan nghiệt lẫn nhau: Mình là con nợ, người bị hại là chủ nợ hay trái chủ. Theo luật nhân quả, thiếu nợ đương nhiên phải đền trả, còn người chủ nợ chờ ngày đòi món nợ oan nghiệt đó. Vì vậy, nợ nần trở thành những sợi dây oan nghiệt buộc ràng người chủ lẫn kẻ thiếu nợ với nhau.

Nương: Dựa vào.

Huyền linh 玄靈: Huyền diệu linh thiêng.

Sạch giữ: Làm cho bớt sạch, giữ cho sạch sẽ.

Thất tình 七情: Bảy thứ tình cảm của con người, ấy là: Hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục.

Câu 1: Những sợi dây oan nghiệt đứt thì Chơn thân mới rời được trái chủ mà bay đi.

Câu 2: Để giữ sạch thất tình thì phải nương theo phép huyền diệu Thiêng liêng của Chí Tôn (Đó là tu hành).

**Càn khôn bước Thánh thượng trình,
Giải xong xác tục mượn hình Chí Tôn.**

Càn khôn 乾坤: Trời đất.

Bước Thánh: Bước chơn Thiêng liêng.

Thượng trình 上程: Trình là con đường. Thượng trình là lên đường.

Giải xong: Cởi bỏ xong.

Xác tục: Thân xác phàm tục. Đây là hình hài được cha mẹ sinh ra nơi cõi phàm tục, do đó gọi là xác tục.

Hình Chí Tôn: Đây không phải là hình thể, mà là thực thể có trong con người hay vạn vật. Thể đó gọi là thần thể hay Điểm linh quang mà Chí Tôn ban cho con người.

Chí Tôn là Đấng vô hình vô ảnh, tạo hóa ra Càn khôn vạn vật. Vì vậy trong con người và cả muôn loài, mỗi mỗi đều có mang hình thể của Ngài, đó là Thần thể tinh vi kỳ diệu của Đức Thượng Đế. Vạn vật nhờ đó mà có sự sống. Đất đá kim loại nhờ đó mà có linh khí, gọi là Kim thạch hồn; cây cỏ nhờ đó mà tươi nhuận, gọi Thảo mộc hồn; cầm thú nhờ đó mà cảm giác, gọi là Thú cầm hồn; con người nhờ đó mà linh giác, gọi là Nhơn hồn. Ngoài ra, còn có những hồn tiến hóa hơn nữa, gọi là Thần, Thánh, Tiên, Phật hồn. Có thể nói hình bóng của Chí Tôn đều

được ngự trị trong Chơn linh của muôn loài.

Khi con người chết, xác tục được cõi bỏ nơi cõi thế gian thì Chơn hồn phải mượn hình Chí Tôn, đó là những Tiểu linh quang hay Thần thể mà trở về với Thượng Đế là Đại hồn trong Vũ Trụ.

Câu 3: Chơn linh nhẹ nhàng bước chơn Thiêng liêng mà đi vào cõi Càn Khôn.

Câu 4: Cởi bỏ xong phàm thể, Chơn linh sẽ trở về với Chí Tôn

Khối vật chất vô hồn viết tử,

Đất biến hình tự thử qui căn,

Khối vật chất: Hay vật chất khối 物質塊: Xác thân con người được kết hợp bởi vật chất nơi thế gian mà thành, nên gọi là khối vật chất. Xác thân này theo Phật, do bốn nguyên tố, hay bốn đại là: Đất, nước, gió lửa duyên hợp tạo ra, nên còn gọi là thân tứ đại. Lại nữa để được sống, con người phải ăn uống vật thực, hoa quả, đó là những thứ vật chất nơi thế gian nuôi dưỡng nhục thể. Do vậy xác thân con người chính là một khối vật chất.

Vô hồn 無魂: Không có hồn.

Viết tử 曰死: Gọi là chết, nói rằng chết.

Đất biến hình: Đất biến nên hình thể của con người.

Thân xác con người là xương thịt do tinh cha huyết mẹ tạo ra nơi cõi thế, nhờ thực vật và động vật là những nguồn được sinh ra từ đất nuôi dưỡng, do vậy, người ta xem như là một khối vật chất do đất biến thành hình hài con người.

Tự thử 自此: Từ đó.

Qui căn 歸根: Trở về gốc.

Câu 5: *Khối hình hài vật chất không có linh hồn thì coi là chết.*

Câu 6: *Đất biến nên hình thể con người, khi chết, hình xác đó cũng trở về đất.*

Sở dĩ con người có sự sống là nhờ sự hiện diện của linh hồn. Linh hồn là một Tiểu Linh Quang của Thượng Đế chiết từ khối Đại Linh Quang để ban cho con người. Còn thi thể phàm tục của con người vốn dĩ do một khối vật chất cấu thành, nghĩa là xác thể con người từ tế bào xương thịt do cha mẹ tạo ra, được lớn lên nhờ sự nuôi sống của vật thực, là nguồn cung cấp từ đất. Vậy Đất sinh ra vật chất tạo ra hình thể, còn Trời ban cho linh hồn con người. Trời đất trong con người hợp lại thì có sự sống, nghĩa là có linh hồn và thể xác. Nếu như linh hồn lìa khỏi xác thân thì nó chỉ là một khối vật chất bị chết rồi sẽ tan rã. Hay nói cách khác, Đất tạo nên hình thể con người đến khi chết thì hình thể đó sẽ trở lại với Đất, còn linh hồn thì trở về với cõi giới vô vi.

Đừng gìn thân ái nghĩa nhân,

Xôn xao thoát khổ xa lần bến mê.

Đừng gìn: Chẳng nên gìn giữ.

Thân ái 親愛: Thân thiết yêu thương nhau.

Nghĩa nhân 義仁: Hay nhân nghĩa là một đạo lý của con người dùng để ứng xử với nhau nơi thế gian.

Xôn xao: Ôn ào, rộn rịp.

Thoát khổ 脫苦: Thoát ra khỏi cảnh khổ.

Xa lần: Xa lần lần.

Bến mê: Còn gọi là Bờ mê, do chữ mê tân 迷津: Chỉ cảnh giới của chúng sanh còn sống trong vô minh, mê lầm. Trái với Bờ giác hay bến giác là cảnh giới của chúng sanh đã giác ngộ.

Người tu hành phải có trí huệ dùng làm thuyền Bát nhã mới vượt qua biển luân hồi sinh tử đưa đến bờ giác ngộ.

Câu 7: Chơn hôn khi lia khỏi thể xác, thì đừng nên giữ những tình cảm luyến ái với gia đình và mọi nghĩa nhân của thế gian.

Câu 8: Thoát khỏi những khổ đau ồn ào, rộn rịp của thế tục, và lần lần xa lia khỏi bến mê.

Khi thọ mạng một đời hết, con người tu hành bị chi phối bởi nhiều sức mạnh dẫn người ấy đi vào cõi siêu thoát hay tái sanh. Hướng tái sinh một phần được quyết định tùy theo tâm niệm của người lâm chung. Một người đang hấp hối mà có tâm niệm quyến luyến vợ con, thương tiếc danh lợi...thì sẽ khó mong thoát khỏi luân hồi.

Vì vậy, tâm niệm của con người trong phút lâm chung này rất quan trọng, cần phải dứt khoát cởi bỏ những tình cảm thân ái hay những điều nghĩa nhân ràng buộc nơi thế gian, hầu được thoát khỏi những khổ cảnh giựt giàng một cách rộn rịp trong chốn sông mê này.

*Hôn Trời hóa trở về Thiên cảnh,
Xác Đất sanh đến lĩnh phục hồi,*

Hôn Trời hóa: Linh hồn của con người do Trời sinh ra, nói khác hơn, do Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh Quang ban cho người.

Thiên cảnh 天境: Cõi Trời, cõi Thiêng Liêng.

Xác Đất sanh: Thể xác con người do Đất sanh ra.

Như câu Kinh trên đã nói, Đất biến thành hình hài của con người (Câu 6), tức là thể xác con người là do Đất sanh ra.

Lịnh phục hồi: Được lịnh trở lại.

Câu 9: *Trời sanh ra linh hồn con người, khi chết thì hồn đó sẽ trở về cõi Trời.*

Câu 10: *Đất tạo nên thể xác con người, khi chết thể xác đó được lịnh trở về (tức trở về với Đất).*

Linh hồn con người do Trời ban cho là một thể vô vi, mà vô vi thì thường hằng, bất hoại. Nên khi con người chết, linh hồn ấy sẽ trở về với cõi vô vi, nếu có tu thì sẽ về Thiên cảnh. Còn xác thân do cha mẹ sinh ra xương thịt, tạo thành khối vật chất là một thể hữu hình, mà hữu hình thì hữu hoại, Nên khi con người chết, xác thân sẽ rã tan mà trở về Đất.

Hai câu Kinh trên, ý nghĩa tựa đôi liền nơi thuyền Bát Nhã:

Vạn sự viết vô: Nhục thể Thổ sinh hoàn tại Thổ,
萬事曰無: 肉體土生還在土.

Thiên niên tự hữu: Linh hồn Thiên tứ phần hồi Thiên.

千年自有: 靈魂天賜返回天

Nghĩa là:

Muôn vật đều không, thân xác Đất sanh hườn lại Đất,

Ngàn năm tự có, linh hồn Trời ban trở về Trời.

Từ từ Cực Lạc an vui,

Lánh nơi trước khí hưởng mùi siêu thăng.

Từ từ: Thông thả, dần dần.

An vui: Bình an và vui vẻ.

Cực Lạc: Cõi Cực Lạc (Xem chú thích trên).

Lánh nơi: Xa lánh chỗ.

Trước khí 濁氣: Hay trước khí là khí dơ bẩn.

Lánh nơi trước khí: Xa lánh khỏi nơi khí ô trước.

Phật cho rằng Thế giới Ta Bà là một cõi đầy ô uế, có đủ ngũ trước: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước, nên cõi này được gọi là Uế thổ (Uế độ); còn Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà là một cõi đầy an vui sung sướng, nên cõi này được gọi là Tịnh thổ (Tịnh độ).

Hưởng mùi siêu thăng: Được hưởng sự siêu thăng về Thiên cảnh hay Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 11: Chơn linh được thông thả vào cảnh Cực Lạc mà an vui.

Câu 12: Lúc đó, Chơn linh mới thực sự lánh xa khí trước nơi cõi trần mà hưởng sự siêu thăng nơi cõi Tịnh độ.

Hai cõi giới Cực Lạc và Ta Bà là hai Thế giới đối lập nhau. Thế giới Cực Lạc là nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui hạnh phúc và thọ mạng dài lâu, khác với Thế giới Ta Bà ô trước, phiền não, khổ đau và giả tạm. Chính vì thế, Cực Lạc còn được gọi là An Lạc Quốc, còn Thế giới Ta Bà được Hán dịch là kham nhẫn 堪忍: Tức

là chúng sanh sống ở Thế giới này phải nhẫn nhục chịu đựng nhiều điều đau khổ, phiền não...

Người tu hành phải biết giác ngộ chọn con đường về cho Chơn linh của mình: Cõi Cực Lạc để hưởng sự siêu thăng đầy sung sướng, an vui và xa lánh vĩnh viễn nơi trần tục đầy trược khí, đau khổ này.

CHƯƠNG THỨ SÁU

KINH CẦU SIÊU

I.- KINH VĂN

KINH CẦU SIÊU

*Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ,
A Di Đà Phật độ chúng dân,
Quan Thế Âm lân mẫn ân cần,
Vớt lê thứ khổ trần đọa lạc,
Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát.
Bổ từ bi tế bạt vong hồn,
Cứu khổ nàn Thái Ất Thiên Tôn.
Miễn Ám cảnh ngục môn khai giải,
Ôn Đông Nhạc Đế Quân quang đại.
Độ kẻ lành chế cái tai ương.
Chốn Dạ đài Thập Điện Từ Vương,
Thấy hình khổ lòng thương thâm thiết.
Giảm hình phạt bớt đường ly tiết.
Xá linh quang tiêu diệt tiền khiên,
Đặng nhẹ nhàng thẳng đến cung Tiên.
Nơi phước địa ở yên tu luyện,
Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện,
Hộ thương sanh u hiển khương ninh.*

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Nguồn gốc bài Kinh Cầu Siêu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là bài “*Sám Cầu Siêu*” được thỉnh từ Chi Minh Lý, tức Tam Tông Miếu bây giờ.

Bài Kinh này, Chi Minh Lý cầu Đức Chuẩn Đề Bồ Tát giảng cơ ban cho và dạy phải truyền kinh để phổ độ. Khi Đạo Cao Đài được khai sáng, Hội Thánh cử một phái đoàn gồm bốn Ngài: Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Giáo Sư Vương Quang Kỳ và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đến Minh Lý Đạo thỉnh sáu bài Kinh, trong đó có bài Kinh Cầu Siêu.

Kinh Cầu Siêu là bài Kinh tụng đọc cho các Chơn linh mới chết hay các tuần Cầu Siêu bạt tiến trong đạo Cao Đài để cầu xin Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thất Nương Diêu Trì Cung ân xá cho vong hồn người chết được siêu thăng thoát hóa.

Khi Cầu siêu, những người thân trong tang quyến (con cháu) và thân bằng quyến thuộc phải tập trung để thành tâm cầu nguyện cho linh hồn người chết được nhẹ nhàng.

Trong quyển “*Thiên Đạo*”, Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh có nói đến sự tác dụng của Kinh Cầu siêu như sau: “*Kinh Cầu Siêu rất linh nghiệm vì mỗi tiếng tụng lên vốn có sức rung động huyền diệu vô cùng. Sức rung động ấy, hiệp với sức tư tưởng mạnh mẽ và thành kính của người tụng kinh gây thành một mãnh lực phi thường đánh tan Chơn thần của âm nhơn, giúp cho họ mau giải thoát đau khổ và hình phạt Thiêng Liêng đặng đi đầu thai sớm được*”.

Thực hiện lễ Cầu siêu là nhằm cầu xin Ôn Trên cứu

giúp phần nào cho vong linh người chết được nhẹ nhàng, chứ không hẳn nhiên cầu là được siêu thoát, vì nó còn tùy thuộc vào nghiệp quả nặng nhẹ mà kiếp sanh người chết đã gây ra.

Nhưng sự siêu thoát của cha mẹ ông bà có thể trợ giúp được phần nào bằng việc làm của con cháu. Nếu con cháu biết lo tu hành, lập công bồi đức để có thừa âm chất mà đem hiến dâng cho cha mẹ ông bà thì những Chơn linh này có thể được nhẹ nhàng trở về ngôi xưa vị cũ. Trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu có câu:

*Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.*

III.- CHÚ GIẢI

*Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ,
A Di Đà Phật độ chúng dân,*

Vọng bái 望拜: Ngưỡng vọng mà cúi lạy.

Tây Phương Phật Tổ 西方佛祖: Đức Thích Ca Mâu Ni được gọi là Phật Tổ ở cõi Tây Phương là vì Ngài là một vị Tổ Sư và lại là người sáng lập ra Phật giáo ở phương tây nước Ấn Độ.

A Di Đà 阿彌陀: Một trong những vị Phật quan trọng trong Phật giáo Đại thừa. Ngài được thờ trong các ngôi chùa của phái Tịnh Độ Tông tại Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

A Di Đà là một vị Phật làm Giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngài biểu hiện cho từ bi và trí tuệ. Ngài có phát 48 lời nguyện rộng lớn là cứu độ tất cả chúng sanh, trong đó có lời nguyện sẽ tiếp dẫn vãng sanh về cõi Tịnh độ

chúng sanh nào hướng niệm đến Ngài.

Phật A Di Đà tức tự tánh Di Đà, tự tâm thanh tịnh sẵn có, bất sanh bất diệt, nên còn gọi là Vô Lượng Thọ Phật 無量壽佛, và tánh giác hằng sáng suốt, nên cũng còn gọi là Vô Lượng Quang Phật 無量光佛.

Trong các ngôi chùa thường thờ Ngài ngôi chính giữa, Bồ Tát Thế Chí đứng bên phải, và Bồ Tát Quán Âm đứng bên trái.

Độ chúng dân 度眾民: Tức là cứu giúp chúng sanh, cứu giúp nhơn sanh.

Câu 1: Đâu ngưỡng vọng cúi lạy Đức Phật Tổ ở cõi Tây Phương.

Câu 2: Cùng Phật A Di Đà nơi Cực Lạc xin cứu giúp cho chúng sanh.

Lúc sanh tiền, Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Văn Phật đã có lòng từ bi, thương xót chúng sanh mãi chìm sâu trong biển khổ, nên dù Ngài đang là một vị Thái Tử, quyền uy khắp nước, thế mà Ngài vẫn lìa bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con xinh để chịu khổ hạnh tìm phương cứu khổ chúng sanh. Nên khi Ngài thành Đạo dưới cội cây Bồ đề, Ngài bèn truyền pháp độ sanh hơn 45 năm trường đến lúc nhập Niết bàn mới thôi.

Còn Đức A Di Đà Phật lập ra cõi Cực Lạc Thế Giới là có ý mong muốn độ hết chúng sanh về cõi ấy, nên trong 48 lời nguyện rộng lớn của Ngài, có một câu đại nguyện là tiếp dẫn chúng sanh nào hướng niệm đến Ngài đều được vãng sanh về cõi Tịnh độ.

Do lòng Đại từ bi và Đại nguyện của hai Đấng Phật,

nên khi chúng sanh cần cầu cho các vong linh được về cõi Phật quốc, thì thường nguyện vái Đấng Tây Phương Phật Tổ và A Di Đà Phật.

*Quan Thế Âm lân mãn ân cần,
Vớt lê thú khổ trần đọa lạc,*

Quan Thế Âm 觀世音: Hay Quán Thế Âm là một vị Bồ Tát lắng nghe âm thanh của thế gian, có nghĩa là Ngài quán xét tiếng kêu đau khổ của chúng sanh thì Ngài đều đến cứu giúp hóa độ.

Trong Kinh Pháp Hoa có câu: Khổ não chúng sinh, nhất tâm xưng danh, Bồ Tát tức thì quan kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát. Dĩ thị danh Quan Thế Âm 苦惱眾生, 一心稱名, 菩薩即時觀其音聲, 皆得解脫, 以是名觀世音.

Nghĩa là chúng sanh bị khổ não mà nhất tâm niệm đến tên Bồ Tát, tức thì Ngài xem âm thanh của chúng sanh mà độ cho được giải thoát. Vì thế nên gọi Ngài là Quán Thế Âm. Người đời thường gọi tắt Ngài là Quan Âm.

Ngài còn có hiệu là Quán Tự Tại Bồ Tát, có nghĩa là quán chiếu thâm sâu, giác ngộ tự tại mà cứu độ chúng sinh.

Đức Quán thế Âm có phép thần thông quảng đại, thường hay biến hiện nhiều sắc tướng để cứu giúp chúng sanh, nên người đời thường thờ Ngài bằng nhiều tượng khác nhau.

- **Thiên thủ thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát** 千手千眼觀世音菩薩 tượng có nghìn tay nghìn mắt.

- **Chuẩn Đề Quan Âm** 準提觀音: Tượng có ba mắt và mười tám tay.

– **Nam Hải Viên Thông Giáo Chủ Đại Từ Đại Bi, Tâm Thanh Cứu Khổ, Linh Cảm Quan Âm Bồ Tát** 南海圓通教主大慈大悲尋聲救苦靈感觀世音菩薩: Danh hiệu này có nghĩa là Đức Quan Thế Âm làm Giáo Chủ Đạo Viên Thông ở miền Nam Hải, thường tìm tiếng kêu mà cứu khổ, rất cảm ứng và rất Thiêng liêng.

– **Quan Âm Nữ Phật** 觀音女佛: Tượng là một người phụ nữ, cho nên còn gọi là Phật Bà Quan Âm, do hai sự tích: Quan Âm Diệu Thiện và Quan Âm Thị Kính.

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Thế Âm là một tướng nữ, tượng trưng cho tình thương của một bà mẹ hiền, đứng trên hoa sen, tay cầm cành dương liễu để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước cam lồ để rưới tắt các phiền não. Trụ Xứ của Ngài là Nam Hải, nên còn được gọi Nam Hải Quan Âm hay Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai. Ngài được Đức Chí Tôn phong làm Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai để đại diện cho Phật trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Bát Nương có giảng cơ cho biết về Đức Quan Âm như sau: “*Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ Độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diệu Trì thì ở tại Tào Hóa Thiên*”.

Sau đây là bài Thánh thi của Đức Quan Âm Như Lai:

Khán đắc phù sinh nhứt thế không,

看得浮生一世空

Diễn viên sản nghiệp diệc giai không.

田園產業亦皆空

Thê nhi phụ tử chung ly biệt,

妻兒父子終離別

Phú quý công danh tổng thị không.

富貴功名總是空

Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,

古語萬般都是假

Kim ngôn bách kế nhất trường không.

今言百計一場空

Tiền tài thâu thập đa tân khổ,

錢財收拾多辛苦

Lộ thượng huỳnh tuyến lưỡng thủ không.

路上黃泉兩手空

(QUAN ẨM NHƯ LAI)

DỊCH NGHĨA

Được thấy phù sinh vốn cõi không,

Ruộng vườn sự nghiệp cũng đều không.

Vợ con cha mẹ rồi ly biệt,

Danh lợi sang giàu rốt cũng không.

Lời cổ: Muôn điều toàn giả tạm,

Câu nay: Trăm kế một trường không.

Tiền tài gom góp nhiều lao khổ,

Nẻo đến Suối Vàng, tay sạch không.

(THIÊN VẤN DỊCH)

Lân mẫn 憐愍: Thương xót và lo lắng giúp đỡ.

Ân cần 懇勤: Lo lắng săn sóc một cách chu đáo.

Vớt: Cứu vớt.

Lê thú 黎庶: Dân đen, chỉ dân chúng nghèo khổ.

Khổ trần: Hay trần khổ 塵苦: Những nỗi khổ nơi cõi trần.

Đọa lạc 墮落: Hay trụy lạc, sa vào một cảnh đê hèn khổ sở. Theo nghĩa Kinh là bị đày xuống cõi thấp kém, tối tăm khổ sở.

Câu 3: Cầu xin Đức Quán Thế Âm thương xót ân cần lo lắng.

Câu 4: Cứu vớt cho dân chúng đang bị đày đọa khổ sở nơi cõi trần này.

Chúng sanh bị khổ nghiệp vây khốn nơi cõi thế gian giả tạm, nên Chư Phật Tiên và Bồ Tát xuất hiện trên cõi đời này với hạnh nguyện đại từ, đại bi, ban vui cứu khổ cho mọi loài. Trong đó, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát được các Kinh ca tụng có hạnh nguyện độc đáo nhất. Ngài đã chứng ngộ bằng âm thanh qua nhĩ căn viên thông, và lấy âm thanh làm tiêu đích trong việc cứu khổ cứu nạn cho tất cả chúng sanh. Với danh hiệu Đại từ đại bi tâm thình cứu khổ, cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát, đã nói lên được đầy đủ ý nghĩa hạnh nguyện đó. Vì thế, những nỗi khổ đau, tai nạn của kiếp người, cùng tiếng kêu gào van xin, cầu cứu của chúng sanh trong bể khổ đã làm cho nguyện lực độ sanh của Quán Thế Âm Bồ Tát phát sinh. Nên Ngài đã dùng nhĩ căn viên thông, thường xuyên quan sát và nghe tiếng cầu cứu của chúng sanh, tùy theo căn cơ mà Ngài hóa độ và cứu vớt.

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Bồ từ bi tế bạt vong hồn,

Đại thánh 大聖: Vị Thánh lớn.

Địa Tạng Vương Bồ Tát 地藏王菩薩: Tên một vị Bồ Tát có lời đại nguyện cứu thoát chúng sanh ra khỏi cảnh giới Địa ngục khổ sở.

Phật hiệu này mang ý nghĩa như sau: Địa 地 là đất, là nơi nương tựa của muôn loài, nhờ đất mà vạn vật nảy nở, do đất mà phát sinh muôn loài. Tạng 藏 là kho báu chất chứa trong lòng đất. Tâm được ví như đất, nên Bồ Tát Địa Tạng tượng trưng cho chân tâm. Chúng sanh phải nương vào chân tâm mới an vui giải thoát.

Ngài có lập thệ: Nếu địa ngục chưa hết, thế không thành Phật, chúng sanh độ hết, mới chúng bồ đề. Cho nên gọi Ngài là U Minh Giáo chủ Địa Tạng Vương Bồ Tát: Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật, chúng sanh tận độ, phương chúng bồ đề 地獄未空, 誓不成佛, 眾生盡度, 方證菩提.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn ân xá cho chúng sanh, đóng cửa Địa ngục, Phong đô mà mở ra một quan ải cho các Chơn hồn giải thân định trí, nói rõ hơn, đó là nơi của các hồn đến đó đặng định tâm xét mình, coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội, nơi đó được gọi là Âm Quang, do Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nam tội hồn, còn Thất Nương Diêu Trì Cung thì lãnh phần giáo hóa các nữ tội hồn.

Bồ từ bi 布慈悲: Ban rải lòng thương yêu chúng sanh.

Tế bạt 濟拔: Cứu giúp để cất nhắc lên.

Chú thích: Từ bạt có nhiều chữ đồng âm, nhưng

phù hợp với ý câu kinh chỉ là chữ 拔 (bạt): Chọn để cất nhắc lên. Như đề bạt 提拔. Chữ bạt tiến hoặc tiến bạt 薦拔, chính là từ bạt này.

Vong hồn 亡魂: Hồn người chết.

Câu 5: Cầu xin Đấng Đại Thánh là Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Câu 6: Ban rải lòng từ bi mà cứu giúp để cất nhắc các vong hồn cho được siêu thoát.

Cứu khổ nạn Thái Ất Thiên Tôn.

Miền Âm cảnh ngục môn khai giải,

Cứu khổ nạn: Tức là cứu khổ nạn 救苦難: Cứu giúp thoát khỏi những tai nạn và khổ sở.

Thái Ất Thiên Tôn 太乙天尊: Một vị đại Tiên, thầy của Tam Thái Bảo Na Tra, có nhiệm vụ chưởng quản bộ số ở cõi Phong Đô.

Miền Âm cảnh: Cõi Âm phủ, cõi A tỳ, cõi Địa ngục...

Ngục môn khai giải 獄門開解: Mở bỏ cửa Địa ngục.

Câu 7: Cầu xin Thái Ất Thiên Tôn cứu giúp thoát khỏi cảnh khổ sở.

Câu 8: Xin mở bỏ những cửa ngục nơi miền Âm phủ.

Ông Đông Nhạc Đế Quân quảng đại.

Độ kẻ lành chế cái tai ương.

Đông Nhạc Đế Quân 東嶽帝君: Là một vị Thiên Thần, trấn ở Đông Nhạc thuộc núi Thái Sơn, có nhiệm vụ cai quản, sửa trị tất cả các hồn u uất tán loạn, cùng việc thăng giáng của quỷ thần bất kỳ ở Dương gian hay Âm phủ.

Ngũ nhạc 五嶽 là năm ngọn núi cao làm tiêu biểu cho 5 hướng bên nước Trung Hoa. Đó là:

- Đông nhạc Thái sơn 東嶽泰山.
- Tây nhạc Hoa sơn 西嶽華山.
- Nam nhạc Hành sơn 南嶽衡山.
- Bắc nhạc Hằng sơn 北嶽恆山.
- Trung nhạc Tung sơn 中嶽嵩山.

Trên năm ngọn núi này, tương truyền có năm vị Đế Quân trấn giữ, trong đó Đông Nhạc Đế Quân làm đầu thần Ngũ nhạc.

Quảng đại 廣大: Rộng lớn, chỉ lòng dạ rộng rãi bao la.

Chế cải 制改: Sửa đổi lại.

Tai ương 災殃: Cái tai họa có hại lớn.

Câu 9: Mong nhờ ơn rộng rãi bao la của Đức Đông Nhạc Đế Quân.

Câu 10: Cầu giúp cho kẻ làm lành và sửa đổi bớt những tai ương hoạn nạn.

Chốn Dạ đài Thập Điện Từ Vương,

Thấy hình khổ lòng thương thăm thiết.

Dạ đài 夜臺: Chỉ lầu đài, cung điện ở Âm phủ, đồng nghĩa với Diêm đài, hay Diêm cung, Âm cung.

Thập Điện Từ Vương 十殿慈王: Mười vị vua có lòng nhưn từ, đang cai quản mười điện ở cõi Âm phủ. Mười vị vua đó thường được gọi là Thập Điện Diêm Vương 十殿閻王 hay Thập Điện Minh Vương

Theo kinh sách, mười vị Diêm Vương cai quản mười điện ở Âm phủ được kể như sau:

Nhứt Điện 一殿: Tần Quảng Vương 秦廣王.

Nhị Điện 二殿: Sở Giang Vương 楚江王.

Tam Điện 三殿: Tống Đế Vương 宋帝王.

Tứ Điện 四殿: Ngũ Quan Vương 五關王.

Ngũ Điện 五殿: Diêm La Vương 閻羅王.

Lục Điện 六殿: Biện Thành Vương 卞城王.

Thất Điện 七殿: Thái Sơn Vương 泰山王.

Bát Điện 八殿: Bình Đẳng Vương 平等王.

Cửu Điện 九殿: Đô Thị Vương 都示王.

Thập Điện 十殿: Chuyển Luân Vương 轉輪王.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn Đại Ân Xá, đóng Địa ngục, mở Tầng Thiên, nên Thập Điện Diêm Vương hay Thập Điện Minh Vương được chúng sanh gọi là Thập Điện Từ Vương Chưởng quản cõi Âm Quang.

Hình khổ: Hay Khổ hình 苦刑: Hình phạt chịu nhiều khổ sở.

Thảm thiết 慘切: Đau đớn như cắt.

Câu 11: Cầu xin Thập Điện Diêm Vương nơn từ ở cõi Âm phủ.

Câu 12: Thấy các tội hồn thọ khổ hình mà đem lòng thương thảm thiết.

Giảm hình phạt bớt đường ly tiết. (1)
Xá linh quang tiêu diệt tiền khiên,

Giảm 減: Bớt, trừ bớt.

Hình phạt: Hay phạt hình 罰 刑: Hình phạt để trừng trị kẻ có tội.

Bớt đường: Giảm bớt việc.

Luy tiết 縲 紲: Dây trói buộc tù phạm, trăn trói, giam cầm.

Ông Hoàn Phạm 桓 桓 có nói: Xe hiên, mào miện thì để kính trọng người quân tử, còn như trăn trói thì để hành phạt kẻ tiểu nhân (*Hiên miện dĩ trọng quân tử, luy tiết dĩ phạt tiểu nhân* 軒冕以重君子, 縲洩以罰小人).

Xá 赦: Tha cho.

Linh quang 靈 光: Điểm Linh quang, tức là linh hồn.

Thượng Đế là một khối Đại Linh quang trong Càn khôn Vũ trụ. Ngài mới chiết từng Tiểu Linh quang ban cho mỗi con người làm linh hồn.

Tiêu diệt 消 滅: Trừ mất hẳn đi.

Tiền khiên 前 愆: Những tội lỗi đã gây ra trong kiếp trước.

Câu 13: *Xin giảm những hình phạt và bớt cho việc giam cầm, trăn trói.*

Câu 14: *Cầu xin tha thứ cho các linh hồn và trừ dứt hết các tội lỗi đã gây ra trong kiếp trước.*

Đặng nhẹ nhàng thẳng đến cung Tiên.

Nơi phước địa ở yên tu luyện,

Đặng nhẹ nhàng: Tức là Chơn linh không còn

trọng trước nữa.

Cung Tiên: Hay Tiên cung 仙宮: Cung Trời, chỉ cõi Tiên hay cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Phước địa 福地: Đất phước, nơi nhiều phước lành.

Tu luyện 修鍊: Tu sửa và rèn luyện.

Thường tu thì phải hành, ở đây tu cũng phải luyện, tức là sửa đổi những tính xấu xa, hung dữ rồi phải trau dồi rèn luyện để trở nên người hiền lương đạo đức.

Tu luyện còn là một phép của phái Đạo gia, đó là tu tâm dưỡng tánh và còn luyện thần khí nữa.

Câu 15: *Linh hồn đặng nhẹ nhàng mà lên thẳng đến cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

Câu 16: *Còn nếu ở lại thì hãy yên nơi cõi phước mà lo bề tu luyện.*

**Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện,
Hộ thương sanh u hiển khương ninh.**

Chứng lòng: Chứng chiếu cho tấm lòng.

Sở nguyện 所願: Điều mà mình cầu nguyện, điều mà mình mong mỏi trong lòng.

Hộ 護: Gìn giữ, che chở.

Thương sanh 蒼生: Dân đen, chỉ chung nhơn dân hay nhơn sanh.

Có nhiều người hiểu chữ “*thương sanh*” theo nghĩa từ Nôm là thương yêu sanh chúng.

U hiển 幽顯: Tối và rõ, Âm phủ và Dương gian.

Khương ninh 康寧: An ổn mạnh khoẻ.

Câu 17: Cầu xin các Đấng Trời Phật chứng cho điều cầu nguyện.

Câu 18: Xin gìn giữ che chở cho con người ở cõi Âm phủ và Dương gian được an ổn mạnh khỏe.

¹⁴ Hầu hết những quyển Kinh: “*Kinh Lễ*” hay Kinh “*Thiên Đạo và Thế Đạo*” của Hội Thánh in bằng chữ Quốc ngữ, từ trước đến nay đều viết “*Ly tiết*”. Đây có thể là trường hợp đọc âm của từ Hán sai. Thực ra, phải viết là **Luy tiết** 纒緹 mới đúng (Phát âm theo Hán Việt Tự Điển, Thiều Chửu và Hán Việt Từ Điển, Đào Duy Anh).

CHƯƠNG THỨ BẢY

KINH ĐƯA LINH CỬU

I.- KINH VĂN

KINH ĐƯA LINH CỬU

*Cầu các Trấn Thần linh trợ linh,
Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.*

*Nam Mô Địa Tạng thi ân,
Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong đò.*

*Nam Mô Tam Trấn Hư Vô,
Oai nghiêm độ rỗi Cao Đồ qui nguyên.*

*Nam Mô Tam Giáo diệu huyền,
Tuyệt luân Bát Nhã đưa thuyền độ vong.*

*Nam Mô Bạch Ngọc công đồng,
Thần, Tiên, Thánh, Phật mở vòng trái oan.*

*Nam Mô Thượng Đế Ngọc Hoàng,
Mở cơ tận độ nhẹ nhàng chơn linh.*

*Cửa Cực Lạc thình thình rộng mở,
Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.*

*Toà sen báu vật xin đưa,
Chơn linh an ngự cho vừa quả duyên.*

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

II.- NGUỒN GỐC

Bài Kinh đưa Linh cửu do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ

Phổ Độ.

Linh cữu 靈柩 hay quan tài 棺材 đều là chỉ cái áo quan dùng để liệm thi hài người đã chết.

Trước khi đưa Linh Cữu, phải làm lễ cúng Thầy, rồi Cáo Từ Tổ, sau đó Đạo Tỳ nhập bái quan. Hễ phát hành thì đồng nhi tụng Bài Kinh Đưa Linh Cữu ra tới huyết mộ.

Bài Kinh Đưa Linh Cữu có nội dung nhằm cầu nguyện các Đấng Thiêng Liêng giữ cho Chơn hồn xa lánh xác trần, tránh néo Phong Đô mà thẳng đường về Thiên cảnh.

III.- CHÚ GIẢI

*Cầu các Trấn Thần linh trợ lực,
Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.*

Trấn 鎮: Giữ gìn một địa phương, hay trấn giữ một địa phương.

Thần linh 神靈: Các vị Thần Linh thiêng.

Trợ lực 助令: Giúp đỡ thi hành các mệnh lệnh.

Chơn hồn 真魂: Hay Chơn linh 真靈 đều dùng để chỉ linh hồn của người đã chết.

Xa lánh: Tránh đi chỗ khác cho xa.

Xác trần: Thân xác con người ở cõi phàm trần.

Câu 1: Cầu xin các vị Thần linh trấn giữ nơi đây trợ lực giúp cho Chơn linh.

Câu 2: Và gìn giữ cho Chơn linh người đã chết xa lánh khỏi xác thân ở trần gian.

Con người không tu hành thì chỉ chú trọng vật

chất, danh lợi, vợ con...Nên khi vừa mới thoát xác, thì Chơn thân thường hay buồn đau khổ sở, tham tiếc cuộc sống, quyến luyến danh lợi, vợ con...bởi vì Chơn thân là tạng chứa tình cảm. Cho nên người chết cần được tụng Kinh để nhắc nhở và cầu xin xa lánh xác phàm mà tìm về Thiên cảnh.

Nam Mô Địa Tạng thi ân,

Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong đô.

Nam Mô 南無: Do từ Phạn Namah phiên âm ra, có sáu ý nghĩa:

- Qui y: Trở về nương tựa Phật và Bồ Tát.
- Qui mạng: Qui thân mạng của mình.
- Cung kính: Hết lòng chí thành cung kính.
- Cứu ngã: Mong được cứu độ.
- Đánh lễ: Lòng thành kính.
- Độ ngã: Mong tu được qua bờ giác ngộ.

Địa Tạng 地藏: Tức Địa Tạng Vương Bồ Tát (Xem chú thích trong bài Kinh Cầu Siêu).

Thi ân 施恩: Làm ơn giúp người.

Thiên cảnh 天境: Cõi Trời, hay cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Lánh gần: Phải xa lánh, dừng lại gần.

Phong đô 豐都: Tức là Địa ngục, Âm ty, nơi giam cầm và trừng trị các tội hồn gây nhiều ác nghiệp lúc còn sống nơi thế gian.

Câu 3: Nam Mô cầu xin Địa Tạng Vương Bồ Tát ban

ơn cho Chơn linh người vừa chết.

Câu 4: Để linh hồn được trở về Thiên cảnh, mà lánh xa cõi Phong độ.

**Nam Mô Tam Trấn Hư Vô,
Oai Nghiêm độ rỗi Cao Đồ qui nguyên.**

Tam Trấn 三鎮: Là ba vị Thiêng liêng, thay mặt cho Tam vị Giáo chủ cầm quyền Tam giáo trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm.

Nhất Trấn Oai Nghiêm: Lý Đại Tiên Trưởng (Lý Thái Bạch), kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cầm quyền Tiên giáo.

Nhị Trấn Oai Nghiêm: Quan Thế Âm Bồ Tát, cầm quyền Phật giáo.

Tam Trấn Oai Nghiêm: Quan Thánh Đế Quân, cầm quyền Nho giáo.

Hư vô 虛無: Một cõi giới trống không vắng lặng, bao quát vô cùng tận, thường còn và không biến đổi. Cõi không thực thể, nhưng là điều kiện căn bản sinh ra mọi pháp.

Oai nghiêm: Hay uy nghiêm 威嚴: Dáng vẻ trang nghiêm, làm cho người ta kính sợ.

Độ rỗi: Cứu giúp con người hoặc vong hồn thoát khỏi những sự ràng buộc, tội lỗi để thân tâm được nhẹ nhàng hoặc Chơn linh được siêu thoát.

Cao đồ 高徒: Môn đồ của Đấng Cao Đài, tức là những người học trò của đấng Cao Đài Ngọc Đế. Những người được nhập môn vào đạo Cao Đài và từng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ đều là môn đồ của Đức Chí Tôn.

Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một Tôn giáo phát sinh do cơ bút huyền diệu của Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền mở đạo tại miền Nam nước Việt, từ đầu thế kỷ hai mươi. Trung ương là một Hội Thánh nắm giáo quyền chặt chẽ trên khắp đất nước. Đó là thể pháp của đạo Cao Đài có nhiệm vụ tận độ chúng sanh trong thời hạ nguơn mặt Pháp này.

Sở dĩ Đạo Cao Đài phải lập ra hình tượng là bởi Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy Đức Hộ Pháp như sau: *“Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở bí pháp trước hay con mở thế pháp trước?”*.

Đức Hộ Pháp trả lời: *“Xin mở bí pháp trước”*.

Chí Tôn dạy: *“Nếu con mở bí pháp trước thì phải khở đả. Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở bí pháp trước cả sự bí mật huyền vi của Đạo, đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào. Vì thế nên mở thế pháp trước, dẫu cho đời quá dữ có tranh giành phá hoại cơ thể hữu vi đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn mặc bí pháp còn là Đạo còn. Bí pháp là Hiệp Thiên Đài giữ...”*.

Và trong đàn cơ ngày 24.4.1926, Chí Tôn dạy tiếp: *“Thầy nhứt định đến chính mình Thấy mà độ rồi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa, nhưng mà buộc phải lập chánh thể có lớn nhỏ đặng dễ thế cho các con dều dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo”*.

Vì thế Tôn giáo Cao Đài mới có mặt như hình thể hôm nay.

Qui nguyên 歸元: Trở về với ban đầu, hay trở về với gốc. Ban đầu hay gốc của con người là khí Thái cực của Ngọc Hoàng Thượng Đế chiết ra ban cho con người

để làm linh hồn, gọi là Tiểu linh quang. Qui nguyên hay qui hồi cựu vị tức là trở về ngôi vị cũ của mình là khối Đại linh quang (Đại hồn) của Chí Tôn.

Câu 5: Nam Mô xin cầu với các Đấng Tam Trấn Oai Nghiêm nơi cõi hư vô mẫu nhiệm.

Câu 6: Dùng oai linh để độ rỗi những Chơn linh của môn đồ Cao Đài (Tín đồ) được trở về với Đức Chí Tôn.

*Nam Mô Tam Giáo diệu huyền,
Tuyệt luân Bát Nhã đưa thuyền độ vong.*

Tam Giáo 三教: Ba nền Tôn Giáo lớn là Phật Tiên Thánh:

Giáo chủ đạo Phật là Thích Ca Mâu Ni Văn Phật ở Ấn Độ.

Giáo chủ đạo Tiên là Thái Thượng Đạo Tổ ở Trung Hoa.

Giáo chủ đạo Thánh là Khổng Thánh Tiên sư cũng ở Trung Hoa.

Diệu huyền 妙玄: Hay huyền diệu, nghĩa là sâu kín khéo léo, mà phàm trí không thể nghĩ bàn được.

Tuyệt luân 絕輪: Dứt tuyệt luân hồi sinh tử.

Bát nhã 般若: Hán dịch âm từ Prajna, nghĩa là trí tuệ hay trí huệ.

Trí tuệ ở đây không phải do trí thức suy luận ra có, mà là thứ trực giác trực tiếp thấy được tánh không, chân tánh của mọi sự vật. Đạt được trí tuệ Bát nhã được xem như là giác ngộ.

Bát nhã thuyền 般若船: Chiếc thuyền trí tuệ.

Trí tuệ phá được vô minh, nên được ví như một con thuyền Bát nhã đưa con người qua khỏi Bến mê luân hồi để đến bên kia bờ giác ngộ.

Câu 7: Nam Mô xin cầu nguyện với các Đấng Giáo chủ Tam Giáo Thiêng liêng huyền diệu.

Câu 8: Xin được đem thuyền Bát Nhã đến cứu giúp các vong hồn để được dứt hết sự luân hồi sinh tử.

Con người ở thế gian vì vô minh mà phải chịu chìm đắm trong luân hồi sinh tử. Muốn phá vô minh thì phải dùng trí tuệ. Vì vậy, người tu hành phải biết đem trí tuệ dùng làm con thuyền, gọi là thuyền Bát Nhã để cứu vớt con người hoặc vong linh chơi vơi nơi biển khổ, hầu đưa qua bên kia bờ giác ngộ.

Nam Mô Bạch Ngọc công đồng,

Thần, Tiên, Thánh, Phật mở vòng trái oan.

Bạch Ngọc 白玉: Tức là Bạch Ngọc Kinh 白玉京, tòa lâu đài bằng ngọc trắng, nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Bạch Ngọc Công Đồng 白玉公同: Đây là một phiên Đại Hội gồm chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại Ngọc Hư Cung, Linh Tiêu Điện, tòa Bạch Ngọc Kinh nơi cõi Thiêng Liêng.

Mở vòng: Tháo mở vòng.

Trái oan: Hay oan trái 冤債: Nợ oan khiên.

Kiếp trước mình gây ra những điều ác cho người, khiến người thù hận mình, kiếp này phải đền trả, đó gọi là oan trái, tức là món nợ oan nghiệt do mình tạo ra.

Câu 9: *Nam Mô các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Đại hội Công đồng nơi tòa Bạch Ngọc Kinh.*

Câu 10: *Hãy cởi bỏ hết các mối dây ràng buộc của vòng oan khiên nghiệp quả.*

**Nam Mô Thượng Đế Ngọc Hoàng,
Mở cơ tận độ nhẹ nhàng chơn linh.**

Tận độ 盡度: Cứu giúp để độ hết chúng sanh.

Câu 11: *Nam Mô cầu xin Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.*

Câu 12: *Xin mở ra cơ tận độ để cứu giúp hết các linh hồn được nhẹ nhàng siêu thoát.*

**Cửa Cực Lạc thình thình rộng mở,
Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.**

Cửa Cực Lạc: Cửa dẫn vào cõi Cực Lạc Thế Giới của Phật A Di Đà nơi Tây Phương.

Thình thình: Thênh thang rộng rãi.

Rước vong hồn: Tiếp rước các vong hồn.

Lui trở: Lui trở lại.

Ngôi xưa: Ngôi vị cũ, hay ngôi xưa vị cũ, nơi ban đầu các Chơn linh an ngự, tức là cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 13: *Cửa Cực Lạc Thế Giới của Đức A Di Đà Phật lúc nào cũng thênh thang mở rộng.*

Câu 14: *Tiếp rước các vong hồn lui trở về ngôi xưa vị cũ, tức cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

**Toà sen báu vật xin đưa,
Chơn linh an ngự cho vừa quả duyên.**

Tòa sen: Nơi Phật ngự, hay còn chỉ ngôi vị Phật.

Báu vật: Do Bảo vật (bửu vật) 寶物: Vật quý báu.

An ngự 安御: Ngự vào một cách yên ổn.

Cho vừa: Cho thích hợp, tương xứng.

Quả duyên 果緣: Cái kết quả có được là do sự hỗ trợ của duyên, ví như muốn có hạt lúa (quả) thì phải có nhiều yếu tố như đất, nước, gió, lửa, ánh sáng mặt trời, cày bừa...để hỗ trợ, đó gọi là duyên. Còn người tu hành muốn đạt được quả vị, thì phải nhờ công đức hành đạo để tạo duyên.

Câu 15: *Ngôi vị của Chơn linh được an ngự trên tòa sen quý báu.*

Câu 16: *Đó là cái kết quả tương xứng với công đức tu hành.*

CHƯƠNG THỨ TÁM

KINH HẠ HUYỆT

I.- KINH VĂN

KINH HẠ HUYỆT

*Thức giấc mộng huyền lương vừa mãn,
Tiếng phôn ba hết thoáng bên tai.
Giải thi lánh chốn đọa đày,
Chơn linh trong sạch ra ngoài Càn khôn.
Phép giải oan độ hôn khỏi tội,
Phước tiêu điều nắm mỗi trường sanh.
On nhờ hồng phước Chí Linh,
Lôi Âm tự tại, Bồng Dinh hưởng nhàn.
Nhờ Hậu Thổ xương tàn gìn giữ,
Nghĩa Chí Tôn tha thứ tiên khiên,
Đưa tay vịn phép diệu huyền,
Ngọc Hư lập vị Cửu tuyền lánh chơn.
Ngó Cực Lạc theo hườn Xá Lợi,
Cửu Trùng Thiên mở lối qui nguyên,
Rõ ràng Phật cốt Tiên duyên,
Nước Cam Lô rửa sạch thuyên độ nhân.
THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI*

II.- NGUỒN GỐC Ý NGHĨA

Bài Kinh Hạ Huyệt do Đức Quan Âm Bồ Tát giảng
cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Trước khi Hạ huyệt, tang gia hiếu quyến làm lễ cúng Hậu Thổ và cúng lạy Chơn linh (Linh vị), quan tài người chết lần chót, rồi đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệt ba hiệp, rồi sau đó tiếp tụng ba biến Vãng Sanh Thân Chú.

Bài Kinh Hạ Huyệt có nội dung nhằm cho biết cuộc sống của con người như là một giấc mộng Huỳnh lương. Khi chết tức là được xa lánh nơi đọa đày, để Chơn linh trong sạch ra khỏi Càn Khôn. Phướn Tiêu Diêu sẽ dẫn dắt Chơn hồn vào cõi Lôi Âm và Non Bồng để hưởng cảnh an nhàn và tự tại.

III.- CHÚ GIẢI

*Thức giấc mộng huỳnh lương vừa mãn,
Tiếng phồn ba hết thoáng bên tai.*

Thức giấc: Thức tỉnh một giấc ngủ.

Huỳnh lương 黃糧: Hột kê vàng, một loại ngũ cốc, giống như bắp dùng để nấu ăn.

Mộng huỳnh lương: Hay huỳnh lương mộng 黃糧夢: Một giấc chiêm bao thấy cả cuộc đời danh lợi, vợ con, tiền tài, sự nghiệp đã dứt mà nấu nồi kê vàng chưa chín.

Do điển tích như sau: Lữ sinh đời nhà Đường đến quán trọ, nằm đợi chủ nhà nấu kê vàng (Hoàng lương) nên ngủ quên, nằm mộng thấy mình lấy vợ, đẻ con, sinh cháu, giàu sang tột bực. Phút chốc tỉnh dậy, thấy mất tất cả mà trong lúc ấy người chủ nấu nồi kê vàng vẫn chưa chín. Do vậy, điển tích này dùng để chỉ đời người ngắn ngủi như giấc chiêm bao.

Mãn 滿: Dứt, chấm dứt.

Vừa mãn: Vừa chấm dứt.

Ba 葩: Hoa, tinh hoa.

Phồn ba 繁葩: Như chữ phồn hoa 繁華: Chỉ nơi xa hoa, náo nhiệt. Chốn phồn hoa là nơi đô hội, dân cư đông đúc, tấp nập ngựa xe, đời sống xa hoa phù phiếm.

Thoáng: Âm thanh thoáng qua bên tai.

Câu 1: *Khi tỉnh thức, con người mới thấy rằng cuộc đời như một giấc mộng Huỳnh lương.*

Câu 2: *Âm thanh nơi trường náo nhiệt của cuộc đời không còn thoáng qua bên tai nữa.*

Từ xưa biết bao văn nhân thi sĩ, các triết gia, các nhà tôn giáo đều cho cuộc đời là một giấc mộng, cuộc sống trăm năm của con người không mấy chốc, là một kiếp phù sinh.

Cao Bá Quát, một thi gia nhà Nguyễn đã than:

Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,

Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười.

Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, trong tác phẩm “*Cung Oán Ngâm Khúc*” viết:

Nghĩ thân phù thế mà đau,

Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê.

Hoặc ví thân phận con người nhỏ bé như bèo ảnh, dễ tiêu tan trước sóng gió của biển đời:

Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,

Chiếc thuyền bèo ảnh ló xô gặp ghềnh.

Theo Ông mỗi phú quý, bả vinh làm lóa mắt người trần thế, khiến họ quay cuồng đeo đuổi cái mộng đẹp mà rốt cuộc chỉ là hư vô:

*Giấc Nam kha khéo bắt bình,
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.*

Lý Bạch, một thi Tiên của nhà Đường, cũng là Lý Đại Tiên Trưởng Kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã coi đời như một giấc mộng:

Xử thế nhược đại mộng.
處世若大夢
Hồ vi lao kỳ sinh?
胡為勞其生

Nghĩa là:

*Ở đời tựa giấc chiêm bao,
Làm chi mà phải lao đao nhọc mình?*

Riêng Thánh giáo Đức Chí Tôn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có dạy rằng:...“*bóng thiếu quang nhật thúc, con đường hy vọng chẳng biết đâu là tận cùng mà bước đời xem đà mòn mỏi, sự thác vô tình sẽ đến mà vẽ cuộc sanh ly pha màu tử biệt, làm cho sự vui vẻ giàu sang danh vọng đều thành một **giấc huỳnh lương**, rồi đây vĩnh biệt ngàn năm, tội tình muôn kiếp*”.

Con người vừa dứt ba tắc hơi nằm xuống thì mọi âm thanh đều dứt hết bên tai, mọi hoạt động, mọi việc đều buông bỏ:

Tam thốn khí tại thiên ban dụng,
三寸氣在千般用
Nhứt đán vô thường vạn sự hưu.
一旦無常萬事休

Nghĩa là: Ba tắc hơi còn thì ngàn việc dùng (tức là

có thể làm tất cả mọi việc).

Một buổi sáng vô thường (chết) muôn việc đều buông xuôi.

*Giải thi lánh chốn đọa đày,
Chơn linh trong sạch ra ngoài Càn khôn.*

Giải thi 解尸: Cởi bỏ thi thể, hình hài, tức là đã chết.

Lánh: Xa lánh khỏi.

Chốn đọa đày: Nơi bị đày đọa khổ sở. Chỉ cõi trần gian.

Chơn linh trong sạch: Chơn linh là điểm linh quang của Chí Tôn ban cho, tự nó đã là trong sạch nhẹ nhàng rồi.

Sở dĩ Chơn linh không trong sạch là bởi vì con người đã trải qua biết bao nhiêu kiếp luân hồi sinh tử, gây ra biết bao nhiêu oan nghiệt, mà tạo nên nghiệp quả khiến cho Chơn thần phải chịu nặng nề ô trược. Khi Chơn thần bị trọng trược thì sẽ níu kéo Chơn linh, làm cho Chơn linh cũng nặng nề ô trược.

*Dòng khổ hải hằng chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm chơn linh.
Dây oan xe chặt buộc mình,
Nhớp nhơ lục đục thất tình nhiễm thân.*

(KINH GIẢI OAN)

Để Chơn linh được trong sạch nhẹ nhàng, con người phải dẹp bỏ thất tình lục dục, và tu dưỡng một thân thể tinh khiết bằng cách giữ gìn trai giới, có tư tưởng thanh cao, phát huy bản thể trọn lành của Thượng Đế và thường xuyên lễ bái để tâm hồn mình được thông công, giao cảm

với Trời, mà nâng bước tiến tâm linh ngày thêm Thánh thiện.

Ra ngoài Càn khôn: Ra khỏi ngoài cõi trần gian để đi vào Càn khôn Vũ trụ.

Câu 3: Khi rời bỏ thể xác, Chơn thần và Chơn linh mới thực sự từ bỏ được cõi đọa đày của thế gian.

Câu 4: Chơn thần và Chơn linh trong sạch nên mới được nhẹ nhàng vượt ra ngoài Càn khôn Vũ trụ.

Phép giải oan độ hồn khỏi tội,

Phước tiêu điều năm mối trường sanh.

Phép giải oan: Là một Bí pháp giải oan nghiệt của Đạo Cao Đài.

Con người vì luân hồi sinh tử nên mới tạo ra nhiều oan khiên nghiệt chướng, do đó quả nghiệp chướng chất lên khiến người tu hành phải đền trả mãi, khó giải thoát. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn mở nền Đại Đạo, đại khai ân xá cho vạn linh, đóng địa ngục mở thiên đường để tận độ chúng sanh, và đặc biệt ban cho bí tích giải oan, tẩy thánh, làm phép xác...hầu như sanh dứt được oan gia nghiệt chướng để bề tu hành đắc quả.

Độ hồn 度魂: Độ rời linh hồn.

Phước Tiêu điều: Còn gọi là phước Truy hồn, một bửu pháp của Lục Nương Diêu Trì Cung.

Năm mối: Giữ cái mối.

Trường sanh 長生: Sống mãi, hay hằng sống

Câu 5: Phép giải oan nhằm giúp cho linh hồn rời bỏ được những oan nghiệt đã gây ra từ trước cho linh hồn trong

sạch nhẹ nhàng.

Câu 6: *Phuơn Tiêu diêu năm giữ mỗi trường sanh, tức là các Chơn linh nhờ Phuơn Tiêu diêu của Lục Nương Diêu Trì Cung đưa về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

Theo bí pháp Đạo Cao Đài, một tín đồ sau khi qui liễu, Chơn hồn sẽ được các vị Tiên Nương trong Diêu Trì Cung dìu dẫn vào Cửu Trùng Thiên, trong đó có Lục Nương cầm phuơn Tiêu Diêu đưa Chơn hồn vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, tức là Chơn hồn sẽ được trường sanh (sống mãi) nơi cõi vô vi.

Ơn nhờ hồng phước Chí Linh,

Lôi Âm tự toại, Bồng Dinh hưởng nhàn.

Hồng phước 洪福: Những điều phước đức to lớn.

Chí Linh 至靈: Tức Chí Tôn.

Lôi Âm 雷音: Tức Lôi Âm Tự 雷音寺: Là chùa Lôi Âm, một ngôi chùa của Đức Phật A Di Đà nơi cõi Cực Lạc Thế Giới.

Tự toại 自遂: Tự mình thỏa thích, không bị ràng buộc nên lòng ung dung thơ thới.

Bồng Dinh 蓬瀛: Hay Bồng Doanh là một nơi Tiên ở. Đó là hai hòn đảo nằm trên biển Bột Hải: Bồng Lai và Doanh Châu. Trên đảo Bồng Lai (Bồng Đảo) có một ngọn núi gọi là Bồng Sơn.

Câu 7 và 8: *Nhờ hồng phước của Đức Chí Tôn, nên Chơn linh được thung dung tự tại nơi cõi Bồng Dinh (tức cõi Tiên), và thánh thơi nhàn nhã ở chùa Lôi Âm (tức cõi Phật)*

Chúng sanh được may duyên sinh vào thời Tam Kỳ Phổ Độ là một phước lành to lớn mà Đức Chí Tôn

đã ban cho, “*nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng*”. Lại nữa, pháp môn tu trong thời kỳ này chỉ trau dồi chữ Tâm và lo cho chúng sanh trong trường thi công quả, như lời Thái Thượng Đạo Tổ đã giảng cơ dạy: “*Ngày chung qui chỉ đem về Thầy một chữ Tâm và những công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng*”.

Nếu Chơn linh nào thực hiện đúng lời dạy trên thì sẽ được tiêu diêu nơi cõi Tiên, hoặc thanh nhàn trong nước Phật.

Nhờ Hậu Thổ xương tàn gìn giữ,

Nghĩa Chí Tôn tha thứ tiên khiên,

Hậu thổ 后土: Là vị Thần cai quản đất đai một vùng lớn. Thổ địa là vị Thần cai quản một khu vực nhỏ.

Xương tàn: Xương cốt tàn lụi.

Nghĩa Chí Tôn: Ôn nghĩa của Đức Chí Tôn.

Tha thứ tiên khiên: Tha cho những tội lỗi đã gây ra từ các kiếp trước.

Câu 9: *Xin cho gửi lại đây năm xương tàn của người qui liễu, nhờ Hậu thổ gìn giữ dùm.*

Câu 10: *Xin Chí Tôn ra ơn tha thứ cho các tội lỗi đã gây ra từ trước.*

Đưa tay vịn phép diêu huyền,

Ngọc Hư lập vị Cửu tuyến lánh chơn.

Phép diêu huyền: Những phép thiêng liêng huyền diệu mà Đức Chí Tôn ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ được hưởng, đó là những pháp và bí tích của đạo Cao Đài.

Ngọc Hư 玉虛: Ngọc Hư Cung 玉虛宮.

Lập vị 立位: Tạo lập ngôi vị.

Cửu tuyền 九泉: Chín dòng suối, chỉ cõi Âm Phủ. Tương truyền rằng nơi Âm phủ có chín con suối, nên gọi là Cửu tuyền hay Chín suối. Ngoài ra Âm phủ còn được gọi là Suối vàng hay Huỳnh tuyền.

Lánh chơn: Bước chơn xa lánh đi.

Câu 11 và 12: Nhờ hưởng những phép huyền diệu của Chí Tôn ban cho nên Chơn linh tạo được ngôi vị của mình nơi Ngọc Hư Cung mà xa lánh cõi Âm phủ.

Ngó Cực Lạc theo hườn Xá Lợi,

Cửu Trùng Thiên mở lối qui nguyên,

Ngó Cực Lạc: Hướng về Cực Lạc Thế Giới.

Xá lợi 舍利: Hình hài, thân xác của Đức Phật Thích Ca hay các bậc Thánh đắc đạo, sau khi hỏa táng, xương cốt còn lại là những tinh thể tròn hạt như viên bi, sáng lóng lánh như ngọc, nên người ta gọi những tinh thể đó là ngọc Xá lợi.

Hườn Xá lợi: Tức là hạt Xá lợi (Xá lợi tử 舍利子). Theo Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, khi một người tu đắc đạo, thì Tam Bửu hiệp nhứt, cũng kết thành một xác thân Thiêng liêng, gọi là hườn “Xá lợi” hay “Mâu Ni”. Xác thân Thiêng liêng ấy là cái bản tánh thuần dương, bất diệt, bất tử...

Cửu Trùng Thiên 九重天: Chín tầng Trời.

Mở lối: Khai mở một con đường.

Qui nguyên 歸元: Trở về nguồn gốc, tức trở về với

Đức Chí Tôn.

Câu 13: *Hương về cõi Cực Lạc Thế giới để nương theo một xác thân Thiêng liêng là “Xá lợi”.*

Quyển Đại Thừa Chơn Giáo có viết: “*Các con muốn hiểu chỗ Đạo thì các con trước phải phan luyện Tinh Khí Thần và phải tạo một xác thân Thiêng liêng kêu rằng “mâu ni” hay là “xá lợi”. Cái xác thân Thiêng liêng ấy bất tiêu, bất diệt, bất tử, bất tồn mà các con cần phải có xác thân ấy.*

Xác thân ấy là chi?

Là cái bốn tánh thuần dương vậy. Khi các con bỏ xác phàm nấy thì điểm Linh quang của các con nương theo đó mà về thẳng đến nơi Thấy. Nếu các con không có xác thân ấy, các con phải chuyển kiếp khác hoai, luân hồi khó dứt”.

Câu 14: *Chí Tôn mở ra một con đường Cửu Trùng Thiên để các Chơn hồn trở về với Đức Chí Tôn.*

**Rõ ràng Phật cốt Tiên duyên,
Nước Cam Lộ rửa sạch thuyên độ nhân.**

Rõ ràng: Sáng đẹp.

Phật cốt Tiên duyên: Cốt cách như Phật, dáng vẻ như Tiên. Câu này đồng nghĩa với câu Tiên phong Phật cốt 仙風佛骨: Chỉ phẩm cách cao thượng, ví như có phong thái như Tiên, cốt cách như Phật.

Nước Cam lộ: Do từ Hán Cam lộ thủy 甘露水: Đây là một thứ nước Thiêng liêng huyền diệu của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát luyện ra chứa trong Tịnh bình, dùng để tiêu trừ bịnh chướng, giải tỏa oan nghiệt, cải tử hoàn sanh...

Bí pháp Đạo Cao Đài cũng luyện được Cam Lộ Thủy

để làm phép xác cho các tín đồ qui liễu.

Cách luyện Cam Lộ Thủy được Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh chỉ như sau: “*Để chén ngay Thiên bàn, gát ngang nhành dương liễu qua miệng chén, đoạn lấy hai chung nước Âm Dương xấp lại cùng nhau cho Âm Dương ký tế, nghĩa là hai mặt nước hiệp nhau rồi đổ ngay giọt xuống chén mà niệm câu chú này: Cam Lộ Thủy năng hủy trước kiếp ô sinh oan nghiệt tội chướng chi đọa. Hễ dứt câu niệm thì phải dùng giọt nước. Đoạn tay trái bắt ấn Hộ Pháp, để chén nước Cam Lộ trên Ấn; tay mặt cũng bắt Ấn Hộ Pháp chụp lên miệng chén co ngón tay giữa tay mặt vẽ bùa (.) trên mặt nước rồi buông ngón tay ra, truyền thần xuống mặt nước. Đoạn nhắm hai mắt định thần, hễ thấy Thiên nhân giáng ngay mặt nước thì tức cấp giứt tay ra, đừng đừng đợi để tiêu Thiên nhân thì thất pháp. Nước Cam Lộ đã luyện thành”.*

Thuyền 船: Chiếc thuyền.

Thuyền độ nhân: Chiếc thuyền cứu độ con người, đó là thuyền Bát Nhã.

Câu 15: Cốt cách sáng ngời như Phật, có dáng vẻ đẹp như Tiên.

Câu 16: Nước Cam lộ của Đức Phật Quan Âm rửa sạch hết các oan khiên nghiệt chướng, rồi con thuyền Bát Nhã cứu độ để đưa người chìm đắm nơi biển khổ qua bờ.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

VĂNG SANH THẦN CHÚ

I.- KINH VĂN

VĂNG SANH THẦN CHÚ

Nam Mô A Di Đà Bà Đà, Đa Tha Đà Đa Đà, Đa
Điệt Đa Tha, A Di Rị Đô Bà Tì, A Di Rị Đa Tất Đàm
Bà Tì, A Di Rị Đa, Tì Ca Lan Đế, A Di Rị Đa, Tì Ca
Lan Đa, Đà Di Ni, Đà Đà Na, Chỉ Đa Ca Lê, Ta Bà Ha.

II.- VIẾT RA CHỮ HÁN

生神咒

南無阿彌陀婆夜, 哆他伽哆夜, 哆佺
夜他, 阿彌唎嚩婆毘, 阿彌唎哆, 悉耽婆
毘, 阿彌唎哆, 毘迦蘭帝, 阿彌唎哆, 毘迦
蘭哆, 伽彌膩伽伽哪, 旨哆迦儂, 娑婆訶.

III.- CHÚ GIẢI

Văng 往: Đi, đã qua. Chỉ sự qua đời, chết.

Sanh 生: Sống.

Văng sanh 往生: Chuyển sanh vào một thế giới khác.

Theo Phật giáo phái Tịnh độ tông, người ta tu hành khi chết được chuyển sanh qua một thế giới khác gọi là Cực Lạc Quốc của Đức A Di Đà Phật, nơi ấy rất sung sướng, hạnh phúc và an vui.

Thần chú 神咒: Hay Chân ngôn 真言, còn gọi là mật chú 密咒, linh ngữ 靈語. Tiếng Phạn là Mantra, hay Dharani (Thường thì Dharani dài hơn Mantra), có nghĩa là tổng trì, tức là sự nắm giữ các pháp. Chân ngôn hay Thần chú là những lời bí mật của chư Phật không nói rõ ra bằng lời. Những câu Thần chú là một chuỗi âm vận chứa đựng năng lực huyền bí, nên khi trì tụng có thể diệt trừ khổ ách, tiêu tai giải nạn, hộ trì tâm linh một cách kỳ diệu, không thể nào nghĩ bàn được.

Thần chú là những âm thanh do chư Phật, Bồ Tát nói ra trong tâm giác ngộ, nên khi trì tụng, chúng ta cũng có thể tương ứng với tâm ấy của các Đấng.

Thần chú là những âm thanh bí mật được phát sinh trong lúc ngồi Thiền, những mật ngữ này có hiệu lực rất linh nghiệm.

Thần chú tuy là một chuỗi âm thanh nhưng trong đó hàm chứa những rung động tâm linh, nhằm phô diễn cái thực tánh nằm ngoài các đối đãi nhị nguyên. nên khi trì niệm một cách thành tâm sẽ có một uy lực khơi dậy những sức mạnh tiềm ẩn trong nội tâm.

Thần chú đóng vai trò đặc biệt và quan trọng trong Kim Cương thừa của Phật giáo Tây Tạng, là một phương tiện để hộ trì, bảo vệ tâm hầu tiến đến giải thoát.

Theo Phật giáo Việt Nam, các Đạo sư thấy không cần thiết phải giải thích ý nghĩa của những câu Thần chú hay mật chú, vì nghĩ rằng Thần chú không phải là cái để tìm hiểu, mà là để trụ tâm trì tụng, hầu có sự cảm ứng với chư Phật và Bồ Tát.

Tóm lại, Vãng sanh Thần chú là một bài chú gồm

những mật ngữ để cầu nguyện A Di Đà Phật cứu độ cho
Chơn linh người chết được vãng sanh về Cõi Cực Lạc.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

KINH TUẦN CỬU & TIỂU ĐẠI TƯỜNG

Triết lý của đạo Cao Đài cho rằng con người sống ở thế gian có thân xác và linh hồn, nên khi chết, không phải là hết, mà chỉ là cái thể xác hoại diệt, nhưng linh hồn thì vẫn tồn tại mãi mãi. Hay nói cách khác, chết chỉ là thay đổi trạng thái sống: Sống bằng thân xác hữu hình ở thế gian và sống bằng linh hồn, không hình thể ở cõi giới vô vi.

Sự sống của thể xác thì hữu hạn, nhưng sự sống của linh hồn mới thực sống vĩnh viễn, bất diệt. Vì thế, tôn chỉ của đạo Cao Đài là khi con người sống nơi thế gian, phải mượn thân xác hữu hình lo tu hành: Làm phải làm lành, lập công bồi đức để chuẩn bị một con đường trong cõi giới vô vi, cho linh hồn có một cuộc sống an nhàn, cực lạc.

Ngoài ra, để thực hiện đại ân xá kỳ ba, đạo Cao Đài còn có ban cho bí pháp Độ thăng và cầu rỗi cho linh hồn được nhẹ nhàng thanh cao mà vào từng cõi giới mới. Muốn vậy, người tín đồ khi sống ở thế gian phải giữ giới luật Đạo, lập công bồi đức, và phải được vị chức sắc thọ truyền bửu pháp làm phép độ thăng cho và những người thân phải thành tâm cầu siêu cho linh hồn người chết.

Phương thức độ hồn cho vong linh sau khi chết được tiếp tục diễn ra trong vòng 581 ngày. Đó là các tuần Cửu và Tiểu, Đại Tường.

Những người đã quá vãng, sau khi an táng xong, kể từ ngày chết, đếm tới 9 ngày thì tang gia hiểu quyền đem linh vị đến Thánh Thất sở tại làm tuần Nhứt Cửu, đếm tới 18 ngày (tức 9 ngày sau) thì làm tuần Nhị Cửu...cho

đến 81 ngày thì làm tuần Cửu Cửu.

Kể từ sau một ngày chung cửu (hay Cửu Cửu), đếm tới 200 ngày thì làm tuần Tiểu Tường. Rồi kể từ sau một ngày làm tuần Tiểu Tường đếm tới 300 ngày thì làm tuần Đại Tường, hay là tuần mãn tang.

Như vậy, theo nghi lễ của đạo Cao Đài, một tín đồ giữ thập trai, kể từ ngày chết cho đến ngày làm tuần Đại Tường tất cả là 581 ngày, phải dâng 9 lá số khi cúng chín tuần cửu, một lá số cúng tuần Tiểu Tường và một lá số cúng tuần Đại Tường. Tổng cộng là mười một lá số cùng với lá số Tân Cổ thượng khi vừa mới chết nữa là mười hai lá số.

Những bài Kinh tụng Cửu, Tiểu và Đại tường trong quyển Kinh Thiên Thế Đạo do Đức Quan Âm Bồ Tát, Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ. Nội dung các bài Kinh nhắc nhở vong linh xa lánh tục trần, lìa khỏi Phong đò, hướng về nguồn cội của Chơn linh là Thượng Đế, để được đi qua từng cõi giới càng ngày càng nhẹ nhàng và thanh cao hơn.

Khi chú giải những bài Kinh Cửu, Tiểu, Đại tường, chúng tôi dựa theo Kinh Phật, lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp và các Đấng Thiêng Liêng để dẫn giải, và nhứt là chú trọng đến những ngôn ngữ thế gian của bài Kinh mà chú giải một cách bì phu, còn những tư tưởng có tính cách huyền linh, hay những cõi giới vô vi mà Chơn linh sống và đi qua, chắc hẳn con người chúng ta còn sống nơi cõi thế gian này không thể nào tưởng tượng và hiểu thấu được.

Những bài Kinh Khai Cửu, Kinh Đệ Nhứt cho đến

Đệ Cửu Cửu, Tiểu và Đại Tường chúng tôi cho vào một chương, tức chương thứ mười nhằm thể hiện giáo lý đặc trưng của Cao Đài: Một Chơn linh đặc đạo, sau khi đã qui liễu được Cửu Vị Tiên Nương, Phật Mẫu và chư Phật dẫn dắt đi qua chín cõi Trời, tức Cửu Trùng Thiên. Và muốn về với Đức Chí Tôn, còn phải qua ba cõi Trời nữa, đó là Hư Vô Thiên, Hội Nguơn Thiên và Hồn Nguơn Thiên, cộng lại 12 cõi Trời, tức Thập Nhị Khai Thiên. Đây là hàng Phật vị.

THIÊN THỨ NHỨT KINH KHAI CỬU

ĐẠI TƯỜNG VÀ TIỂU TƯỜNG

I. – KINH VĂN

*Đã quá chín tầng Trời đến vị,
Thần đặng an, Tinh, Khí cũng an.
Tầng Trời gắng bước lên thang,
Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa.
Cõi thâm khổ đã vừa qua khỏi,
Quên trần ai mong mỏi Động Đào.
Ngó chi khổ hải sóng xao,
Đoạn tình yếm dục đặng vào cõi Thiên.
Giọt lụy của Cửu huyền dầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.
Năm cây huệ kiếm gương thân,
Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.
THƯỜNG CỬ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LẠI*

II. – NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Khai Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường là một bài Kinh do Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giảng cơ ban cho.

Bài Kinh Khai Cửu được đồng nhi tụng trong những đàn cúng tuần cửu tại Thánh Thất hay tư gia để mở đầu cho các bài kinh Cửu, Tiểu Tường, hay Đại Tường. Bài Kinh này được coi như một bài Kinh dẫn cửu, Tiểu Tường hay Đại Tường.

III.- CHÚ GIẢI

*Đã quá chín tầng Trời đến vị,
Thần đặng an, Tinh, Khí cũng an.*

Đã quá: Đã qua.

Chín tầng Trời: Chín cõi Trời, tức là Cửu Trùng Thiên.

Đến vị: Đến được ngôi vị.

Tinh Khí Thần 精氣神: Là Tam bửu, tức là ba món báu tạo nên tinh thần, thể xác con người.

Tinh là xác thân phàm, khí là Chơn thần hay đệ nhị xác thân, thần là Chơn linh. Trong ba thể đó chỉ có xác thân phàm là trọng trước, vì vậy người tu hành phải có một thân phàm tinh khiết mới có thể xuất một Chơn thần tinh khiết được.

Tam bửu của người tu đắc Đạo hiệp một được tinh khí thần và tinh tấn nhẹ nhàng hơn không khí đặng ra ngoài Càn khôn mà về với Đức Chí Tôn thì lúc ấy Tinh Khí trong sạch được an, thì Thần cũng được an ngôi vị.

Câu 1: Chơn linh đã qua khỏi chín tầng Trời (Cửu Trùng Thiên).

Câu 2: Chơn linh có tam bửu tinh tấn nhẹ nhàng thì tinh khí được yên ổn, và Thần thì được về với Chí Tôn mà an ngôi vị.

*Tầng Trời gắng bước lên thang,
Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa*

Tầng Trời: Khoảng từ hạ giới, tức cõi phàm của

con người đang sinh sống lên đến Bạch Ngọc Kinh chia ra nhiều cảnh giới hay tầng Trời khác nhau, từ thấp lên cao: Hạ giới, Trung giới và Thượng giới.

Con người khi giải thể thì Chơn linh đi lên theo từng cõi, mỗi cõi từ thấp dần dần lên cao tựa như từng nấc thang vậy. Các Chơn thần phải vượt qua từng cõi một cách cố gắng, bởi vì nó phát xuất từ quả nghiệp mà chúng ta tạo ra nơi cõi phàm. Hay nói cách khác, ngôi vị thiêng liêng của chúng ta là do quyền định đoạt của mình, đó là cái kết quả của những hành vi thiện lương hay hung ác khi còn tại thế.

Trông mây: Nhìn theo những vầng mây.

Câu 3: Chơn linh phải cố gắng đi lên các tầng Trời từ thấp lên cao như theo từng nấc thang.

Câu 4: Trông theo những vầng mây nhìn lại cảnh nhàn nhã của quê xưa cảnh cũ nơi cõi Thiêng Liêng.

Quê hương của chơn hồn vốn dĩ là cõi Thiêng Liêng, là nơi mà Thượng Đế ban cho Điểm Linh Quang để thác sinh xuống cõi phàm với mục đích học hỏi kinh nghiệm và tấn hóa. Khi đến cõi phàm, Chơn hồn tạo nghiệp quả nên phải chịu sự luân hồi chuyển kiếp mãi. Đến chừng Chơn hồn ở thế biết giác ngộ mà tu hành chơn chánh, khi qui liễu thì sẽ được trở lại ngôi xưa vị cũ, tức là quê hương mà trước đây Chơn hồn đã từng sống an nhàn thanh tịnh.

Chính vì thế khi thoát xác, Chơn linh thấy nhẹ nhàng, bay bổng, nhìn theo những vầng mây nơi quê xưa cảnh cũ một cách thung dung, nhàn hạ.

Cõi thăm khổ đã vừa qua khỏi,

Quên trần ai mong mãi Động Đào.

Cõi trần khổ: Chỉ cõi trần gian.

Sở dĩ trần gian là cõi trần khổ bởi vì nơi đây là cõi tạm bợ, uế trược và nhiều phiền não...

Sống ở cõi trần, con người có nhiều loại khổ đau như:

Khổ về thân tâm: Con người sống cõi trần thường bị khổ về hoàn cảnh ngang trái, cảm thọ bất an hay khổ về bệnh, chết.

Khổ về hoại diệt: Những thứ sắc đẹp, của cải vật chất mà mình ưa thích không bền lâu, thường bị mất nên sinh khổ.

Khổ do tâm bị dục vọng sai khiến, thúc đẩy từng giây từng phút làm cho tâm không yên ổn, tự do.

Khổ gây ra bởi sự mâu thuẫn giữa con người và thiên nhiên, cuộc sống.

Đã vừa qua khỏi: Đã được thoát khỏi.

Trần ai 塵埃: Bụi bặm, chỉ cõi trần là cõi nhơn loại đang sinh sống.

Động đào: Chỉ Động Tiên ở. Do từ Đào nguyên 桃源, hay Đào hoa nguyên 桃花源: Suối hoa đào.

Ông Đào Tiềm có viết bài “Đào Hoa Nguyên Ký 桃花源記” kể lại một người đánh cá ở Vô Lăng đi thuyền lạc vào Động Đào nguyên. Trong đó, có một nhóm người mà tổ tiên của họ trốn loạn đời nhà Tần, sống nơi suối hoa Đào cách biệt hẳn với người đời đã từ lâu.

Sau khi ra khỏi Động Đào, người đánh cá có tìm cách chèo thuyền trở lại, nhưng không tìm được lối vào nữa

Do vậy, Đào nguyên hay Động đào thường được dùng để chỉ nơi Tiên ở, hay động Tiên.

Câu 5: Chơn linh đã vừa thoát khỏi cõi thâm khổ nơi trần gian.

Câu 6: Và mong mỗi được vào chốn Đào nguyên là nơi cõi Thiêng Liêng để quên đi cõi trần tục đầy uế trước này.

Khi giải thể rồi, Chơn hồn cõi bỏ được thân tứ đại, cái thân vật chất, tạm bợ và đầy phiền não, tức là thoát ra khỏi được những thâm khổ nơi cõi trần để trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống là cõi an vui và hạnh phúc. Đức Hộ Pháp thuyết về chữ khổ như sau: “*Khổ thì nhiều, vui vốn ít, sống càng lâu khổ chất càng dày, khổ nội thân tứ khổ quả không sai, cầu bất tử là cầu đầy thân cõi tội. Ta nghĩ đến đó mới hiểu rằng kiếp chết là kiếp giải khổ thì mới biết mặt cân công bình thiêng liêng nhắc không sai chày*”.

Ngó chi khổ hải sóng xao,

Đoạn tình yếm dục dặng vào cõi Thiên.

Ngó chi: Nhìn làm chi.

Khổ hải 苦海: Biển khổ.

Đạo Phật cho cõi trần gian này là một biển khổ mênh mông, bát ngát, con người bị những cơn sóng khổ đau ấy nhồi dập, đang lặn hụp, chìm đắm hằng muôn ngàn kiếp luân hồi sinh tử. Đạo tựa như con thuyền chèo khắp mọi nơi trong biển khổ ấy mà cứu vớt chúng sanh để đưa qua bên kia bờ giác ngộ.

Sóng xao: Lượn sóng xao động.

Đoạn tình 斷情: Cắt đứt các thứ tình cảm.

Tình cảm của con người từ nơi tâm mà phát khởi.

khi tâm tiếp xúc với ngoại vật mà dao động gây cảm giác sinh ra thất tình.

Thất tình là bảy thứ tình cảm: Mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn, cũng là bảy thứ cảm giác từ trong tâm con người phát ra. Những thứ cảm giác này nếu vì thỏa mãn theo xác thịt dề hèn thì sẽ xa đường đạo đức mà gây nhiều phiền não, tội lỗi. Chúng ta phải cắt đứt những thứ dục tình thấp hèn này để chuyển hóa theo tinh thần cao thượng. Có như thế chúng ta mới thoát khỏi oan khiên, nghiệt chướng.

Yếm dục 掩欲: Đè nén lòng ham muốn.

Lòng dục hay lòng ham muốn của con người có sáu thứ gọi là lục dục: Sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục và ý dục.

Mắt ưa sắc đẹp, tai thích âm thanh, mũi ham ngửi mùi thơm tho, lưỡi thèm vị ngon ngọt, thân ưa cảm xúc êm ái, ý thích lòng thỏa mãn. Tất cả đều gây nên nghiệp thức rồi lôi kéo con người đắm chìm vào luân hồi sinh tử mà thọ khổ nghiệp triền miên.

Đặng vào cõi Thiên: Để được vào cõi Thiêng Liêng.

Câu 7: Nhìn làm gì những lượn sóng xao động nơi biển khổ.

Câu 8: Mà nên cắt đứt những tình cảm và đè nén lòng dục thì mới vào cõi Thiên được.

Khi thoát xác Chơn hồn đứng nên luyện tiếc mà nhìn lại làm gì cái cõi thế gian này đầy những cơn sóng đầu thương dôi đập kiếp con người đắm chìm trong biển khổ.

Khổ đau do thất tình và lục dục là động cơ gây cho

con người nhiều phiền não, chính nó sai khiến con người vào đường mê luyện tiên tài danh vọng, say đắm vợ đẹp con xinh, ham muốn nhà cao cửa rộng mà làm cho tinh thần hao tổn, khí phách tiêu mòn. Như vậy, để giải thoát con người ra khỏi tình cảm và dục vọng, trước hết ta phải đoạn lìa những tình cảm xấu xa đê tiện và đè nén lòng ham muốn thấp hèn để chuyển hóa theo đường cao thượng, đạo đức. Có như thế thì mới mong Chơn linh khi thoát xác bước vào đường Thiên cảnh được.

***Giọt lụy của Cửu huyền đầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.***

Giọt lụy: Giọt nước mắt.

Cửu huyền 九玄: Tổ tiên ông bà chín đời.

Thuận nợ: Bằng lòng theo nợ.

Trầm luân 沉淪: Chìm đắm vào biển khổ.

Thuận nợ trầm luân: Thuận theo nợ oan khiên mà phải chìm đắm vào biển khổ luân hồi.

Muốn thoát khỏi luân hồi trong biển khổ thì phải làm sao?

Trong bài Thuyết Đạo ngày 14.2. Mậu Thìn của Đức Hộ Pháp có giải thích như sau: “*Phải đoạt choặng cơ bí mật siêu phàm nhập Thánh. Cơ bí mật ấy, nếu không phải Thấy cho thì chưa ắt xin ai màặng.*

Ấy vậy, Đạo là cơ bí mật làm cho kẻ phàm có thể đoạt đặng phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thấy đến qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi để cho chúng sanh hiểu cơ mầu nhiệm mà luyện Tinh, Khí, Thần”.

Câu 9: Giọt nước mắt của Cửu Huyền dẫu có đổ, ý nói dẫu Cửu Huyền đau buồn thương tiếc.

Câu 10: Thì cũng đừng đau xót mà phải chịu trầm luân vào biển khổ muôn đời ngàn kiếp.

**Năm cây huệ kiếm gươm thần,
Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.**

Huệ 慧: Hay tuệ là trí sáng suốt nhận biết được chân tướng của mọi sự vật, sự hiểu biết rõ ràng đúng sự vật.

Trí huệ là sự chứng ngộ chân lý của vạn hữu, là sự nhận thức sáng tỏ về thực tại sau khi mọi vô minh, phiền não đã được diệt trừ.

Huệ kiếm 慧劍: Cây kiếm trí huệ.

Trí huệ được so sánh như một lưới kiếm (gươm) sắc bén có thể chiến thắng được thất tình lục dục, và có thể cắt đứt mọi phiền não trói buộc vào con người.

Gươm thần: Gươm Thiêng liêng huyền diệu, chỉ cây huệ kiếm.

Dứt tan: Dứt hẳn.

Sự thế 事世: Việc ở trên cõi đời.

Nợ trần: Những món nợ ở nơi cõi trần.

Câu 11: Năm chặt cây kiếm trí huệ Thiêng liêng huyền diệu.

Câu 12: Đẹp hẳn việc đời và dứt những mối nợ oan khiến ràng buộc con người vào cõi trần gian kể từ đây.

Thật vậy, chúng sanh vì vô minh che lấp mất chân tánh, bị dục vọng, phiền não sai khiến, tạo ra muôn ngàn

ngiệp ác, vì đó mà phải chơi vơi trong biển khổ luân hồi.

Để thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử, con người phải có một hùng lực để tự chiến thắng tâm mình và dùng cây huệ kiếm, cây gươm thần diệu dẹp tan giặc thất tình, lục dục, chặt đứt mọi thứ dây trói buộc con người, dứt trừ oan khiên phiền não. Nếu đạt được như thế, thì con người mới mong thoát khỏi mọi điều khổ não, mọi oan khiên nghiệt chướng, hầu có thể trở lại cõi Thiên Liêng Hằng Sống.

THIÊN THỨ NHÌ KINH ĐỆ NHỨT CỬU

I.- KINH VĂN

Vườn Ngạn Uyển sanh hoa đã héo,
Khởi hình hài đã chịu rã tan.
Bảy dây oan nghiệt hết ràng,
Bợn trần rửa sạch muôn ngàn đau thương.
Kìa Thiên cảnh con đường vợi vợi,
Ánh Hồng Quân đương chói Ngọc Lâu,
Cung Thiềm gắng bước cho mau,
Thoát ba Thần phẩm đứng đầu Tam Thiên,
Khá tỉnh thức tiền duyên nhớ lại,
Đoạn cho rời oan trái buổi sanh,
Đem mình nương bóng Chí Linh,
Định tâm chí Thánh mới gìn ngôi xưa.
Hôn định tỉnh đã vừa định tỉnh,
Phách anh linh ắt phải anh linh.
Quản bao thập ác lục hình,
Giải thi thoát khổ diệt hình đoạt căn.

NHỨT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC Ý NGHĨA

Kinh Đệ Nhứt Cửu là một bài Kinh do Nhứt Nương Điều Trì Cung giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhứt Nương Điều Trì Cung là vị Tiên Nương đứng

hàng thứ nhất trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Nhứt Nương mặc áo màu xanh, ngồi bên trái Đức Phật Mẫu, tay ôm đàn Tỳ bà. Nhứt Nương còn được gọi là Huỳnh Hoa Tiên Nữ.

Nhiệm vụ của Nhứt Nương là cai quản vườn Ngạn Uyển nơi Diêu Trì Cung. Nơi vườn Ngạn Uyển có một bông hoa nở tức là một Chơn linh xuống trần đầu kiếp, có một bông hoa héo tàn thì có một Chơn linh thoát xác.

III.- CHÚ GIẢI

*Vườn Ngạn Uyển sanh hoa đã héo,
Khối hình hài đã chịu rã tan.*

Ngạn uyển 岸苑: Vườn hoa của Đức Diêu Trì Kim Mẫu do Bà Nhứt Nương Diêu Trì Cung trông coi.

Sanh hoa đã héo: Một cánh hoa được sanh ra ở vườn Ngạn uyển nay đã héo tàn, tức là có một sanh mạng ở thế gian vừa mới chết.

Khi có một Chơn linh giáng kiếp xuống trần thì trên vườn Ngạn uyển có một bông hoa vừa nở ra. Chơn linh làm điều thiện lương chân chánh thì sắc hoa tươi thắm, Chơn linh làm điều tà mị, gian ác thì hoa sẽ héo ú xấu xa, khi thân xác của Chơn linh chết nơi cõi trần thì đóa hoa héo tàn.

Bà Nhứt Nương Diêu Trì Cung đã giải thích trong Bài giảng cơ ngày 12-10-1934 như sau: “...*mỗi cái hoa là một Chơn hồn của cả kẻ nguyên nhân, thanh suy, thăng đọa chi cũng do nơi khối sanh hoa khi ấy, định sanh mạng của mỗi người*”.

Khối hình hài: Hay hình hài khối 形骸塊 là khối

thân xác của con người bằng thịt xương.

Rã tan: Tan rã ra từng phần rồi tiêu dừ.

Câu 1: Trong vườn Ngạn Uyển của Đức Phật Mẫu có một bông hoa đã héo (Ở thế gian một mạng người đã chết).

Câu 2: Khi con người đã chết thì khối hình hài thân xác phải rã tan thành đất.

Theo Phật giáo, sự vật ở thế gian, tuy chúng ta trông thấy thật tướng, song nó chẳng thường tồn, mà vốn do nhơn duyên cấu sanh. Hễ nhơn duyên hiệp thì sanh, mà nhơn duyên tan thì mất.

Thân xác con người cũng vậy, do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) duyên hiệp lại mà thành; khi tứ đại tan thì con người chết, hình hài tiêu rã để trở về với đất.

**Bảy dây oan nghiệt hết ràng,
Bợn trần rửa sạch muôn ngàn đau thương.**

Oan nghiệt 冤孽: Oan trái và ác nghiệt.

Bảy dây oan nghiệt: Theo Đầu Sư Thượng Sáng Thanh trong quyển Bí Truyền Chơn Pháp, sự sống của con người do nơi khí Sanh quang nuôi nấng, khí sanh quang nơi mình chúng ta tụ tại 7 khiểu làm nên điển lực, gọi là Thất khiểu sanh quang, phạm gọi là bảy dây oan nghiệt (hay bảy sợi từ khí).

Bảy dây oan nghiệt là 7 dòng điển lực nối liền giữa Chơn thân và thể xác, hễ điển lực còn thì thi hài còn vận chuyển, sanh hoạt, điển lực dứt thì thi hài phải chết. Khi sắp sửa chết thì thi hài phải chịu một phen khổ sở, đau đớn, vì bảy dây oan nghiệt này vẫn còn ràng buộc thể xác và Chơn thân, không dứt rời ra được.

Chính vì lòng Đại từ bi, Chí Tôn mới ân xá, ban cho Đạo Cao Đài bí tích Cắt Dây Oan Nghiệt, tức là dùng diệu pháp cắt bảy cái mối năng lực đặng cho Chơn thần xa lìa xác tục, rồi cũng dùng diệu pháp mà đưa vào cõi Hư linh.

Ấy vậy, làm phép xác cốt yếu là tắm gội xác tục và hôn với giọt nước Cam Lộ, cắt đứt bảy dây oan nghiệt cho Chơn thần lìa khỏi xác rồi đưa Chơn thần vào cõi Hư linh, nghĩa là Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, Tứ Đại Bộ Châu và Tam Thập Lục Thiên.

Bợn trần: Những thứ dơ bẩn nơi cõi trần, làm thân tâm con người bị uế trước.

Trần gian tánh vốn không trước (dơ bẩn), vì bị ngũ trước ô nhiễm, trở nên ô uế, không khiết tịnh. Tỉ như nước, tánh vốn sạch, trong trẻo, bị ô nhiễm đất, bùn vào sẽ trở thành đục, bẩn thỉu, nhưng khi lóng, gạn hết bụi đất, tánh trong của nước hiện ra.

Nước ví như chân tánh, đất bụi ví như phiền não. Bản tánh con người luôn trong sạch, do vọng niệm, tham dục, mê mờ che lấp, khiến tánh thuần nhiên thanh tịnh không hiển hiện được, nên cứ chìm sâu vào luân hồi sanh tử.

Nếu muốn trở lại chân tánh thì phải giống như lóng nước đục: Gạn sạch hết bụi đất đi rồi thì chỉ còn nước trong, sạch. Ở đây, chúng ta gạn hết những phiền não ra khỏi bản tâm thì lúc ấy ta đã đoạn trừ được vô minh, mầm của luân hồi sanh tử.

Rửa sạch muôn ngàn đau thương: Làm sạch hết những nỗi đau thương đã ô nhiễm vào Chơn thần.

Câu 3: *Khi thân xác chết, bảy dây oan nghiệt bị cắt*

đứt đi, không còn buộc ràng Chơn thần nữa.

Câu 4: Và những thú dơ bẩn nơi cõi trần được phải sạch, nên cũng dứt được những nỗi đau thương.

*Kìa Thiên cảnh con đường vợi vợi,
Ánh Hồng Quân đương chói Ngọc Lầu.*

Thiên cảnh 天境: Cõi Trời, cõi Thiêng Liêng.

Con đường vợi vợi: Con đường cao và xa vô cùng tận.

Hồng Quân 洪鈞: Cái khuôn lớn dùng để nặn ra các đồ vật. Nghĩa bóng chỉ Đấng Tạo Hóa, hay Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ngọc Lầu: Tòa lầu bằng ngọc, chỉ Bạch Ngọc Kinh, tòa lầu đài thường ngự của Đức Chí Tôn.

Đương chói: Đang chiếu sáng.

Câu 5: Kìa nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống con đường đi lên cao và xa không cùng tận.

Câu 6: Ánh sáng hào quang của Đức Chí Tôn chiếu sáng lòà rực rỡ tòa Bạch Ngọc Kinh.

Về Bạch Ngọc Kinh nơi Thiên cảnh, Chơn hồn phải nhẹ nhàng bay vào con đường cao và xa vô tận.

Bạch Ngọc Kinh được Đức Hộ Pháp thuyết Đạo trong Thiêng Liêng Hằng Sống như sau: “*Lại gần tôi, còn thấy một vật khác thường quá lạ, nhưng nó là một tòa Thiên Các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rõ, mà cả thoại khí bao quanh, làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy*”.

*Cung Thiềm gắng bước cho mau,
Thoát ba Thân phẩm đứng Tam Thiên.*

Cung Thiêm: Hay Thiêm cung 蟾宮: Cung trăng. Thiêm là con thiêm thừ 蟾蜍 tức con cóc. Tương truyền rằng nơi cung trăng có con thiêm thừ to lớn, sống rất lâu năm.

Thần phẩm 神品: Phẩm vị Thiêng Liêng.

Ba Thần phẩm: Ba phẩm cấp Thiêng Liêng (còn gọi thừa phẩm), đó là Thần, Thánh, Tiên.

Ba Thần phẩm này mỗi phẩm lại chia làm ba phẩm cấp tạo thành 9 phẩm cấp gọi là Cửu phẩm Thần Thiên gồm: Địa Thần, Nhơn Thần, Thiên Thần, Địa Thánh, Nhơn Thánh, Thiên Thánh, Địa Tiên, Nhơn Tiên, Thiên Tiên (地神, 人神, 天神, 地聖, 人聖, 天聖, 地仙, 人仙, 天仙).

Tam Thiên 三天: Ba ngôi Thiên. Đó là Thiên Thần 天神, Thiên Thánh 天聖, Thiên Tiên 天仙.

Đứng đầu Tam Thiên: Đứng trên ba ngôi Thiên, là Thiên Thần, Thiên Thánh, Thiên Tiên, tức vào hàng Phật vị.

Câu 7: *Kìa là Cung Thiêm (Cung Trăng), Chơn thân gắng bước cho mau.*

Câu 8: *Vượt qua ba Thần phẩm thì được đứng đầu Tam Thiên: Thiên Thần, Thiên Thánh, Thiên Tiên, tức vào hàng Phật vị.*

Bản thân con người là nửa người nửa Phật. Khi thoát xác rồi nếu đầy đủ công đức thì hoàn nguyên Phật vị. Trong bài Kinh Khai Cửu có câu “*Đã quá chín tầng Trời đến vị*”, tức là Chơn linh đi qua được Cửu Trùng Thiên thì đến ngôi vị Phật. Ở đây, lời Kinh nhắc nhở Chơn linh

hãy mau cố gắng bước vào Cung Thiêm, phải vượt qua ba Thần phẩm là Thiên Thân, Thiên Thánh, Thiên Tiên, tức nhiên sẽ đắc hàng Phật vị.

*Khá tỉnh thức tiền duyên nhớ lại,
Đoạn cho rồi oan trái buổi sanh.*

Khá: Nên.

Tỉnh thức: Hay thức tỉnh là tỉnh và biết rõ, không còn mê lầm nữa.

Tiền duyên 前緣: Duyên trước, tức là những mối duyên đã được định trước.

Đoạn 斷: Cắt đứt.

Oan trái 冤債: Mối nợ oan khiên.

Buổi sanh: Hay sinh tiền, tức là lúc còn sống nơi cõi Trần

Câu 9: *Nên thức tỉnh để nhớ lại duyên từ kiếp trước của mình.*

Câu 10: *Rồi cắt đứt những món nợ oan khiên do mình đã gây ra lúc sinh tiền nơi cõi thế gian.*

Khi Chơn thân vừa mới thoát xác, thân thức còn mê man, nay đã được chín ngày, thì khá nên thức tỉnh, để nhớ lại tiền duyên của mình là Phật tánh, đã luân hồi sinh tử biết bao kiếp để Chơn linh mượn nơi ấy mà tiến hóa. Đến nay căn nghiệp vừa mãn thì phải cắt đứt hết những mối nợ oan khiên do mình gây tạo lúc sinh tiền, hầu trở về với ngôi xưa vị cũ.

*Đem mình nương bóng Chí Linh,
Định tâm chí Thánh mới gìn ngôi xưa.*

Nương: Tựa vào.

Bóng: Ánh sáng.

Chí Linh 至靈: Chí Đức Chí Tôn.

Định tâm 定心: Tập trung tâm vào một nơi, không để cho tâm bị tán loạn.

Người ta thường ví “*Tâm viên ý mã*” 心猿意馬, tức là chí tâm ý cũng như con vượn và ngựa, lúc nào cũng chạy nhảy lăng xăng, không an định.

Lại nữa, con người thường bị hoàn cảnh và vọng niệm sai sử, tâm ý không yên ổn, lúc nào cũng bị phân tán, cho nên thường sống trong lãng quên, thất niệm. Định tâm là thu nhiếp tâm ý vào một chỗ, chuyên chú vào một đối tượng, một cảnh, không để tâm bị tán loạn, hay chạy theo duyên ở quá khứ, hiện tại, tương lai. Tâm có định thì mới giúp cho con người sáng suốt, sống tỉnh thức, không còn đeo đuổi vọng niệm.

Chí Thánh 至聖: Rất Thánh thiện.

Mới gìn ngôi xưa: Mới có thể giữ gìn ngôi xưa vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng được.

Câu 11: *Dem mình nương theo ánh sáng Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn diu dất.*

Câu 12: *An định tâm ý cho Thánh thiện thì mới có thể gìn giữ ngôi vị nơi Thiêng Liêng được.*

Người có duyên phần mới được gặp gỡ Đức Chí Tôn giảng cơ mở một mối Đạo, như lời Thánh giáo dạy: “Đạo Trời diu bước nhơn sanh, đường Thánh dẫn người phàm tục. Sanh nhằm lối **may mắn** *đặng gặp một Đạo Chánh, nếu chẳng lo dưỡng tánh trau mình, để bước vào*

đường Cực Lạc, thoát đọa Tam Đố, một mai cảnh ủ bông tàn, rốt lại ăn năn vô ích”.

Gặp đặng thời Đức Thượng Đế vì thương xót sanh linh, Đại khai ân xá kỳ ba để mở cơ tận độ, chúng sanh cần phải biết nhận thức điều đó mà nên đem mình nương theo ánh sáng của Đức Chí Tôn đã soi rọi, hầu thoát khỏi khổ luân hồi mà trở về quê xưa cảnh cũ. Thực vậy, bài Khai Kinh Kệ trong Di Lạc Chơn Kinh có câu: Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ, tức là trăm ngàn muôn kiếp mà không duyên cũng khó mong gặp đặng Phật.

Trong đàn cơ lúc 21 giờ đêm 12-1-Quý Dậu, một Chơn linh xưng là Thanh Tâm Tài Nữ cho Đức Hộ Pháp biết là Bà đi tái kiếp ở Hồng mao (nước Anh). Bà than rằng không duyên may mắn để gặp được Đức Chí Tôn. Bà nói rằng: *“Em nghe Chí Tôn nơi này, chạy theo nơi này không gặp. Em nghe nói nơi khác, chạy nơi khác, cũng không gặp.*

Hỏi ra thì em khiếm khổ hạnh nên khó phép thấy Người, nên quyết luân hồi chịu khổ hạnh hầu gặp cho đặng, kéo ức. Thương quá đôi thương mà chưa từng thấy mặt.

Thưa mấy chị,

*Đã may duyên gần gũi **hình bóng** của Người, ráng đặng gặp Người, kéo sau ăn năn uống lắm!*

Cái oan nghiệt kiếp sanh đáng ghê sợ chưa bằng không gặp mặt Chí Tôn, vì lẽ ấy mà biết bao nhiêu Tiên, Phật hạ trần chịu khổ. Xin mấy chị nghe:

THI

*Phải đủ căn sanh mới **thấy Trời**,
Ai ai đừng tưởng dễ như chơi.*

*Nghe danh như chất chống bên gối,
Cổ Phật không duyên khó gặp Người.*

Xin kiếu”

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN).

Hôn định tỉnh đã vừa định tỉnh.

Phách anh linh ắt phải anh linh.

Định tỉnh 定醒: Tập trung tinh thần để nhận biết mọi sự việc.

Phách 魄: Chơn thân, là một khí thể, bao bọc chung quanh xác thân con người. Nhờ Chơn thân mà xác thân con người được sống, và không bị tan rã.

Anh linh 英靈: Thiêng liêng sáng suốt.

Câu 13: Chơn hồn đã thoát xác, sau thời gian mê loạn, giờ được an trụ, tỉnh giác trở lại.

Câu 14: Chơn thân là thể Thiêng Liêng sáng suốt, bởi nhục thân sai sử, nay được thoát xác, thì phải trở lại anh linh sáng suốt.

Quản bao thập ác lục hình,

Giải thi thoát khổ diệt bình đoạt căn.

Quản bao: Hay bao quản là sá chi, chẳng ngại.

Thập ác 十惡: Mười điều ác, tức mười ác nghiệp do bởi thân, khẩu, ý tạo ra. Thân nghiệp thì có ba điều ác: Giết hại, trộm cắp, tà dâm; ngữ nghiệp có bốn điều: Nói dối, nói thêu dệt, nói chia rẽ, lời mắng chửi độc ác; ý nghiệp có ba: Tham lam, giận dữ, si mê.

Lục hình 六形: Sáu hình tượng hay sáu ngoại cảnh chung quanh con người làm đối tượng tiếp xúc cho lục

căn. Sáu hình tượng đó là: Sắc (hình sắc), thính (âm thính), hương (mùi thơm), vị (vị nếm), xúc (đụng chạm), pháp (mọi sự vật). Sáu hình tượng này còn gọi là *lục trần*.

Lục căn là sáu giác quan của con người: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (Nhân 眼, nhĩ 耳, tỵ 鼻, thiệt 舌, thân 身, ý 意).

Khi lục căn (hiện tượng sinh lý) tiếp xúc với lục trần (hiện tượng vật lý) thì phát sinh ra lục thức (hiện tượng tâm lý). Do có lục thức, tức là sáu cái biết phân biệt này mà con người khởi tâm mê đắm cái đẹp, mùi thơm, ngon ngọt, êm ái...

Giải thi 解尸: Cởi bỏ hình hài thi thể.

Thoát khổ 脫苦: Thoát khỏi cảnh khổ.

Diệt hình 滅形: Tiêu diệt hình thể sắc tướng.

Sắc tướng là cái hữu hình, mà hữu hình là hữu hoại. Như vậy sắc tướng, hình thể thì bị hư hoại, có thể diệt được. Trái lại với sắc tướng là vô tướng, vô sắc hay vô hình là thể thường tồn, bất diệt. Thân xác là sắc tướng nên dễ bị diệt, linh hồn là thể vô tướng nên thường còn, sống mãi.

Đoạt căn 奪根: Tìm cách chiếm lại căn gốc khi xưa. Đó là ngôi vị cũ nơi Thiêng Liêng.

Câu 15: *Chẳng ngại gì mười ác nghiệp và sáu hình thức (lục trần) làm mê đắm ở cõi trần tục.*

Câu 16: *Vì giờ đây đã cởi bỏ hình hài thân xác rồi, tất nhiên cũng thoát khỏi cảnh khổ não nơi trần gian và hình thể bị diệt do đó Chơn linh đoạt lại ngôi xưa vị cũ nơi cõi Thiêng Liêng.*

Mang lấy thi hài hình thể, con người gây ra nhiều

oan khiên nghiệt chương. Nếu biết chọn đường tu thì chẳng e ngại gì về mười điều ác nghiệp hay sáu trần cảnh làm mê đắm Chơn thân, bởi vì lúc sinh tiền đã biết sợ, xa lánh nó rồi, khi chết đã cởi bỏ được thi hài, tức nhiên là thoát khỏi cảnh khổ bị đọa trần. Đến khi hình hài bị diệt, thì Chơn linh là thể vô vi lại nhẹ nhàng, nên có thể tìm trở lại nguyên căn của mình.

THIÊN THỨ BA KINH ĐỆ NHỊ CỬU

I.- KINH VĂN

*Tây Vương Mẫu vườn Đào ươm chín,
Chén trường sanh có lệnh ngự ban,
Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng,
Chơn Thân khá đến hội hàng chư linh.
Đã thấy đủ Thiên đình huyền pháp,
Cõi giác thân lên đạ Ngân Kiều.
Đầu tinh chiếu thấu Nguyên Tiêu,
Kim quang kiệu đỡ đến triều Ngọc Hư.
Khí trong trẻo dường như băng tuyết,
Thần im đim dường nét thiếu quang.
Xa chùng thế giới Địa Hoàn,
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng.*

NHỊ NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Nhị Cửu do Nhị Nương Điều Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhị Nương Điều Trì Cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ nhì trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Nhị Nương mặc áo màu xanh, ngồi bên trái Đức Phật Mẫu, tay ôm Lư hương.

Nhị Nương có nhiệm vụ cai quản vườn đào Tiên của Phật Mẫu, mở tiệc trường sanh thiết đãi Chơn hồn rồi dìu dắt các Chơn hồn đến Ngân Kiều để cõi Kim quang

bay lên Ngọc Hư Cung châu Thượng Đế.

III.- CHÚ GIẢI

*Tây Vương Mẫu vườn Đào ươm chín,
Chén trường sanh có lệnh ngự ban,*

Tây Vương Mẫu 西王母: Tức là Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Vườn Đào: Vườn trồng cây Đào Tiên nơi Diêu Trì Cung. Đào Tiên là một loại cây có trái rất quý, chín ngàn năm mới có trái chín một lần, nên khi ăn được trái Đào Tiên thì được trường sanh bất tử.

Theo Đức Hộ Pháp, nơi Diêu Trì Cung, “*Phật Mẫu trụ sanh quang lại thành một khối gọi là quả Đào Tiên, đủ phép sống vĩnh viễn trường tồn nơi cõi Hư Linh*”.

Hội Yến Bàn Đào là một bữa tiệc mà Đức Phật Mẫu dành ban thưởng cho các Chơn linh đắc quả về hội hiệp cùng Ngài.

Ươm chín: Sắp sửa chín.

Chén: Một vật để đựng rượu, từ Hán Việt gọi là bôi 杯.

Trường sanh 長生: Sống lâu dài. Đây là một loại rượu nơi cõi Thiêng Liêng, uống vào thì được trường thọ.

Chén trường sanh: Chén rượu trường sanh.

Ngự ban 御頒: Là một tiếng tôn xưng để chỉ Tây Vương Mẫu ban tặng.

Câu 1: Nơi Diêu Trì Cung có vườn Đào Tiên của Phật Mẫu, trái vừa sắp sửa chín.

Câu 2: Chơn hôn được Đức Phật Mẫu ban cho chén rượu trường sanh.

*Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng,
Chơn Thần khá đến hội hàng chư linh.*

Hồng 洪: Lớn.

Tiệc hồng: Yến tiệc to lớn, tiệc long trọng.

Khá đến hội: Nên đến dự hội.

Chư linh 諸靈: Chư vị Thiêng Liêng.

Câu 3: Yến tiệc long trọng đã chuẩn bị sẵn sàng.

Câu 4: Chơn Thần khá đến hội hiệp cùng các Đấng Thiêng Liêng.

Đức Phật Mẫu thương xót chúng sanh đang trầm luân trong khổ hải, nên Ngài cùng Cửu Vị Tiên Nương hằng tìm cách tận độ tất cả chúng sanh về với cung Diêu Trì, bên Bà Mẹ Thiêng Liêng. Trong bài Kinh “**Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu**” có câu:

*Ngồi trông con dặng phi thường,
Mẹ đưa con đến tận đường hằng sanh.*

Chính vì thế, Chơn linh nào đắc Đạo sẽ được Phật Mẫu ban thưởng, được Nhị Nương tiếp rước vào nhập tiệc Bàn Đào, cùng dự với chư Thiêng Liêng. Theo Đức Hộ Pháp, Hội Yến Diêu Trì là ăn được quả Đào Tiên, uống được Tiên tửu, mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống gọi là Nhập Tịch. Đây là phần thưởng cao trọng cho các Chơn linh đắc quả.

Đã thấy đủ Thiên đình huyền pháp,

Cối giác thân lên đạp Ngân Kiều.

Thiên đình 天庭: Triều đình nơi cõi Thiêng Liêng.
Chỉ cõi Trời.

Huyền pháp 玄法: Phép huyền diệu.

Cối: Giải bỏ.

Giác thân 覺身: Cái thân có sự hiểu biết, có ngũ giác quan. Đó là chỉ thân phàm.

Ngân kiều 銀橋: Cây cầu bắc qua sông Ngân Hà.

Ngân Hà 銀河 là một con sông nơi cõi Thiêng Liêng. Tương truyền Ngưu Lang Chức Nữ bị phạt, chia cách tình yêu giữa sông Ngân, mỗi năm chỉ gặp nhau có một lần mà thôi. Vì thế, Ngân Hà được coi như là một dòng sông đau khổ.

Câu 5: Đến đây Chơn hồn mới thấy đủ các huyền phép của cõi Thiêng Liêng.

Câu 6: Giải bỏ xác thân phàm, Chơn thần mới bước chân lên cầu bắc qua sông Ngân.

*Đấu Tinh chiếu thấu Nguyên Tiêu,
Kim Quang kiệu đờ đến triều Ngọc Hư.*

Đấu Tinh 斗星: Ngôi sao Bắc Đẩu. (Xem chú thích Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối)

Nguyên Tiêu 元霄: Tùng Trời đầu tiên.

Kim quang 金光: Ánh sáng màu vàng.

Kiệu 轎: Cái đồ dùng để khiêng người đi.

Kim quang kiệu đờ: Ánh sáng màu vàng làm như chiếc kiệu để đờ Chơn hồn đi.

Đến triều: Tới để châu lễ.

Ngọc Hư 玉虛: Ngọc Hư Cung, cung ngự của Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Câu 7: Sao Bắc Đẩu chiếu sáng thấu đến tầng Trời đầu tiên.

Câu 8: Ánh sáng màu vàng (hào quang) làm thành chiếc kiệu đỡ gót cho Chơn thân để đưa đến châu Đức Chi Tôn nơi Ngọc Hư Cung.

**Khí trong trẻo dường như băng tuyết,
Thần im ìm dường nét thiếu quang.**

Khí Thần 氣神: Là hai trong ba thể Tam bửu của con người. Tinh là xác thân đã bị giải thể, khí là Chơn thân và thần là Chơn linh.

Băng tuyết 冰雪: Giá và tuyết. Chỉ sự trong sạch.

Im ìm: Im lặng.

Thiếu quang 韶光: Ánh sáng tốt đẹp. Ánh sáng mùa xuân.

Câu 9: Chơn thân trong suốt và tinh khiết như là băng giá.

Câu 10: Chơn linh lặng lẽ im ìm dường như ánh sáng mùa xuân đẹp.

Chơn thân và Chơn linh của người tu hành khi thoát khỏi hình hài trọng trước nơi thế gian rồi, Chơn thân là một thể khí trong sạch như băng tuyết và đặng nhẹ nhàng thanh thoát, cùng với Thần hay Chơn linh là một lần ánh sáng đẹp đẽ, im ìm, cả hai đều cùng trở về với cõi Hư linh, tức cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

*Xa chừng thế giới Địa hoàn,
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng.*

Xa chừng: Xa độ khoảng.

Địa hoàn 地環: Khắp cả trái đất. Chỉ Địa cầu.

Cõi Thiên đẹp thấy: Thấy được cõi Thiêng Liêng đẹp đẽ.

Cao thẳng 高升: Thăng lên cao.

Câu 11: Chơn thần đã bay khá xa với thế giới của Địa cầu này.

Câu 12: Thấy được cõi Thiêng Liêng đẹp đẽ, nên Chơn thần nhẹ nhàng thăng lên cao.

THIÊN THỨ TƯ KINH ĐỆ TAM CỬU

I.- KINH VĂN

*Cõi Thanh Thiên lên miền Bồng Đảo,
Động Thiên Thai bầy Lão đón đường,
Cam Lộ rưới giọt nhành dương,
Thất tình lục dục như đường tiêu tan.*

*Cung Đẩu Tốt nhật khoan tiếng nhạc,
Đệ lĩnh bài cánh hạc đưa linh.
Tiêu thiếu lấp tiếng dục tình,
Bờ dương bóng phụng đưa mình nâng thân.*

*Cung Như Ý Lão Quân tiếp khách,
Hội Thánh minh giao sách Trường xuân.
Thanh quang rõ rõ đòi ngàn,
Chơn hôn khoái lạc lên đàng vọng Thiên.*

TAM NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Tam Cửu do Tam Nương Điều Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tam Nương Điều Trì Cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ ba trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Tam Nương mặc áo màu xanh, ngồi bên phải Đức Phật Mẫu, tay cầm bửu pháp là Quạt Long Tu.

Tam Nương có nhiệm vụ tiếp dẫn Chơn hôn lên tầng Trời Thanh Thiên, để được rưới nước Cam Lộ cho

tiêu thất tình lục dục hầu vào Cung Như Ý bái kiến Thái Thượng Lão Quân. Sau đó, đưa Chơn hồn đến Hội Thánh Minh học sách Trường Xuân để Chơn hồn có thể tiếp tục lên cõi Huỳnh Thiên.

III.- CHÚ GIẢI

Cõi Thanh Thiên lên miền Bồng Đảo,

Động Thiên Thai bầy Lão đón đường,

Thanh Thiên 青天: Là một tầng Trời trong Cửu Trùng Thiên, có ánh sáng màu xanh.

Bồng Đảo 蓬島: Đảo Bồng Lai 蓬萊, một hòn đảo có Tiên ở.

Tương truyền Biển Bột Hải 勃海 có nước rất yếu ớt, không đỡ nổi một hột cải, nên được gọi là Nhược thủy 弱水. Biển này có ba hòn đảo:

– **Bồng Đảo** 蓬島, trên đó có một ngọn núi gọi là Bồng Lai 蓬萊 hay Bồng Sơn 蓬山. Núi này là nơi tu luyện của Bát Tiên.

– **Doanh Đảo** 瀛島 hay Doanh Châu 瀛洲.

– **Phương Đảo** 芳島, Phương Châu 芳洲 hay Phương Trượng 芳丈.

Thiên Thai 天台: Tên một ngọn núi có Tiên ở.

Đời nhà Đông Hán 東漢 có Lưu Thần 劉晨 và Nguyễn Triệu 阮肇 vào hái thuốc ở núi Thiên Thai bị lạc, gặp hai nàng Tiên nữ kết làm vợ chồng, được nửa năm nhớ quê nhà, xin trở về thăm. Về đến nhà thì đã quá bảy đời người, tức là các con và cháu đến đời thứ bảy rồi.

Sau hai người Lưu, Nguyễn lại tìm trở vào núi và

mất tích nơi ấy.

Bảy Lão: Đây chỉ bảy vị Tiên Ông, có lẽ tu luyện ở núi Bồng Lai, đó là Lý Thiết Quài, Hồn Chung Ly, Lữ Đồng Tân, Trương Quả Lão, Hàn Tương Tử, Lâm Thái Hòa và Tào Quốc Cự. Thực ra đây là Bát Tiên, trong đó có bảy Tiên Ông và một vị nữ Tiên là Hà Tiên Cô.

Có thuyết cho rằng bảy Lão là Trúc Lâm Thất Hiền đời nhà Tấn bên Trung Hoa. Bảy Ông Hiền là Nguyễn Tịch, Kê Khang, Hướng Tú, Lưu Linh, Sơn Đào, Nguyễn Hàm và Vương Nhung. Thuyết này e rằng không đạt ý Kinh. Bởi vì nơi đây là cõi Bồng Lai và Thất Hiền chỉ là các vị ẩn sĩ sống theo lối tự nhiên theo triết lý Lão Trang, được xã hội thời bấy giờ xưng tụng là bảy Hiền sĩ, gọi Trúc Lâm Thất Hiền. Lại nữa, không thấy Kinh sách nói Thất hiền tu luyện đạt thành quả vị Tiên.

Theo Kinh, bảy Lão trong Động Thiên Thai phải là bảy vị Tiên đã đắc Đạo đến để đón rước Chơn linh. Như thế, theo thiển ý, đó phải là bảy vị Tiên Ông trong Bát Tiên, là những vị Tiên có sứ mạng trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Như ta biết, ba vị Thiên sứ khai nền Đại Đạo chính là Chơn linh cao trọng trong Bát Tiên: Đức Quyền Giáo Tông là Chơn linh của Lý Thiết Quài, Đức Thượng Phẩm là Chơn linh của Hồn Chung Ly, Đức Thượng Sanh là Chơn linh của Lữ Đồng Tân.....

Câu 1: Từ cõi Trời Thanh Thiên đi lên miền Bồng Lai Tiên cảnh.

Câu 2: Nơi Động Thiên Thai có bảy vị Tiên Ông đón tiếp Chơn linh.

Cam Lộ rưới giọt nhánh dương,

Thất tình lục dục như đường tiêu tan,

Cam Lộ: Hay Cam Lộ 甘露: Một thứ nước huyền diệu do các Đấng Tiên Phật luyện thành.

Nước Cam Lộ được đựng trong Tịnh Bình của Đức Quan Âm Bồ Tát.

Theo Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, nơi Lôi Âm Tự có một cây dương bao trùm cả Lôi Âm, mỗi chót lá của nhánh dương có một giọt sương. Một giọt sương là một sanh mạng của con người. Hễ giọt sương ấy rơi thì con người phải tuyệt. Vậy phải đến Lôi Âm Tự lấy nước Cam Lộ.

Nhưng may duyên thay! Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, nhờ đại ân xá của Đức Chí Tôn, Đạo Cao Đài cũng có được nước Cam Lộ để trừ bỏ trước kiếp, oan nghiệt tội chướng, bằng bí pháp luyện Cam Lộ Thủy.

Rưới giọt: Rãi từng giọt xuống.

Nhánh dương: Nhánh dương liễu.

Thất tình lục dục: Xem chú thích nơi bài Cầu Hồn Khi Hấp Hối.

Câu 3: *Nhánh dương liễu nhúng vào nước Cam Lộ của các Đấng Thiêng Liêng.*

Câu 4: *Rãi lên Chơn thần từng giọt để làm tiêu tan thất tình lục dục.*

Ý nghĩa hai câu Kinh này gợi cho ta suy nghĩ: Có lẽ nhờ hưởng bí pháp “*Đoạn căn*”, tức là dùng nhánh dương liễu nhúng vào nước Cam Lộ (do Chúc sắc hành pháp) để rưới tắt dục tình của Chơn thần, nên Chơn linh mới đến đặng cõi Thanh Thiên.

***Cung Đẩu Tốt nhật khoan tiếng nhạc,
Đệ lệnh bài cánh hạc đưa linh.***

Cung Đẩu Tốt: Tức là Đẩu Suất Thiên Cung 兜率天宮 của Đức Thái Thượng Lão Quân.

Nhật khoan: Lúc nhanh lúc chậm.

Tiếng nhạc: Âm thanh như điệu nhạc.

Đệ 遞: Theo thứ tự mà truyền đi, hoặc thay lượt mà chuyển đi. Ví dụ: Đệ trình 遞呈: Trình lên cấp trên.

Lệnh bài 令牌: Thẻ ra lệnh, cái thẻ bài của cấp trên cấp cho để truyền hiệu lệnh.

Cánh hạc: Chim hạc.

Đưa linh: Đưa linh hồn đi.

Câu 5: *Tiếng nhạc khi nhanh khi chậm vang từ Đẩu Suất Thiên Cung.*

Tiếng nhạc từ Đẩu Suất Thiên Cung, nhật khoan vang vọng ra xa xa, âm thanh du dương, réo rắt. Đây bên Phật gọi là Thiên nhạc.

Theo Kinh Di Đà, cõi Cực Lạc cũng có Thiên nhạc. (Kinh viết: Bỉ Phật Quốc độ thường tác Thiên nhạc...nghĩa là Cõi nước Phật thường trỗi Thiên nhạc...). Thiên nhạc có hai loại:

Chư Thiên chi nhạc: Tức là các loại âm nhạc do chư Thiên trong tam giới thường diễn tấu lên để cúng dường Đức Phật.

Thiên nhiên nhạc: Nghĩa là loại âm nhạc tự nhiên vang ra thành tiếng. Như Kinh Đại Bản nói: “*Cũng tự nhiên có vạn thứ âm nhạc, không tiếng nhạc nào là không*

thanh tịnh, trong trẻo, thông suốt, vi diệu, trong sáng, thanh nhã, hết thấy các thứ âm thanh trong thế gian chẳng sánh được nổi”.

Câu 6: Được lệnh bài thi chim hạc đưa chơn linh lên.

*Tiêu thiếu lấp tiếng đục tình,
Bờ dương bóng phụng đưa mình nâng thân.*

Tiêu thiếu 簫韶: Tiêu là ống tiêu, thiếu là sáng đẹp, vẻ vang. Tiêu thiếu là tên một khúc nhạc trong đời vua Ngũ Thuấn, một khúc nhạc dạy dân phải có lòng chính đính, cao thượng, không tà đại dâm loạn.

Theo Thiên Thuấn Điển trong Kinh Thư, khi vừa mới lên ngôi, vua Thuấn dạy ông Quỷ夔 về nhạc như sau: Thấy Quỷ! Ta sai người giữ âm nhạc, dạy các con trưởng từ con vua đến con quan Khanh nên chính trực mà ôn hòa, khoan dung mà hơi gắt, cương nghị mà không tàn ngược, giản dị mà không ngạo mạn. Cách dạy nên tham về âm nhạc. Thơ để bày tỏ chí khí, bài ca vịnh ngôn, thanh nương theo vịnh, luật hòa với thanh. Bát âm đều hòa hiệp rồi, không chen lấn nhau, cho nên dùng vào việc tế tự, quỷ thần cùng người đều hòa cả.

Ông Quỷ thưa rằng: Ôi! Tôi đánh và vỗ vào đá ra tiếng âm nhạc, trăm loài thú đều kéo nhau đến nhảy múa.

(Quỳ! Mệnh nữ điển nhạc, giáo trụ tử. Trực nhi ôn. Khoan nhi lật. Cương nhi vô ngược. Giản nhi vô ngạo. Thi ngôn chí. Ca vịnh ngôn. Thanh y vịnh. Luật hòa thanh. Bát âm khắc hài, vô tương đoạt luân, thần nhân dĩ hòa. Quỳ viết: Ủ! Dư kích thạch, phụ thạch, bách thú suất vũ.夔! 命汝典樂,教胄子.直而溫寬而栗剛而無虐簡而無傲.詩言志歌詠言聲依詠律

和聲。八音克諧無相奪倫神人以和。

夔曰：於！予擊石拊石百獸率舞。

Kinh Thư có dẫn: Khi nhạc Tiêu thiếu tấu đến khúc thứ 9 thì chim phượng hoàng đến múa, coi có vẻ uy nghi (Tiêu thiếu cửu thành, phụng hoàng lai nghi 簫韶九成, 鳳凰來儀).

Như vậy, Tiêu thiếu là khúc nhạc hay, có thể khiến người nghe xong tâm hồn trở nên chính đính, thanh cao.

Bờ dương: Do chữ dương bạn 楊畔, là một dải bờ trồng hàng dương liễu. Cây dương không nhiễm bụi trần, nên bờ dương thường được ví là bờ đạo đức hay bờ giác ngộ.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có bài thi như sau:

*Ký thành một cuốn gọi Thiên thơ,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.
May bước phải gìn cho mạnh chí,
Năm đuôi phụng đến dương bờ.*

Câu 7: Khúc nhạc Tiêu thiếu ngăn lấp bớt mối dục tình.

Câu 8: Chim phụng hoàng đưa Chơn thần đi vào bờ đạo đức.

**Cung Như Ý Lão Quân tiếp khách,
Hội Thánh Minh giao sách Trường xuân.**

Cung Như Ý: Hay Như Ý Cung 如意宮, cung của Đức Thái Thượng Lão Quân.

Lão Quân 老君: Tức Thái Thượng Đạo Tổ.

Hội Thánh Minh: Một phiên hội chư Thánh, chư Tiên do Đức Thái Thượng Đạo Quân tổ chức nơi cung

Như Ý.

Câu 9: Nơi cung Như Ý, Đức Thái Thượng Đạo Tổ tiếp chư Thánh Tiên.

Câu 10: Và trong Hội Thánh Minh, Đức Ngài giao cho Chơn linh quyền Trường xuân sách đặng qua cõi Huỳnh Thiên.

*Thanh quang rõ rõ đòi ngàn,
Chơn thần khoái lạc lên đàng vọng Thiên.*

Thanh quang 青光: Ánh sáng màu xanh.

Rõ rõ: Sáng ngời, rực rỡ.

Đòi ngàn: Rừng núi trùng điệp.

Vọng Thiên 望天: Trông ngóng vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Khoái lạc 快樂: Vui vẻ.

Câu 11: Ánh sáng màu xanh rực rỡ soi khắp núi rừng trùng điệp.

Câu 12: Chơn hồn sung sướng vui vẻ lên đường mà trông ngóng về cõi Thiêng Liêng.

THIÊN THỨ NĂM KINH ĐỆ TỨ CỬU

I.- KINH VĂN

Sắc huỳnh chiếu roi vàng đường hạc,
Cõi Huỳnh Thiên nhẹ thoát chơn Tiên,
Năm Rồng đỡ nổi đầu thuyền,
Vào cung Tuyết Khổ kiến Huyền Thiên Quân.

Trừ quái khí roi thần chớp nhoáng,
Bộ Lô Công giải tán trước quang.
Cửa lầu Bát Quái chun ngang,
Hỏa Tinh Tam Muội thiêu tàn oan gia.

Đạp Thái Sơn nhẩy qua Đầu Suất,
Vịn Kim Câu đến chực Thiên Môn.
Chơn thần đã nhập Càn khôn,
Thâu quyền độ thể bảo tôn chúng sanh.

TỬ NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Tứ Cửu do Tử Nương Điều Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tử nương Điều Trì cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ tư trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Tử Nương mặc áo màu đỏ, ngồi bên mặt Đức Phật Mẫu, tay cầm Kim Bàng.

Tử Nương có nhiệm vụ tiếp dẫn các Chơn hồn lên tầng Trời Huỳnh Thiên, nhờ thuyền rồng ngũ sắc đưa vào Cung Tuyết Khổ yết kiến Đức Huyền Thiên Quân, diu

Chờn hôn chun ngang Bát quái, thiêu hết oan gia nghiệt chướng, để được nhẹ nhàng lên núi Thái Sơn, qua cung Đâu Suất, cõi Kim mao hầu về cõi Xích thiên.

III.- CHÚ GIẢI

*Sắc huỳnh chiếu roi vàng đường hạc,
Cõi Huỳnh Thiên nhẹ thoát chơn Tiên,*

Sắc huỳnh: Hay Huỳnh sắc 黄色 là màu vàng.

Chiếu 照: Soi, rọi.

Roi: Lưu dấu.

Đường hạc: Đường bay của chim hạc.

Huỳnh Thiên 黄天: Một tầng trời có ánh sáng màu vàng.

Nhẹ thoát chơn Tiên: Bước chơn Tiên đi một cách nhẹ nhàng thanh thoát.

Câu 1: *Sắc màu vàng chiếu sáng trên đường bay của chim hạc.*

Câu 2: *Trên cõi Huỳnh Thiên bước chân Tiên đi một cách nhẹ nhàng thanh thoát.*

*Năm rồng đỡ nổi đầu thuyền,
Vào cung Tuyệt khổ kiến Huyền Thiên Quân.*

Năm rồng: Năm con rồng.

Đỡ nổi: Chống đỡ cho nổi lên.

Cung Tuyệt khổ: Hay Tuyệt Khổ Cung 絕苦宮, một cung ở tầng Huỳnh Thiên.

Kiến 見: Tức là bái kiến.

Huyền Thiên Quân 玄天君: Là một Đấng Thiêng Liêng nơi Cung Tuyết Khổ.

Câu 3: *Thuyền có năm con rồng đỡ đầu chiếc thuyền nổi lên.*

Câu 4: *Đưa Chơn hỗn vào cung Tuyết Khổ để bái kiến Đức Huyền Thiên Quân.*

**Trừ quái khí roi thần chớp nhoáng,
Bộ Lôi Công giải tán trước quang.**

Quái khí 怪氣: Một thứ khí có hại như tà khí.

Roi thần: Cây roi thần diệu.

Chớp nhoáng: Tia chớp lóe sáng.

Bộ Lôi công: Hay Lôi công bộ 雷公部: Bộ coi về sấm sét.

Giải tán 解散: Làm cho tiêu tan hết.

Trước quang 濁光: Ánh sáng uest trước, khí uest trước.

Câu 5: *Ánh sáng chớp nhoáng của roi thần lóe lên để trừ tà khí của Chơn thần.*

Câu 6: *Thần sấm sét trong bộ Lôi công trừ tiêu tan hết những trước quang.*

Con người chịu biết bao nhiêu kiếp luân hồi sanh tử, nên trước khí ở cõi thể gian đã thâm nhiễm vào Chơn linh như Kinh Giải Oan đã viết:

**Dòng khổ hải hằng chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.**

Vì vậy, khi Chơn hỗn về đến cõi Huỳnh Thiên thì được Lôi thần dùng roi Thiêng liêng để trừ tà khí và giải

tán những uế trước đã ô nhiễm vào Chơn thân. Đó cũng là một bí pháp giúp cho Chơn hồn có tu được tiếp tục đi lên những cõi Thiêng Liêng khác.

***Cửa lầu Bát Quái chun ngang,
Hỏa Tinh Tam Muội thiêu tàn oan gia.***

Lầu Bát Quái: Hay Bát Quái Lâu 八卦樓: Một cái lầu hình Bát Quái nơi cõi Thiêng liêng. (Xem chú giải về Bát Quái Đài ở phần trên).

Chun ngang: Chui ngang qua.

Hỏa tinh 火星: Sao Hỏa. Theo ý nghĩa câu kinh, đây chỉ về lửa.

Tam muội 三昧: Lửa Tam Muội, một loại lửa được luyện bằng cách lấy chơn hỏa của ngũ hành trong cơ thể con người mà luyện thành.

Thiêu tàn 燒殘: Đốt cháy sạch hết.

Câu 7: Đến tầng Trời này Chơn hồn phải đi ngang qua cửa lầu Bát Quái nơi cõi Thiêng Liêng.

Câu 8: Nhờ vậy các đấng Thiêng Liêng mới dùng lửa Tam muội để đốt tiêu hết các oan gia nghiệp chướng.

Đạp Thái Sơn nhảy qua Đâu Suất,

Vịn Kim Câu đến chực Thiên Môn.

Thái Sơn 太山: Một ngọn núi ở cõi Huỳnh Thiên.

Đâu Suất 兜率: Tức Đâu Suất Thiên Cung 兜率天宮, một cung của Đức Thái Thượng Lão Quân.

Kim câu 金拘: Là một cái lịnh bài bằng vàng dùng để điều khiển chư Thiêng Liêng. Nếu một Chơn hồn được Kim câu bài thì có thể vào Thiên môn.

Thiên môn 天門: Cửa Trời.

Câu 9: Đến được cõi giới này, Chơn hồn có thể từ núi Thái Sơn mà đi qua Đâu Suất Thiên Cung của Đức Thái Thượng.

Câu 10: Được thẻ lệnh gọi là Kim Câu Bài của Đức Thái Thượng Lão Quân cấp cho thì Chơn hồn mới đi đến cửa Trời một cách dễ dàng.

**Chơn thần đã nhập Càn khôn,
Thâu quyền độ thế bảo tồn chúng sanh.**

Nhập 入: Vô, vào.

Càn Khôn 乾坤: Tức là Càn khôn Vũ trụ hay Trời đất.

Độ thế 度世: Cứu giúp đời.

Bảo tồn 保存: Giữ gìn cho còn mãi.

Câu 11: Đến cõi giới này, khi Chơn thần được đặc đạo thì có thể xuất nhập vào Càn khôn Vũ trụ.

Câu 12: Chơn thần được quyền nhập vào cõi thế để cứu giúp người đời hầu bảo tồn vạn linh, sanh chúng.

THIÊN THỨ SÁU KINH ĐỆ NGŨ CỬU

I.- KINH VĂN

*Ánh hồng chiếu đường mây rõ rõ,
Cõi Xích Thiên vợi mở ải quan.
Thiên Quân điều động linh phan,
Cả miền Thánh vức nhận nhàn tiếp nghinh.
Đài Chiếu giám cảnh minh nhẹ bước,
Xem rõ ràng tội phước căn sinh.
Lân vào cung Ngọc Diệt Hình,
Khai kinh Vô Tự đặng nhìn quả duyên.
Đắc văn sách thông Thiên định Địa,
Phép huyền công trụ nghĩa hóa thân.
Kỳ kim quang kiến Lão Quân,
Dựa xe Như Ý oai thần tiễn thẳng.*

NGŨ NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Ngũ Cửu do Ngũ Nương Điều Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngũ Nương Điều Trì Cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ năm trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Ngũ Nương mặc áo màu đỏ, ngồi bên trái Đức Phật Mẫu, tay cầm cây Như Ý.

Ngũ Nương Điều Trì Cung có nhiệm vụ tiếp dẫn Chơn hồn đến tầng Xích Thiên, đưa Chơn hồn đến đài

Chiếu Giám để xem rõ những hành vi tội phước của mình nơi thế gian, rồi tiếp tục dẫn đến khai Kinh Vô Tự đặng thấy được quả duyên của mình. Sau đó, nhờ xe Như Ý đưa Chơn hồn tiếp lên tầng Trời trên.

III.- CHÚ GIẢI

Ánh hồng chiếu đường mây rõ rõ,

Cõi Xích Thiên vội mở ải quan.

Ánh hồng chiếu: Ánh sáng màu hồng rọi chiếu.

Đường mây: Mây làm thành đường đi.

Rõ rõ: Rực rỡ, sáng chói.

Xích Thiên 赤天: Tầng Trời có màu hồng. Tầng Trời này tắt cả ánh sáng đều màu hồng.

Vội mở: Vội vàng mở ra.

Ái quan: Hay quan ải 關隘: Chỗ đất hiểm trở ở nơi biên giới hai nước. Ở đây chỉ cái cổng vào nơi cõi Xích Thiên.

Câu 1: Chơn hồn đi trên mây có ánh sáng màu hồng chiếu rực rỡ.

Câu 2: Đến tầng Xích Thiên thì cửa ải vội vàng mở ra để tiếp rước Chơn hồn.

Thiên Quân diêu động linh phan,

Cả miền Thánh vực nhộn nhàng tiếp nghinh.

Thiên quân 天軍: Hay là Thiên binh, Thiên tướng, tức chỉ những binh tướng nơi cõi Thiêng Liêng.

Diêu động 搖動: Hay dao động: Lung lay, đưa qua đưa lại.

Linh phan 靈幡: Cây phướn linh.

Thánh vực: Hay Thánh vực 聖域: Vùng đất Thánh, chỉ cả vùng nơi Xích Thiên.

Nhộn nhàng: Rộn rịp.

Tiếp nghinh 接迎: Đón tiếp.

Câu 3: *Vị Thiên quân lay động phát cây phướn linh để chào đón một Chơn hồn về cõi Xích Thiên.*

Câu 4: *Miền đất Thánh Thiêng Liêng đang nhộn nhịp tiếp đón một Chơn hồn về từ cõi địa hoàn.*

Đài Chiếu giám cảnh minh nhẹ bước,

Xem rõ ràng tội phước căn sinh.

Đài chiếu giám: Hay Chiếu giám đài 照鑑臺: Cái đài có đặt một tấm gương để soi rọi tội phước. Tấm gương đó gọi là Minh cảnh 明鏡 nghĩa là gương sáng, dùng để soi rọi các Chơn hồn khi thác xuống thấy đặng những hành vi thiện ác trong kiếp sống nơi cõi thể gian. Đài này còn gọi là Minh cảnh đài 明鏡臺.

Trong Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp nói về Minh Cảnh Đài như sau: “*Trước mặt chúng ta, chúng ta thấy khi trước chúng ta làm những việc gì, nay nó sẽ chiếu lại cho xem chẳng khác gì mình xem tuồng hát bóng vậy. Mỗi khi mình hành động gì trong kiếp sanh khi xưa, hôm nay đều ngó thấy trước mặt, và cây cân công bình ấy tùy theo nên hư, tội phước mà hiện tượng ra hết thấy, quyết đoán một cách công bình, không sai chút nào hết. Phải chăng đó là huyền bí của Tòa Thiêng Liêng ấy*”.

Xem rõ ràng tội phước: Những phước đức và tội lỗi của một con người tạo ra ở nơi thể gian sẽ được lập lại

khi Chơn hồn đứng soi trước Minh cảnh đài một cách rõ ràng, y hệt như cuốn phim quay lại các sự việc.

Căn sinh 根生: Những lời nói hay hành vi thiện ác tạo thành cái gốc rễ trong kiếp sống nơi thế gian.

Câu 5: Về đến cõi này, Chơn hồn nhẹ nhàng bước đến đài Chiếu Giám (Minh cảnh đài).

Câu 6: Bao nhiêu tội phước mà Chơn hồn đã gây ra suốt kiếp sống nơi cõi trần đều được xem lại một cách rõ ràng trong gương Minh cảnh.

**Lần vào cung Ngọc Diệt Hình,
Khai kinh Vô Tự dạng nhìn quả duyên.**

Lần vào: Lần lần đi vào trong.

Cung Ngọc Diệt Hình: Hay Ngọc Diệt Hình Cung 玉滅形宮: Một Cung diệt bỏ hết hình tướng nơi từng Trời Xích Thiên. Trong đó có Kinh Vô Tự.

Kinh Vô Tự 無字經: Là một quyển Kinh, trong ấy không có chữ viết. Khi Chơn hồn đến cõi này, đi vào trong Cung Ngọc Diệt Hình để mở quyển Kinh Vô Tự ra xem thì chữ viết hiện ra ghi rõ lý lịch và những hành vi thiện ác của Chơn hồn trong kiếp đương sanh ở nơi cõi trần.

Trong Thiêng Liêng Hằng Sống, đêm 26-1-năm Kỷ Sửu (23.2.1949), Đức Hộ Pháp nói về quyển Kinh Vô Tự như sau: “... Chúng ta đến một Cung có một quyển sách Thiên Thơ để trước mặt ta, dỡ ra xem thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì thì trong quyển Thiên Thơ ấy nó hiện tượng ra hết; chúng ta tự xử chúng ta, mình làm tòa để xử mình, hoặc mình phải đầu kiếp hay là đoạt đến địa vị nào, mình đứng đến mức nào thì cũng do mình định đoạt lấy”.

Quả duyên 果緣: Cái kết quả đạt được do những nhân duyên mà ta đã tạo ra. Ví dụ được hạt lúa (Quả) là do cái nhân duyên mà ta làm như cày bừa, gieo mạ, phân, nước...(duyên)

Câu 7: Chơn hồn đi lần lần vào trong Cung Ngọc Diệt Hình.

Câu 8: Mở quyển Kinh Vô Tự tức là quyển kinh không chữ viết để xem quả duyên của mình.

Đắc văn sách thông Thiên định Địa,

Phép huyền công trụ nghĩa hóa thân.

Đắc văn sách 得文冊: Được một quyển sách.

Thông Thiên định Địa 通天定地: Thông hiểu và định đoạt được các việc trong Trời đất.

Phép huyền công: Phép tắc do công phu tu luyện được có thể biến hóa một cách thần diệu.

Trụ nghĩa 住義: Đứng vào những điều nghĩa, tức là ở trong vòng những điều đúng theo đạo lý.

Hóa thân 化身: Dùng phép thuật huyền diệu để biến hóa thân mình.

Câu 9: Đến đây, Chơn hồn sẽ được một quyển sách Thiêng Liêng, trong đó dạy thông suốt và định đoạt về các việc Trời đất.

Câu 10: Đạt được phép huyền công biến hóa thân mình để hành xử những điều nghĩa.

Kỳ kim quang kiến Lão Quân,

Dựa xe Như Ý oai thần tiên thẳng.

Kỳ 騎: Cỡi.

Kim quang 金光: Làn ánh sáng màu vàng, hay hào quang màu vàng.

Kiến Lão Quân 見老君: Bái kiến Đức Thái Thượng Lão Quân.

Dựa: Nương vào, cậy vào.

Xe Như Ý: Hay Như Ý xa 如意車: Xe Như ý của Đức Thái Thượng Lão Quân. Xe này có thể đến bất kỳ nơi đâu theo ý muốn.

Oai thần: Hay thần uy 神威: Cái oai linh thần diệu.

Tiến thăng 餞升: Đưa tiễn bay lên cao.

Câu 11: Chon thân được cỡi lên hào quang màu vàng để đưa đi bái kiến Đức Thái Thượng Lão Quân.

Câu 12: Nương vào xe Như Ý, Chon hôn được đưa tiễn lên đến cỡi Kim Thiên, với oai nghi thần diệu.

THIÊN THỨ BẢY KINH ĐỆ LỤC CỬU

I.- KINH VĂN

*Bạch Y Quan mở dàng rước khách,
Côi Kim Thiên nhẹ tách Tiên xa.
Vào cung Vạn Pháp xem qua,
Cho tường cứu nghiệp mấy tòa Thiên nhiên,
Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngữ,
Lãnh Kim sa đặng dự Như Lai.
Minh Vương Khổng Tước cao bay.
Đem Chơn thần đến tận đài Huệ Hương.
Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh thể,
Trừ tiêu tàn ô uế sinh quang.
Thiên thiêu trời tiếng nhật khoan,
Đưa linh thăng đến Niết Bàn mới thôi.*

LỤC NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Lục Cửu do Lục Nương Điều Trì Cung giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Lục Nương Điều Trì Cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ sáu trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện tại Báo Ân Từ, Lục Nương mặc áo màu đỏ, ngồi bên mặt Đức Phật Mẫu, tay cầm phướn Tiêu Điều (hay phướn Truy Hồn).

Lục Nương có nhiệm vụ cầm phướn Truy Hồn tiếp dẫn các Chơn hồn lên tầng Kim Thiên, rồi đưa Chơn hồn

vào cung Vạn Pháp để xem lại cựu nghiệp của mình, tiếp tục vào cung Lập Khuyết xem lại ngôi xưa vị cũ, và được chim Khổng tước chở lên đài Huệ Hương khứ trừ trước khí rồi vào cõi Niết Bàn.

III.- CHÚ GIẢI

*Bạch Y Quan mở đường rước khách,
Cõi Kim Thiên nhẹ tách Tiên xa.*

Bạch Y Quan 白衣冠: Một miền nơi cõi Kim Thiên có ánh sáng đều màu trắng.

Mở đường rước khách: Khai mở con đường để tiếp rước khách.

Nhẹ nhàng rời khỏi.

Tiên xa 仙車: Chiếc xe Tiên.

Câu 1: Nơi miền Bạch Y Quan đường vào cửa được mở ra để sẵn sàng tiếp rước khách.

Câu 2: Chon hồn nhẹ nhàng rời khỏi chiếc xe Tiên để đi vào cõi Kim Thiên.

*Vào cung Vạn Pháp xem qua,
Cho tường cựu nghiệp mấy tòa Thiên nhiên,*

Cung Vạn Pháp: Hay Vạn Pháp Cung 萬法宮, là một cung nơi tầng Kim Thiên.

Tường 詳: Biết rõ.

Cựu nghiệp 舊業: Sự nghiệp cũ, tức là tất cả những sự nghiệp do nhiều kiếp sống trước đã tạo ra.

Tòa thiên nhiên: Thiên nhiên tọa 天然座: Nghĩa là một cái tòa tự nhiên, tức là ngôi vị do nhiều kiếp trước

ở nơi thế gian mình tạo công đức mà được. Ngôi vị này cao hay thấp là do công đức mình làm trong kiếp sanh nhiều hay ít.

Câu 3-4: Đến cõi Kim Thiên, Chơn hồn được đưa vào Cung Vạn Pháp để xem cho biết sự nghiệp cũ của mình tạo nơi thế gian được ngôi thiên nhiên cao hay thấp.

Theo ý nghĩa Kinh, Chơn hồn đến tầng Kim Thiên rồi được đưa vào cung Vạn Pháp, một cung huyền diệu, thiên biến vạn hóa, nơi đó hiện ra cho thấy những tòa Thiên nhiên, tức là những ngôi vị đã định sẵn do duyên nghiệp mà Chơn hồn tạo lập từ trước hay kiếp sanh vừa qua trên cõi thế gian.

**Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngự,
Lãnh Kim sa đặng dự Như Lai.**

Cung Lập Khuyết 立闕宮: Một cung nơi cõi Kim Thiên.

Tìm duyên: Noi theo ngôi vị cũ mà tìm về.

Định ngự: Ý định ngôi lên.

Lãnh: Tiếp nhận.

Kim sa 金沙: Hạt cát vàng. Đây là phép của Đức Phật, tượng trưng cho hiệu lệnh mà mỗi Chơn hồn phải đến lãnh để được gặp Đức Như Lai.

Đặng dự: Được tham dự.

Như Lai 如來: Theo Kinh Kim Cương, Như Lai là bậc không từ đâu mà tới và cũng sẽ không đi tới đâu. Như Lai từ Chân như tới và sẽ đi về chân như.

Như Lai là một trong mười danh hiệu Phật để chỉ

bạc giác ngộ viên mãn.

Câu 5: Chơn hôn vào Cung Lập Khuyết tìm lại ngôi vị cũ để được ngự lên.

Câu 6: Chơn hôn đến lãnh Kim sa lệnh của Phật để được dự hội nghị Như Lai.

Minh Vương Khổng Tước cao bay.

Đem Chơn thần đến tận đài Huệ Hương.

Minh vương 明王: Chỉ các vị Tôn giả theo hầu đức Phật.

Khổng tước 孔雀: Chim công, giống như chim trĩ: Thân dài hơn ba thước, cánh ngắn nhỏ, chim trống rực rỡ, hoa lệ. Lông đuôi cực dài, lúc xoè ra dựng lên như cái quạt lớn, sắc biếc, có những điểm vàng viền xanh, trông như những con mắt to. Giống chim này sống ở những nước thuộc nhiệt đới như Ấn Độ, Thái Lan...

Khổng tước là một loại điều thú của Chuẩn Đề Bồ Tát cõi. Nguyên căn là một con công, tu thành Tiên với tên là Khổng Tuyên, vào thời nhà Châu bên Trung Hoa. Sau được Đức Chuẩn Đề thu phục, làm một vị tôn giả cho Ngài và chở Ngài đi vân du các cõi.

Đài Huệ Hương 慧香臺: Một ngôi đài ngát thơm ở Tầng Kim Thiên.

Câu 7-8: Minh Vương Khổng Tước, vị sứ giả của Phật đến chở Chơn thần bay cao và đưa tận Đài Huệ Hương.

Mùi ngào ngạt thơm luôn Thánh thể,

Trừ tiêu tà ô ốế sinh quang.

Mùi ngào ngọt: Mùi thơm ngọt ngào.

Thánh thể 聖體: Thân thể hay hình hài thiêng liêng, tức chỉ Chơn thân.

Trừ tiêu tàn 除消殘: Diệt trừ cho tiêu mất.

Ô uế 污穢: Dơ bẩn.

Sinh quang 生光: Khí sinh quang, một chất khí bằng bạc trong Càn Khôn Vũ Trụ, tạo ra sinh khí và nuôi dưỡng cho vạn linh.

Câu 9: Vào Đài Huệ Hương, mùi ngào ngọt làm thơm luôn Thánh thể (tức Chơn thân).

Câu 10: Mùi thơm đó tiêu trừ hết được mùi ô uế trong khí sinh quang.

**Thiên thiêu trời tiếng nhật khoan,
Đưa linh thẳng đến Niết Bàn mới thôi.**

Thiên thiêu 天韶: Nhạc thiêu của Trời.

Trời tiếng: Âm thanh trời lên.

Nhật khoan: Khi nhanh khi chậm.

Đưa linh: Đưa chơn linh đi.

Niết bàn 涅槃: Cảnh giới giải thoát, cứu cánh của các bậc đã giác ngộ. Theo nghĩa tiêu cực, Niết bàn là hủy diệt sinh tử, hủy diệt thế giới dục vọng. Theo nghĩa tích cực, là cảnh giới của tâm giải thoát trọn vẹn hết tham sân si, an lạc, hạnh phúc.

Nhưng theo nghĩa Kinh, Niết bàn là chỉ cõi giới Phật.

Câu 11-12: Âm thanh khúc nhạc Thiên thiêu thổi lên khi nhanh khi chậm vang đến để đưa tiễn Chơn linh thẳng đến cõi Niết bàn mới thôi.

THIÊN THỨ TÁM KINH ĐỆ THẤT CỬU

I.- KINH VĂN

*Nhẹ phơ phới dôi dào không khí,
Hạo Nhiên Thiên đã chỉ môn quan.
Đẹp xinh cảnh vật đời ngàn,
Hào quang chiếu diệu khai đàn thăng Thiên.
Cung Chuông Pháp xây quyền Tạo hóa,
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.
Dà Lam dẫn nẻo Tây Qui,
Kim chung mở lối kịp kỳ kỳ sen.
Động Phổ Hiền Thần Tiên hội hiệp,
Dở Kim Cô đưa tiếp linh quang.
Im lìm kìa cõi Niết Bàn,
Lôi Âm trống thúc lên đàn Thượng Tiêu.*

THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Thất Cửu do Thất Nương Điều Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Thất Nương Điều Trì Cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ bảy trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Thất Nương mặc áo màu vàng, ngồi bên trái Đức Phật Mẫu, tay cầm Bông Sen.

Thất Nương được Phật Mẫu ban cho nhiệm vụ dùng văn chương thi phú để dìu dắt ba vị Đại Thiên phong phò

cơ là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang theo đường Đạo đức, rồi dẫn đến tiên khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngoài ra, Bà có nhiệm vụ tiếp dẫn các Chơn hồn lên tầng Trời Hạo Nhiên Thiên, rồi nhờ tu hành đắc quả, nên được đưa vào cung Chưởng Pháp bái kiến Chuẩn Đề Bồ Tát. Phật Đà Lam dẫn Chơn hồn về Tây Phương Cực Lạc, tức cõi Niết Bàn có trống Lô Âm thúc giục đưa tiễn đi.

III.- CHÚ GIẢI

*Nhẹ phơ phới dôi dào không khí,
Hạo Nhiên Thiên đã chí môn quan.*

Nhẹ phơ phới: Rất nhẹ nhàng.

Dôi dào: Nhiều.

Không khí 空氣: Đây không phải là khí thường mà là Hạo nhiên chi khí 浩然之氣, còn gọi là Hồn ngưng khí 混元氣 hay khí sinh quang 生光氣, là cái khí chất to lớn, sáng sủa trong bầu trời.

Hạo Nhiên Thiên 浩然天: Tầng Trời Hạo Nhiên do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát chưởng quản, nơi đây có cung Chưởng Pháp nắm về pháp luật, vì vậy trong Di Lạc Chơn Kinh gọi tầng Trời này là Hạo Nhiên Pháp Thiên 浩然法天.

Chí 至: Đến, tới.

Môn quan 門關: Cái cửa đi vào Hạo Nhiên Thiên.

Câu 1: Đến cõi này, Chơn hồn nhẹ nhàng bay trong bầu Trời chứa đầy nguyên khí.

Câu 2: Và đến tận cửa vào tầng trời Hạo Nhiên Thiên.

*Đẹp xinh cảnh vật đòi ngàn,
Hào quang chiếu diệu khai đường thẳng Thiên.*

Đẹp xinh: Xinh đẹp, tươi đẹp.

Đòi ngàn: Rất nhiều rừng núi, hay rừng núi chập chùng.

Hào quang 毫光: Ánh sáng rực rỡ được tỏa ra từ thân thể của các Đấng Tiên Phật hoặc các nơi Thiêng Liêng.

Chiếu diệu 照耀: Chiếu sáng rực rỡ.

Khai đường: Khai đường, mở đường.

Thẳng Thiên 升天: Bay lên Trời.

Câu 3: Đến từng Hạo Nhiên Thiên, Chơn hồn nhìn thấy cảnh vật rừng núi chập chồng rất nên xinh đẹp.

Câu 4: Ánh hào quang chiếu sáng rực rỡ mở ra một con đường bay lên cao.

*Cung Chưởng Pháp xây quyền Tạo hóa,
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.*

Cung Chưởng Pháp 掌法宮: Một Cung chưởng quản về pháp luật trong từng Hạo Nhiên Thiên. Vì thế, trong Di Lạc Chơn Kinh mới gọi tầng Trời này là *Hạo Nhiên Pháp Thiên*.

Xây quyền: Xây dựng quyền hành.

Tạo Hóa 造化: Sáng tạo và hóa sinh vạn vật trong Càn Khôn Vũ Trụ. Chỉ Đức Chí Tôn.

Kiến 見: Gặp, bái kiến.

Chuẩn Đề 準提: Theo Phật Giáo Bắc tông, Chuẩn

Đề là một hóa thân của Ngài Bồ Tát Quán Thế Âm, nên được gọi là Chuẩn Đề Quán Âm, Chuẩn Đề Phật Mẫu hay Thất Cu Chi Phật Mẫu.

Theo Thất Cu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh, thân vị Bồ Tát này có màu vàng trắng, ngồi kiết già trên đài sen, có hào quang tỏa sáng chung quanh, mình mặc thiên y, trên đầu có 3 mắt, đầu trang điểm ngọc Anh lạc, có 18 tay đều đeo vòng xuyên, hai tay chấp nơi ngực, hai tay để nơi bụng, còn 14 tay kia, mỗi bên bảy cánh tay đều có cầm bửu bối.

Chuẩn Đề Bồ Tát chuyên hộ trì Phật pháp và bảo hộ những chúng sanh có mạng sống ngắn ngủi để được thọ mạng dài lâu.

Căn cứ Di Lạc Chơn Kinh và Kinh Thất Cu Chi thì Đức Chuẩn Đề Bồ Tát chưởng quản từng Hạo Nhiên Thiên và ngự nơi Cung Chương Pháp.

Thạch xá 石舍: Ngọc thạch xá lợi.

Thân xác các bậc đắc đạo, sau khi chết rồi hỏa táng, xương cốt còn lại là những tinh thể tròn hạt, rắn chắc như viên đá sáng lóng lánh, cho nên người ta gọi những tinh thể đó là **thạch xá lợi** hay **ngọc xá lợi**.

Giải thi 解屍: Cởi bỏ hình thể, chết rồi.

Thạch xá giải thi: Nơi thế gian một con người tu hành đắc đạo, khi giải bỏ hình thể, hay hỏa táng thì sẽ được những viên ngọc đá xá lợi. Cho nên từ “**Thạch xá giải thi**” được dùng để chỉ sự đắc đạo.

Câu 5: *Cung Chương Pháp, là nơi chưởng quản về pháp luật, điều khiển Càn Khôn Vũ Trụ, xây dựng nên*

quyền của Tào Hóa.

Câu 6: Khi tu hành đắc Đạo, sau khi giải thể, Chơn linh đến cõi Hạo Nhiên Thiên sẽ được đến bái kiến Đức Chuẩn Đề.

***Dà Lam dẫn nẻo Tây Qui,
Kim chung mở lối kịp kỳ kỵ sen***

Dà Lam 伽藍: Hay Già Lam là phiên âm từ tiếng Phạn: Asharam nghĩa là khu vườn ngoại cảnh, hay chỉ Tịnh xá. Từ gọi chung chỉ chùa chiền, trung tâm tu học, thiền định.

Ngoài ra, Dà Lam còn dùng để chỉ ngôi vị Phật, gọi là *Phật Dà Lam*, có nhiệm vụ điều dắt các Chơn linh đắc đạo đến cõi Cực Lạc Thế Giới.

Nói về Quan Thánh Đế Quân đắc quả vị Phật, Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh ngày 23-7-1938 nói như sau: “Ngài giữ trọn Tam tạng: Trung, Nghĩa, Chánh trực công bình. Đến buổi Ngài qui vị thì dựng hiển Thánh, nhờ Phổ Tịnh Thiên Sư đến khai linh nên dựng phi thăng yết kiến Thượng Đế mới đắc hàng phẩm **Phật Dà Lam**”.

Dẫn nẻo: Dẫn dắt đường.

Tây Qui 西歸: Đi về hướng tây, tức là cõi Cực Lạc Thế Giới.

Kim chung 金鐘: Cái chuông vàng.

Mở lối: Mở đường.

Kịp kỳ: Cho kịp lúc.

Kỵ 騎: Cỡi lên, ngồi lên.

Kỵ sen: Cỡi lên bông sen Thiêng liêng.

Câu 7: Chơn linh được Đức Phật Đà Lam dẫn đường bay về hướng Tây Cực Lạc Thế Giới.

Câu 8: Tiếng chuông vàng ngân lên, mở đường cho Chơn linh kịp bước để theo Tòa sen Thần đưa đi.

***Động Phổ Hiền Thần Tiên hội hiệp,
Đỡ Kim Cô đưa tiếp linh quang.***

Động Phổ Hiền 普賢洞: Ngụ xứ của Đức Phổ Hiền Bồ Tát.

Phổ Hiền Bồ Tát 普賢菩薩: Dịch theo tiếng Phạn Tam Man Đa Bạt Đà La Bồ Tát 三曼多跋陀羅菩薩 (Samantabhadra Bodhisattva). Là một vị Bồ Tát lớn trong Phật Giáo Đại Thừa, tượng trưng cho Đức hạnh. Phổ Hiền có nghĩa là sự hiền đức phổ cập khắp nơi. Danh hiệu Ngài có nghĩa là “*Đại Hạnh*”, nghĩa là đức hạnh khắp tất cả pháp giới. Phổ Hiền là vị Bồ Tát chủ về Chân lý, về thiên định và hành vi của chư Phật. Trong các chùa, tượng của Ngài thường đặt bên phải tượng Phật Thích Ca, tay cầm ngọc như ý, cỡi trên voi trắng sáu ngà (tượng trưng cho lục độ hoặc vượt qua sự dính mắc của sáu giác quan).

Thích Ca Tam Tôn là chỉ ba tượng thờ gồm ở giữa là tượng Đức Phật Thích Ca, bên phải là tượng Đức Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà, tượng trưng cho chân lý, bên trái là tượng Đức Văn Thù Bồ Tát cỡi sư tử xanh, tượng trưng cho trí tuệ.

Bồ Tát Phổ Hiền có 10 điều nguyện lớn (Phổ Hiền Thập Nguyện).

Thần Tiên hội hiệp 神仙會合: Hội họp các Đấng Thần Tiên.

Kim cô 金箍: Cái vòng phép bằng vàng đặt lên đầu.

Trong truyện Tây Du, Tam Tạng không thể sai khiến được học trò là Tề Thiên Đại Thánh. Sau nhờ Quan Âm Bồ Tát đặt chiếc vòng Kim Cô lên đầu của Tề Thiên, nên Tam Tạng mới phục được học trò, bởi nếu Tề Thiên chẳng tuân lệnh thì Tam Tạng sẽ niệm Kim Cô chú, khiến phải đau đớn mà nghe theo.

Linh quang 靈光: Điểm Linh quang, tức là Chơn linh.

Câu 9: Nơi Động Phổ Hiền, chư Thần Tiên cùng nhau hội hiệp.

Câu 10: Dỡ cái Kim cô ra để Chơn linh tiếp tục bay đi.

Linh quang là điểm Chơn linh nhẹ nhàng, trong sạch được chiết ra từ Đại Linh quang của Thượng Đế. Nhưng bởi oan khiên, nghiệp quả, làm cho Chơn thần bị trọng trước trì níu, sai khiến Chơn linh, tỉ như vòng Kim cô trói buộc chặt Chơn linh vậy. Đến Hạo Nhiên Thiên, Chơn linh được các Đấng dỡ cái Kim cô, tức như cởi sự trói buộc để Linh quang được nhẹ nhàng mà tiếp tục bay lên.

Im lìm kia cõi Niết Bàn,

Lôi Âm trống thúc lên đàn Thượng Tiêu..

Im lìm kia cõi Niết Bàn: Niết Bàn có nghĩa là hư vô tịch diệt, nên là nơi thanh tịnh vắng lặng, tức im lìm, không tiếng động.

Lôi Âm trống: Tức Lôi Âm cổ 雷音鼓. Sở dĩ gọi tiếng trống Lôi Âm là vì âm thanh của tiếng trống kêu lớn như sấm sét.

Thúc: Thúc giục.

Thượng Tiêu 上霄^(*): Đi lên các tầng Trời.

Câu 11: Kia là cõi Niết Bàn hoàn toàn yên lặng.

Câu 12: Tiếng trống Lô Âm thúc giục Chơn hồn lên đường vào các tầng Trời.

THIÊN THỨ CHÍN KINH ĐỆ BÁT CỬU

I.- KINH VĂN

*Hơi Tiên tửu nức nồng thơm ngọt,
Phi Tướng Thiên để gót tôi nơi.
Mùi trần khi đã xa khơi,
Say sưa bầu khi bồi hồi chung phong.
Cung Tận Thức thân thông biến hóa,
Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng.
Cõi Kim Hâu đến Tịch San,
Đầu vân nương phép Niết Bàn đến xem.
Cung Diệt Bửu ngọc rềm đã xử,
Nghịch hữu hình tượng đủ vô vi.
Hô Tiên vội rót tức thì,
Nước Cam Lô rửa ai bi kiếp người.*

BÁT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Bát Cửu do Bát Nương Điều Trì Cung giáng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Bát Nương Điều Trì Cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ tám trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Bát Nương mặc áo màu vàng, ngồi bên mặt Đức Phật Mẫu, tay cầm Giỏ Hoa Lam.

Bát Nương có nhiệm vụ tiếp rước các Chơn hồn lên tầng Phi Tướng Thiên, đưa Chơn hồn vào Cung Tận Thức, qua núi Phổ Đà nhờ Từ Hàng Bồ Tát cho cõi Kim hâu bay

lên núi Tịch San để vào Cung Diệt Bữu. Chơn hồn còn được rưới nước Cam Lộ để tẩy sạch nỗi ai bi kiếp người.

III.- CHÚ GIẢI

*Hơi Tiên tửu nực nồng thơm ngọt,
Phi Tưởng Thiên để gót tới nơi.*

Tiên tửu 仙酒: Rượu Tiên.

Nực nồng: Nồng độ rượu bốc mạnh lên.

Thơm ngọt: Mùi thơm ngọt ngào.

Phi Tưởng Thiên 非想天: Theo Di Lạc Chơn Kinh, Phi Tưởng Thiên là một tầng Trời do Đức Từ Hàng Bồ Tát chứng quả.

Để gót: Đặt gót chân tới.

Câu 1: Chơn hồn vừa đến thì cảm nhận được hơi thơm tho ngọt ngào của rượu Tiên bốc mạnh lên.

Câu 2: Tầng Trời Phi Tưởng Thiên đã để gót chân đến nơi rồi.

*Mùi trần khi đã xa khơi,
Say sưa bầu khí bồi hồi chung phong.*

Mùi trần: Mùi vị cõi trần gian.

Thế nhân đã từng ném qua mùi vị cõi trần hay mùi đời, mỗi người cảm nhận khác nhau: Có người cho là cay đắng, lại có kẻ cho là chua cay, người lại cho rằng uế trước, hôi tanh... Trong Thánh Thi có bài viết:

*Mùi đời biết đắng lắm chua cay,
Cay đắng kiếp người khổ ở ai!
Ai dám xả thân hành chánh Đạo?*

Đạo mầu theo dõi hết trần ai.

Hoặc:

*Mùi đời đã nếm biết chua cay,
Giành dứt còn mong cây sức tài.
Nếu chẳng định tâm lo xét quấy.
Nhân tiên báo ứng dễ đâu sai.*

Hoặc:

*Thơm tho chi cũng vốn mùi đời,
Chưa kể dùng nên của để chơi.
Mua bán chọn lựa như buổi chợ,
Về nhà chưa tới đã qua đời.*

Đại Thừa Chơn Giáo viết:

*Mùi đời còn biết hôi tanh,
Thì đâu còn có giọt giành làm chi!*

Xa khơi: Xa xôi lắm.

Say sưa: Mê say, ngây ngất.

Bầu không khí: Bầu không khí.

Bồi hồi 徘徊: Bôn chôn, vơ vẩn.

Chung phong 鐘風: Chuông và gió. Ý nói gió thổi đưa tiếng chuông vang đến.

Câu 3: Mùi vị cõi trần gian, Chơn hồn đã đi khỏi rất xa.

Câu 4: Đến Phi Tướng Thiên thì say sưa ngây ngất với bầu không khí nức nồng mùi Tiên tửu và thấy bồi hồi khi nghe tiếng chuông được gió đưa lại.

Cung Tận Thúc thần thông biến hóa,

Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng.

Cung Tận Thức 盡識宮: Một cung nơi từng Phi Tưởng Thiên.

Thần thông biến hóa 神通變化: Do công phu tu luyện, người tu có thể đạt được thần thông, tức là có pháp thuật biến hóa rất huyền diệu.

Phổ Đà Sơn 普陀山: Là núi Phổ Đà, ngụ xứ của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Quán Thế Âm là vị Bồ Tát có lòng đại từ đại bi, ý muốn cứu khổ tất cả chúng sinh, Ngài lại là Đấng có phép thần thông biến hóa, nên lúc nào Ngài cũng có mặt ở khắp mọi nơi, mỗi khi có người thành tâm cầu nguyện. Vì thế, nhiều Kinh đã ký tải về nơi ngụ xứ của Ngài khác nhau:

Theo Kinh A Di Đà: Ngài ở Tây phương Tịnh độ.

Theo Kinh Hoa Nghiêm sơ: Ngài ở núi Bồ Đà Lạc ở biển Nam Hải.

Theo Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ: Ngài ở **núi Phổ Đà**, tỉnh Triết Giang Trung Quốc.

Giải quả 解果: Cởi bỏ cái quả kiếp.

Từ Hàng 慈航: Từ Hàng Bồ Tát.

Từ 慈: Từ bi.

Hàng 航: Chiếc thuyền.

Từ Hàng: Là chiếc thuyền từ bi.

Từ Hàng Bồ Tát là một vị Phật, nhưng vì lòng thương xót chúng sanh, nên Ngài vẫn giữ nhiệm vụ cứu khổ, tế độ sinh linh đang bị đọa trần. Vì thế, Danh hiệu Ngài được ví như chiếc thuyền từ bi cứu vớt người đưa qua biển khổ.

Mặc dầu là Phật vị, nhưng Ngài vẫn xưng danh hiệu Bồ Tát, hay Đạo Nhơn và nhiều lần chiết Chơn linh giáng phàm để cứu độ quần linh.

Trong thời nhị kỳ Phổ Độ, Từ Hàng Bồ Tát có giáng linh xuống làm hai vị nữ nhân là Thị Kính và Diệu Thiện, sau đó tu hành đắc quả thành Quan Âm Bồ Tát, hay Phật Bà Quan Âm. Trong Thánh giáo ngày 22-7-1926, Chí Tôn có cho biết: “Người gọi *Quan Âm* là *Nữ Phật Tông*, mà *Quan Âm* vốn là *Từ Hàng Đạo Nhơn* biến thân. *Từ Hàng* lại sanh ra lúc *Phong Thần* đời nhà *Thương*”.

Câu 5: Vào Cung Tận Thức, Chơn hồn thấy rõ các huyền phép thần thông biến hóa rất diệu mầu.

Câu 6: Tại Phố Đà Sơn, Quan Âm Bồ Tát là hóa thân của Đức Từ Hàng, là vị Bồ Tát cứu khổ cứu nạn và hóa giải biết bao quả nghiệp cho chúng sanh.

Cõi Kim Hẩu đến Tịch San,

Đấu vân nương phép Niết Bàn đến xem.

Kim Hẩu: Hay Kim Mao Hẩu là một con thú linh, hình con sư tử lông màu vàng, do Đức Từ Hàng Bồ Tát thường cỡi. Nơi Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Hộ Pháp cho đắp 8 con Kim Mao Hẩu nơi bốn cầu thang của hai bên Đền Thánh.

Tịch San 辟山: Một ngọn núi trên từng Phi Tướng Thiên.

Đấu vân 陡雲: Thành linh nhảy lên mây. Đây là một phép phi hành rất lạ mà Tề Thiên Đại Thánh đã học được, gọi là Càn đấu vân, đi xa được 18.000.000 dặm đường.

Nương phép: Dựa vào sự mầu nhiệm của pháp thuật.

Câu 7: Chơn hôn nhờ Kim Mao Hẩu đưa đến núi Tịch San.

Câu 8: Dựa theo phép Đẩu vân, Chơn hôn được lên xem côi Niết Bàn.

***Cung Diệt Bửu ngọc rèm đã xử,
Nghệp hữu hình tượng đủ vô vi.***

Cung Diệt Bửu 滅寶宮: Một tòa cung điện nơi Phi Tưởng Thiên.

Ngọc rèm: Hay rèm ngọc, tấm rèm kết bằng ngọc dùng để che ngoài cửa nơi cung điện.

Xử: Buông xuống.

Nghệp hữu hình: Hay Hữu hình nghiệp 有形業, nghiệp quả tạo ra ở cõi trần.

Tượng đủ vô vi: Hiện rõ và đầy đủ trong côi vô vi.

Câu 9-10: Vào đến Cung Diệt Bửu, tấm rèm ngọc buông xử xuống, Chơn hôn thấy được tất cả nghiệp hữu hình tạo ra nơi cõi trần, hiện đầy đủ ra trong côi vô vi.

***Hồ Tiên vọi rót tức thì,
Nước Cam Lô rửa ai bi kiếp người.***

Hồ Tiên: Hay Tiên hồ 仙壺: Cái bình hay cái bầu dùng để đựng rượu Tiên. Ở đây chỉ cái Tịnh bình chứa nước Cam lô của Quan Âm Bồ Tát.

Riêng Đức Quan Âm Bồ Tát tay trái thường hay cầm cái bình chứa nước Cam lô, gọi là Tịnh bình, tay phải thì cầm nhánh dương liễu nhúng vào Tịnh bình để tưới nước Cam lô cứu giúp chúng sanh.

Vọi rót tức thì: Vọi vàng rót ra tức thì.

Nước Cam lộ: Hay Cam lộ thủy 甘露水: nghĩa là thứ nước sương ngọt mát, một thứ nước huyền diệu Thiênêng liêng của Quan Âm Bồ Tát thường dùng để tiêu trừ bệnh tật, giải sạch oan khiên, nghiệt chướng...Nước Cam lộ này được Đức Quan Âm dùng nhánh dương nhúng vào để rải, nên còn được gọi là *Nước dương*.

Nước Cam lộ còn tượng trưng cho lòng từ bi của Bồ Tát Quan Âm. Bởi chúng sanh đang sống trong cõi lửa, bị lửa phiền não thiêu đốt, Bồ Tát mang nước từ bi đến dập tắt và đem lại sự an lành, mát mẽ cho chúng sanh.

Ai bi: Hay bi ai 悲哀: Buồn rầu thê thảm.

Ai bi kiếp người: Kiếp sống con người ở cõi thế gian gặp nhiều đau khổ, bi ai. Sở dĩ bị buồn rầu, khổ sở là bởi vì con người phải thọ tứ khổ là sinh, lão, bệnh, tử, lại nữa cõi Ta bà này còn chứa đầy những khổ sở do ngũ trước gây ra. Ngũ trước là:

Kiếp trước: Do chúng sanh chịu muôn ngàn nỗi khổ sở trong cuộc sống chẳng cách nào diễn tả nổi, nên gọi là Kiếp trước.

Kiến trước: Do kiến giải hay có thể hiểu là những tư tưởng, suy nghĩ có công năng sai khiến hết thảy chúng sanh tạo tác các ác nghiệp, khiến họ bị đọa lạc trong luân hồi sanh tử, nên gọi là Kiến trước.

Phiền não trước: Những điều khiến tâm tầm tối, buồn phiền, bất an. Có năm yếu tố tạo thành phiền não: Tham (tham lam), sân (hờn giận), si (ngu muội), mạn (kiêu ngạo), nghi (ngờ vực). Do những yếu tố này khiến tâm bị ray rứt, hỗn loạn, mờ đục, nên gọi là Phiền não trước.

Chúng sanh trước: Chúng sanh mê muội, chấp trước

vào ngã tướng, nên sanh ra tâm vị kỷ, tâm tư lợi, mà gây tạo bao nhiêu ác nghiệp. Vì tạo ác nghiệp, nên bị đọa những đường ác xấu, hèn hạ để chịu đựng, do vậy gọi là Chúng sanh trước.

Mạng trước: Thân người do duyên hợp, biến đổi không ngừng, không cách nào khống chế nổi. Khi nghiệp lực duy trì các duyên kết hợp lại đã hết, các duyên sẽ chia lìa, vì thế mỗi thân mạng chỉ tồn tại một thời kỳ nhất định, gọi là Thọ mạng. Thọ mạng bị chấm dứt bất ngờ do những yếu tố ngoại lai như bệnh tật, tai nạn....nên gọi là Mạng trước.

Chính tứ khổ và ngũ trước đã làm cho con người sống nơi thế gian lúc nào cũng bị khổ sở, phiền não, ai bi...ràng buộc vào kiếp sống.

Câu 11- 12: Dùng cái bầu Tiên vôi vàng rót nước Cam lồ ra tức thì để rửa sạch những nỗi bi ai của kiếp sống con người.

THIÊN THỨ MƯỜI KINH ĐỆ CỬ CỬU

I.- KINH VĂN

Vùng thoai khí bát hôn vận chuyển,
Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng,
Hội Bàn Đào, Diêu Trì Cung,
Phục sinh đào hạnh rượu hồng thường ban.

Cung Bắc Đẩu xem căn quả số,
Học triều nghi vào ở Linh Tiêu.
Ngọc Hư Cung, sắc lệnh kêu,
Thường, phong, trừng, trị phân điều đọa thăng.
CỬU NƯƠNG DIÊU TRÌ CUNG

Nơi Kim Bồn vàn vàn nguơn chất,
Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.
Cung Trí Giác, trụ tinh thần,
Hườn hư mâu nhiệm thoát trần đấng Tiên.

DIÊU TRÌ KIM MẪU

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đệ Cửu Cửu gồm hai phần: Phần đầu tám câu do Cửu Nương Diêu Trì Cung giảng cơ ban cho, phần cuối bốn câu do Đức Phật Mẫu tiếp tục giảng cơ ban cho trọn bài Kinh Đệ Cửu Cửu.

Cửu Nương Diêu Trì Cung là vị Tiên Nương đứng hàng thứ chín trong Cửu Vị Tiên Nương. Nơi Chánh Điện thờ tại Báo Ân Từ, Cửu Nương mặc áo màu xanh, ngồi bên mặt Đức Phật Mẫu, tay cầm Ống Tiêu.

Cửu Nương có nhiệm vụ tiếp dẫn Chơn hồn đến tầng Tạo Hóa Thiên để vào Diêu Trì Cung bái kiến Đức Phật Mẫu. Chơn hồn được ban thưởng Đào hạnh và tiên tửu, và học triêu nghi để vào Ngọc Hư Cung.

Bốn câu Kinh do Phật Mẫu ban cho nhằm cho biết nơi Kim Bàn Diêu Trì Cung có chứa Nguyên chất dùng tạo hình hài bậc Nguyên nhân và đến Cung Trí Giác trụ Tinh Khí Thần hiệp nhứt đặc quả để về Tiên cảnh.

III.- CHÚ GIẢI

*Vùng thoại khí bát hồn vận chuyển,
Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng,*

Thoại khí 瑞氣: Hay thụy khí, một loại khí lành. Đây chỉ Hồn nguơn khí, nguyên khí hay khí sanh quang, dùng để nuôi sống vạn linh trong Càn khôn Vũ trụ.

Bát hồn 八魂: Hay còn gọi là Bát phẩm chơn hồn 八品真魂 do Đức Phật Mẫu tạo hóa ra. Đó là Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.

Vận chuyển 運轉: Dời động một vòng xoay.

Tạo Hóa Thiên 造化天: Một tầng Trời do Đức Diêu Trì Kim Mẫu 瑤池金母 chưởng quản. Trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh có câu:

*Tạo Hóa Thiên Huyền Vi Thiên Hậu,
造化天玄微天后
Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì.
掌金盤佛母瑤池*

Sanh biến 生變: Biến hóa mà sinh ra.

Vô cùng 無窮: Không giới hạn.

Câu 1-2: *Tăng Tào Hóa Thiên, Đức Phật Mẫu vận chuyển Bát phẩm chơn hồn trong vùng Hỗn nguyên khí để sinh hóa mà tạo ra vạn linh sanh chúng.*

**Hội Bàn Đào, Diêu Trì Cung,
Phục sinh đào hạnh rượu hồng thưởng ban.**

Bàn đào 蟠桃: Quả đào Tiên. Vua Hán Vũ Đế 漢武帝 nước Trung Hoa cầu Bà Tây Vương Mẫu được ban cho quả bàn đào, nói rằng cây ấy 3000 năm mới nở hoa, 3000 năm mới kết quả.

Hội Bàn đào 蟠桃會: Là một buổi tiệc do Đức Phật Mẫu tổ chức đãi đào Tiên chín cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại Diêu Trì Cung.

Phục sinh 復生: Sống trở lại, phục hồi sự sống.

Đào hạnh 桃杏: Trái đào và trái hạnh.

Rượu hồng: Một loại rượu Tiên, có màu đỏ.

Thưởng ban 賞頒: Phật Mẫu ban ra mà thưởng cho chư Thần Thánh Tiên Phật.

Câu 3: *Bà Tây Vương Mẫu mở Hội Bàn đào nơi Diêu Trì Cung để đãi chư Thần Thánh Tiên Phật.*

Câu 4: *Bữa tiệc đãi những trái đào và trái hạnh Tiên, ăn vào được trường sanh bất tử và phục hồi sự sống. Trong buổi tiệc, Đức Phật Mẫu ban thưởng cho Tiên tửu.*

**Cung Bắc Đẩu xem căn quả số,
Học triều nghi vào ở Linh Tiêu.**

Cung Bắc Đẩu 北斗宮: Một Cung ở nơi tầng Tào

Hóa Thiên.

Căn quả số 根果數: Mệnh số của mỗi con người do căn quả hay những hành vi thiện ác nơi trần gian trong kiếp trước tạo nên.

Triều nghi 朝儀: Những phép tắc và lễ nghi của triều đình. Đây chỉ triều nghi ở cõi Thiêng Liêng.

Linh Tiêu 靈霄: Tức Linh Tiêu Điện, một ngôi điện trong Ngọc Hư Cung, nơi Thiên Đình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Câu 5: Chờ hôn vào Cung Bắc Đẩu để xem căn quả định cho số mạng của chính mình.

Câu 6: Trước khi vào Linh Tiêu Điện, Ngọc Hư Cung, chờ hôn phải học những lễ nghi, phép tắc nơi Thiên đình.

Ngọc Hư Cung, sắc lệnh kêu,

Thưởng, phong, trừng, trị phân điều đọa thăng.

Sắc lệnh 敕令: Mệnh lệnh của Đức Chí Tôn.

Thưởng phong 賞封: Khen thưởng và phong tước.

Trừng trị 懲治: Xử phạt cho rõ tội.

Phân điều 分條: Chia ra điều.

Đọa thăng 墮升: Bị rơi xuống cảnh đọa đày và cảnh siêu thăng.

Câu 7-8: Sắc lệnh Đức Chí Tôn nơi Ngọc Hư Cung phân định cho Chờ hôn hai điều đọa và thăng.

Phong thưởng và trừng trị nơi cõi Thiêng liêng cũng theo luật “*Công thưởng tội trừng*” và căn cứ theo những hành vi thiện ác nơi thế gian mà định công tội cho Chờ

hồn. Nếu có công thì được siêu thăng và phong thưởng cho những phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật; còn nếu có tội thì bị trừng phạt đọa đày trở lại thế gian vào con đường Lục đạo.

*Nơi Kim Bôn vàn vàn nguyên chất,
Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.*

Kim Bôn: Hay Kim Bàn 金盤 là một cái mâm hay cái chậu vàng Thiêng liêng nơi Diêu Trì Cung mà Đức Phật Mẫu dùng để chứa các nguyên chất.

Theo Kinh Ngọc Lộ Kim Bàn, khi Trời đất đã được hình thành, Phật Mẫu mới đem Chơn tánh phân ra một hột. Từ một hột đó, Ngài mới thổi hơi chân khí biến thành một trăm ức Linh căn Chân tánh (tức Nguyên nhân), rồi Ngài đem chứa trong Kim Bàn. Hay nói cách khác, Kim Bàn là nơi chứa các Nguyên nhân.

Vàn vàn: Do theo luật bằng trắc của câu Kinh, hai chữ này phải là vần bằng, nên hai chữ *vạn vạn* viết thành vàn vàn để chỉ số lượng muôn muôn, tức là rất nhiều, không đếm xiết.

Nguyên chất 元質: Là một chất khí nguyên thủy, tức là một chất khí đầu tiên trong khí Dương quang của Chí Tôn và khí Âm quang của Phật Mẫu. Hai khí này, Đức Phật Mẫu cho phối hợp với nhau tạo thành Chơn thần của vạn linh. Khí Nguyên chất này, Phật Mẫu chứa trong Kim Bàn nơi Diêu Trì Cung để tạo ra những hình hài của các bậc nguyên nhân.

Hình hài 形骸: Thân xác. Thân xác này do Phật Mẫu tạo ra tức là Chơn thần hay xác thân Thiêng liêng.

Nguyên nhân 元人: Những bậc có Chơn linh được

sinh ra từ lúc khai thiên lập địa.

Như ta đã biết, Chơn linh là một Tiểu Linh quang được chiết ra từ Đức Chí Tôn, Phật Mẫu mới đem phối hợp với Chơn Thần do Ngài tạo ra nơi Kim Bàn để làm thành một Thánh hình, hay một hình thể Thiêng liêng. Đó là bậc Nguyên nhân vậy.

Câu 9: Đức Phật Mẫu chứa muôn muôn vạn vạn nguyên chất nơi Kim Bàn trong Cung Diêu Trì.

Câu 10: Những nguyên chất này Đức Phật Mẫu dùng tạo ra hình hài Thiêng liêng (Chơn thần) cho các bậc Nguyên nhân.

***Cung Trí Giác, trụ tinh thần,
Hườn hư mầu nhiệm thoát trần đấng Tiên.***

Cung Trí Giác 智覺宮: Một cung nơi tầng Tạo Hóa Thiên.

Trụ 柱: Giữ bền vững.

Hườn hư: Hay hoàn hư 還虛 trở về với cõi hư vô.

Thoát trần 脫塵: Vượt ra khỏi cõi trần tục, tức là thoát khỏi sự luân hồi.

Đấng Tiên 登仙: Lên cõi Tiên, tức là đắc đạo thành Tiên.

Câu 11: Nơi cung Trí Giác, trụ Tinh và Thần hiệp nhứt để tạo được Chơn thần huyền diệu.

Câu 12: Chơn thần đắc đạo thành Tiên Phật, được thoát khỏi cõi trần, để vào nơi Tiên cảnh.

THIÊN THỨ MUỖI MỘT KINH TIỂU TƯỜNG

I.- KINH VĂN

*Tịnh niệm phép Nhiên Đăng tưởng tín,
Hư Vô Thiên đến thỉnh Phật điều.
Ngọc Hư đại hội ngự triều,
Thiền quang nhị bá Thiên Kiều để chơn.
Bồ Đề Dạ dẫn hôn thượng tấn,
Cực Lạc Quan đẹp phận Tây Qui.
Vào Lôi Âm, kiến A Di,
Bộ Công Di Lạc Tam Kỳ độ sanh.
Ao Thất Bửu gọi mình sạch tục.
Ngôi liên đài quả phúc Đà Lam.
Vạn linh trời tiếng mừng thâm.
Thiên thơ Phật tạo độ phàm giải căn.*

DIÊU TRÌ KIM MẪU

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Tiểu Tường do Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tuần Tiểu Tường được cúng vào ngày thứ 200 kể từ sau ngày làm tuần Cửu Cửu (Chung Cửu) một ngày.

Theo ý nghĩa Kinh, làm tuần Tiểu Tường tức là cầu nguyện cho Chơn linh được vào cõi Hư Vô Thiên để nghe Đức Nhiên Đăng Cổ Phật thuyết pháp, rồi vào Chùa Lôi Âm yết kiến Đức Phật Di Đà. Chơn thần được tắm gội ở ao Thất Bửu để tẩy trừ tục trần, rồi lên ngự trên Tòa sen.

III.- CHÚ GIẢI

Tịnh niệm pháp Nhiên Đăng tướng tín, Hư Vô Thiên đến thính Phật điều.

Tịnh niệm 淨念: Giữ cho lòng trong sạch để tưởng nghĩ đến các Đấng Thiêng Liêng.

Nhiên Đăng 燃燈: Tức là Nhiên Đăng Cổ Phật, một vị Phật của đời quá khứ, nên được gọi là Cổ Phật.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật còn được gọi là Định Quang Phật 定光佛, vị Phật đã sống vô lượng kiếp trước thời đại của chúng ta. Đó là vị Phật đầu tiên và quan trọng nhất trong các vị Phật có trước Đức Thích Ca Mâu Ni.

Nhiên Đăng Cổ Phật là vị Phật tượng trưng cho các vị Phật trong đời quá khứ. Bên Phật Giáo Trung Hoa, người ta thường thờ Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chung với Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Vương Phật để gọi là thờ Tam Thế Chư Phật 三世諸佛 (Đời quá khứ, hiện tại và vị lai).

Tưởng tín 想信: Có sự tin và tưởng nghĩ đến.

Hư Vô Thiên 虛無天: Một tầng trời do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chứng quả.

Thính 聽: Nghe.

Phật điều: Những điều dạy của Đức Phật.

Câu 1: *Phép giữ cho lòng trong sạch để tin tưởng và niệm danh Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.*

Câu 2: *Đến tầng Hư Vô Thiên, Chơn hồn nghe những điều dạy của Đức Phật.*

Ngọc Hư đại hội ngự triều,

Thiếu quang nhị bách Thiên Kiều để chơn.

Ngọc Hư Đại Hội 玉虛大會: Đại Hội ở Ngọc Hư Cung, tức là Đức Chí Tôn họp chư Thần Thánh Tiên Phật nơi Ngọc Hư Cung.

Ngự triều 御朝: Đức Chí Tôn họp thiên triều cùng chư Thần Thánh Tiên Phật.

Thiếu quang 韶光: Ánh sáng đẹp, ngày mùa xuân. Ở đây chỉ thời gian. Trong tác phẩm Kim Vân Kiều có câu:

Ngày xuân con én đưa thoi,

Thiếu quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Thiếu quang nhị bách 韶光二百: Chỉ thời gian hai trăm ngày (200 ngày).

Kể từ sau một ngày làm tuần chung Cửu (mãn Cửu) đến ngày làm tuần Tiểu tường là đúng 200 ngày.

Thiên kiều 天橋: Cây cầu bắc lên cửa Trời.

Để chơn: Đặt bước chơn đến.

Câu 3: Nơi Ngọc Hư Cung, Đức Chí Tôn họp Đại Hội triều đình.

Câu 4: Chơn hôn đặt chơn lên Thiên kiều để vào cõi Trời sau 200 ngày, kể từ ngày chung Cửu.

Bồ Đề Dạ dẫn hôn thượng tán,

Cực Lạc Quan đẹp phận Tây Qui.

Bồ Đề Dạ 菩提夜: Hán dịch từ Phạn ngữ Buddhaya: Là một vị Bồ Tát do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân ra..

Theo Kinh “Đại Bi Tâm Đà Ra Ni Xuất Tượng”, Tổ

Văn Thê Đại Sư đem 84 câu của Chú Đại Bi họa ra thành những bức tượng: Hoặc hình Phật, hình Bồ Tát, hình các Thánh nhị thừa, hoặc hình Phạm Thiên Đế Thích, hoặc các hình Thần tướng Kim Cang... Những hình tượng đó đều có nhiều bộ dạng khác nhau, hoặc từ bi, hoặc Thánh dung, hoặc hung tợn, hoặc phàm tướng. Tất cả đều từ nơi Thánh trí, lòng đại bi của Đức Quán Thế Âm hóa hiện ra để cứu giúp chúng sanh.

Câu Chú Đại Bi số 46 là tượng Bồ Đề Dạ Bồ Đề Dạ 菩提夜菩提夜 (Buddhaya Buddhaya): Tức là Quán Âm hiện tướng diện mạo từ bi, thân cận trẻ con giáo hóa lợi ích chúng sanh. (Xem hình Bồ Đề Dạ Bồ Đề Dạ trang sau.)

Dẫn hôn 引魂: Dìu dắt Chơn hồn.

Thượng tấn 上進: Hay thượng tiến là tiến bước đi lên cao.

Cực Lạc quan 極樂關: Cái cổng nơi Cực Lạc Thế Giới, hay cửa Cực Lạc. Ý nói vừa vào đến cõi Cực Lạc.

Trong A Di Đà Kinh, Phật có thuyết: “*Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*”. Nghĩa là Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc.

Theo kinh, trong cõi Cực Lạc, hết thấy các thứ thọ dụng và thân tướng mỗi mỗi đều thù thắng trang nghiêm, chẳng hề có sự khổ nào, luôn luôn có vô lượng điều vui, nên Kinh chép: “*Đản thọ chư lạc*” (Chỉ hưởng những điều vui sướng).

Đẹp phạm: Số phần đẹp đẽ.

Tây Qui 西歸: Về hướng tây của Cực Lạc Thế Giới.

Câu 5: *Vị Bồ Tát Bồ Đề Dạ diu dắt Chơn hôn tiến lên đi vào cõi Thiêng Liêng.*

Câu 6: *Chơn hôn được dẫn về hướng Tây vào cổng của Cực Lạc Thế Giới, nơi định phận tốt đẹp.*

Vào Lô Âm, kiến A Di,

Bộ Công Di Lạc Tam Kỳ độ sanh.

Lô Âm 雷音: Lô Âm Tự, một ngôi chùa nơi Cực Lạc Thế Giới.

Kiến 見: Bái kiến, thấy, gặp.

A Di 阿彌: Tức là A Di Đà Phật, một vị Phật làm Giáo Chủ ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngài được tôn thờ trong các ngôi chùa Tịnh độ tông tại Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản.

Tượng A Di Đà Phật thường được thờ ngồi chính giữa, Bồ Tát Đại Thế Chí đứng bên phải và Bồ Tát Quán Thế Âm đứng bên trái, gọi là tượng Tam Tôn.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức A Di Đà giao quyền Chương giáo cho Đức Di Lạc Vương Phật, để Ngài trở về ngự nơi Lô Âm Tự.

Bộ công: Bộ sổ ghi chép công quả.

Ở thế gian, những người nào hành công đức, giúp đời giúp đạo, cứu giúp chúng sanh đều được Hội Thánh chứng nhận công đức và lưu vào sổ công quả hữu hình. Ngoài ra, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn mở một trường thi công quả cho chúng sanh thi cử để tuyển lựa người hiền đức và nhiều công lao với vạn linh mà chủ

khảo là Đức Di Lạc Vương Phật, nên Đức Ngài lập ra Bộ Công quả cho chúng sanh để dựa vào đó mà chấm thi trong ngày phán xét cuối cùng. Bộ công quả này thuộc vô vi, nơi cõi Thiêng Liêng. Kinh gọi đó là Bộ Công Di Lạc.

Độ sanh 度生: Độ những Chơn hồn được sống vĩnh viễn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 7: Chơn hồn được đưa vào Lô Ím Tự để bái kiến Đức A Di Đà Phật.

Câu 8: Vào thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Di Lạc làm chánh chủ khảo hội Long Hoa, Ngài lập ra Bộ Công quả để độ những Chơn hồn có công được sống nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ao Thất Bửu gọi mình sạch tục.

Ngôi liên đài quả phúc Đà Lam.

Ao Thất Bửu: Còn gọi là Thất Bửu trì 七寶池, tức là cái ao làm bằng bảy món báu vật, như Kim 金, ngân 銀, lưu ly 琉璃, pha lê 玻璃, xa cừ 碑磬, xích châu 赤珠, mã não 瑪瑙. Ao này nằm ở cõi Cực Lạc Thế Giới. Theo Kinh Vô Lượng Thọ, Ao Thất Bửu chính là nơi thai sen nở để những người tu hành đắc quả Phật được sanh vào Cực Lạc, mà cũng là nơi để người cõi Cực Lạc tắm gội trong ấy.

Gội mình: Tắm gội thân mình.

Sạch tục: Làm sạch sẽ những dơ bẩn trong cõi phàm tục đã nhiễm vào Chơn thân con người.

Liên đài 蓮臺: Đài sen hay tòa sen. Đó là ngôi vị nơi cõi Phật.

Quả phúc: Hay phúc quả 福果: Cái kết quả do

những hành vi phước đức tạo ra.

Dà Lam 伽藍: Còn viết Già Lam là do từ Phạn ngữ: Asharam, có nghĩa khu vườn hay tịnh xá.

Dà Lam chỉ ngôi vị Phật, gọi là Phật Dà Lam. Phật Dà Lam có nhiệm vụ điều dắt các Chơn hỗn đắc đạo đến cõi Cực Lạc Thế Giới.

Đức Quan Thánh Đế Quân đắc hàng Phật vị gọi là Cối Thiên Cổ Phật hay còn gọi là Dà Lam Chơn Tể.

Câu 9: Vào đến ao Thất Bửu, một ao làm bằng bảy thứ báu vật nơi cõi Cực Lạc Thế Giới, Chơn hỗn đắc được tắm gội để gội rửa những uế trước nơi cõi tục.

Câu 10: Ngôi vị Phật, ngôi vị Dà Lam là một phúc quả do những hành vi phước đức của Chơn hỗn nơi thế gian.

Do những hành vi thiện lành ở thế gian đã tạo nên phước quả cho Chơn linh được vào cõi Cực Lạc Thế Giới.

Trong Kinh Di Đà, Phật có thuyết: “*Hữu Xá Lợi Phất! Cực Lạc Quốc độ, hữu Thất bửu trì, bát công đức thủy sung mãn kỳ trung. Trì để thuần dĩ kim sa bồ địa*”. Nghĩa là: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao Thất Bửu (bảy báu), nước tám công đức đầy ấp trong đó. Đáy ao thuần dùng cát vàng để phủ.

Nước trong ao Thất bửu có đủ tám công đức: *Trùng tịnh* (lắng trong, tinh khiết), *thanh lãnh* (trong trẻo, mát lạnh), *cam mỹ* (ngon ngọt), *khinh nhuyển* (nhẹ nhàng, mềm mại), *nhuân trạch* (tươi tắn, thẩm nhuận), *an hòa* (êm ả, không chảy xiết, kêu gầm), *trừ cơ khát* (uống hết đời khát), *trường dưỡng thiện căn* (tăng trưởng, nảy nở căn lành). Do có tám công đức, nước trong cõi Cực Lạc được

xứng tụng là *Công đức thủy*.

Vì nước trong ao Thất Bửu có công đức trừng tịnh, trường dưỡng thiện căn nên Chơn hồn nào có ân huệ tắm gội nơi ao ấy, uế trước sẽ được tẩy trừ, thiện căn sẽ được tăng trưởng, nảy nở.

***Vạn linh trời tiếng mắng thâm.
Thiên thơ Phật tạo độ phạm giải căn.***

Vạn linh 萬靈: Muôn Chơn linh. Đây chỉ tất cả các Chơn linh trong bát phẩm Chơn hồn.

Trời tiếng: Cất tiếng nói, lên tiếng nói.

Thiên thơ Phật tạo 天書佛造: Quyển thiên thơ do chư Phật hội lập ra nhằm cứu giúp các Chơn linh nơi cõi trần.

Độ phạm 度凡: Cứu giúp chúng sanh nơi cõi phạm gian.

Giải căn 解根: Cởi bỏ tất cả các gốc rễ. Gốc rễ là kết quả của những hành vi thiện ác mà con người gây ra trong các kiếp sống trước rồi tạo thành oan nghiệt nơi cõi trần.

Như vậy, giải căn là cởi bỏ hết những oan nghiệt nơi thế gian để không còn gốc rễ nữa.

Câu 11: Muôn Chơn linh đều vui mừng lên tiếng chúc tụng cho Chơn linh được đắc phẩm Phật vị.

Câu 12: Thiên thơ do chư Phật lập ra cho tất cả vạn linh sanh chúng, nếu họ biết lo tu hành thì được giải căn kiếp nơi cõi phạm trần mà đắc quả Phật.

THIÊN THỨ MƯỜI HAI KINH ĐẠI TƯỜNG

I.- KINH VĂN

*Hỗn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo chủ,
Di Lạc đương thâu thủ phổ duyên.
Tái sanh sửa đổi Chơn truyền,
Khai cơ tận độ Cửu tuyên diệt vong.
Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị,
Cõi Tây Phang đuổi quỷ trừ ma.
Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trực tinh.
Thâu các Đạo hữu hình làm một.
Trường thi Tiên, Phật vượt kiếp khiên,
Tạo đời cải dữ ra hiền,
Bảo sanh nắm giữ diệu huyền Chí Tôn.*

THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT

II.- NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Bài Kinh Đại Tường do Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tuần Đại Tường được làm vào ngày thứ ba trăm (300 ngày), kể từ sau ngày làm tuần Tiểu Tường một ngày.

Theo ý nghĩa Bài Kinh Đại Tường, Đức Phật Thích Ca cho biết vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Di Lạc Vương Phật cai quản từng Hỗn Nguơn Thiên và làm Chánh chủ khảo Long Hoa Hội để tuyển

phong những người hiền đức, có nhiều công nghiệp vào ngôi vị Phật.

Ngài còn giáng Chơn linh xuống làm Hộ Pháp Di Đà để dùng GIÁNG ma xử trừ tà tinh quỷ quái, hầu gồm thâu các mối ĐẠO hữu hình làm thành nền ĐẠI ĐẠO, thực hiện giềng bảo sanh của Đức Chí Tôn và lập đời Thánh đức.

III.- CHÚ GIẢI

*Hồn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo chủ,
Di Lạc đương thâu thủ phổ duyên.*

Hồn Nguơn Thiên 混元天: Theo Di Lạc Chơn Kinh, Hồn Nguơn Thiên là một tầng Trời do Đức Di Lạc Vương Phật chủ trì quản.

Dưới quyền Giáo Chủ: Dưới quyền chủ trì quản của Giáo Chủ là Đức Di Lạc Vương Phật.

Đương 當: Đương lúc, đảm đương hay đảm trách.

Thâu thủ 收守: Thâu nhận và gìn giữ.

Phổ duyên 普緣: Cứu giúp những người hữu duyên ở khắp mọi nơi.

Câu 1: Tầng Trời Hồn Nguơn thuộc quyền chủ trì quản của Đức Giáo Chủ Di Lạc Vương Phật.

Câu 2: Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Di Lạc Vương Phật đang thu nhận và gìn giữ những người có duyên căn với Phật trong khắp mọi nơi.

*Tái sanh sửa đổi Chơn truyền,
Khai cơ tận độ Cửu tuyến diệt vong.*

Tái sanh 再生: Được sinh lại một lần nữa. Ý nói Đức Phật Di Lặc được giảng linh lại một lần nữa.

Sửa đổi: Cải sửa giáo pháp lại cho phù hợp với thời kỳ và trình độ của chúng sanh.

Chơn truyền 真傳: Giáo pháp chơn thật của một nền Tôn giáo được các vị Giáo chủ hay Tổ sư truyền lại sau này cho chúng sanh.

Khai cơ 開機: Mở ra một cơ quan.

Tận độ 盡度: Cứu giúp hết tất cả chúng sanh không chừa một ai, không chừa một người nào.

Cửu tuyền 九泉: Chín suối, chỉ nơi Âm Phủ.

Tương truyền nơi cõi Âm Phủ có chín ngọn suối cát màu vàng, nên người ta thường gọi Âm Phủ chín suối hay suối vàng (Huỳnh tuyền 黃泉).

Diệt vong 滅亡: Làm cho mất hết.

Câu 3: Đức Di Lặc Vương Phật sẽ giảng linh xuống cõi trần một lần nữa để sửa đổi lại những giáo pháp của các nền Tôn giáo xưa cho đúng với chơn truyền.

Câu 4: Đức Phật Di Lặc cho bãi bỏ Địa ngục và mở ra một cơ quan tận độ chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị, Cõi Tây Phang đuổi qui trừ ma.

Hội Long Hoa 龍花會: Một đại hội do Đức Di Lặc Vương Phật làm chủ khảo để tuyển lựa người hiền đức vào hàng Tiên, Phật vị.

Long hoa 龍花 là một loại cây có hình giống như một con rồng, có nở hoa. Do Đức Phật Di Lặc đắc đạo

tại cội cây Long hoa này, nên khi Ngài mở và làm chủ một Đại hội, được gọi là Đại hội Long Hoa. Đại hội, có nhiệm vụ tuyển chọn những bậc hiền lương, đạo đức, không phân biệt chủng tộc, nòi giống, hiệp nhau làm một trong cuối thời kỳ Hạ nguơn Tam chuyển để tạo dựng lại đời Thượng nguơn Tứ chuyển, tức Thượng nguơn Thánh đức.

Tuyển phong 選封: Chọn lựa người hiền lương, đạo đức, đầy đủ công nghiệp để phong thưởng.

Phật vị 佛位: Ngôi vị Phật.

Cõi Tây phang: Hay cõi Tây phương 西方 tức là chỉ cõi Tây phương Cực Lạc, hoặc Cực Lạc Thế Giới của Đức A Di Đà Phật.

Đuổi quỷ trừ ma: Xua đuổi và trừ khử ma quỷ.

Đạo cao ma khảo, hễ có trường thi công quả tất có cơ khảo thí theo phép công bình Thiên đạo để chịu cơ thử thách mà người tu không sa ngã mới đáng đăng tên vào Tiên tịch, nên ma khảo thời kỳ nào cũng có và ở bất cứ nơi đâu, Thánh giáo có dạy: “*Các con hiểu rằng, trong Tam thiên Thế giới* còn có quỷ mị chuyển kiếp ở lộn cùng các con thay, hưởng lựa là Thất thập nhị Địa này, sao không có cho đăng?”. Ở cõi Tây phương ma quỷ tà quái cũng có để khảo các bậc chơn tu, nhưng dù có lộng hành đi nữa, thì Đức Phật Di Lạc, Giáo chủ cõi đó có nhiệm vụ xua đuổi và trừ khử chúng.

Câu 5: Đức Di Lạc Vương Phật mở ra một Đại hội Long Hoa để tuyển chọn những bậc hiền lương đạo đức, có công nghiệp để phong vào ngôi vị Phật.

Câu 6: Nơi cõi Tây phang, Đức Phật Di Lạc xua đuổi và trừ khử quỷ ma thử thách bậc chơn tu.

*Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử dưới tà trục tinh.*

Giáng linh 降靈: Chiết chơn linh giáng xuống cõi trần. Tỉ như Đức Quan Âm Bồ Tát là do Từ Hàng Bồ Tát giáng Chơn linh xuống phạm rồi tu hành đắc quả.

Hộ Pháp Di Đà 護法彌陀: Theo Phật giáo, Hộ Pháp Di Đà là vị Thần bảo vệ Phật pháp, hộ trì Tam bảo, giữ gìn cho Phật pháp được tồn tại. Trong các chùa Phật, người ta thường thờ tượng Hộ Pháp Di Đà cầm cây Giáng ma xử đặt nơi bàn thờ đối diện với Đại Hùng Bửu Điện, tức Chánh điện Phật.

Theo Đạo Cao Đài, Hộ Pháp là một phẩm chức sắc Hiệp Thiên Đài cao nhất, nắm quyền Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài, đối phẩm với hàng Phật vị.

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đêm 22 rạng 23 tháng 4 năm 1926, Đức Chí Tôn trực xuất Chơn thần của Ngài Phạm Công Tắc để Chơn thần Ngự Mã Thiên Quân nhập vào thân xác Phạm Công Tắc. Vì thế, Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nguyên căn Ngài Phạm Công Tắc là Ngự Mã Thiên Quân, được phong Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

Nơi Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Hộ Pháp được thờ đối diện với ngôi Chánh Điện Đức Chí Tôn, hai bên Ngài là Thượng Phẩm và Thượng Sanh, sau lưng Ngài vẽ chữ Khí để thờ. Ngài ngự trên thất đầu xà, mình mặc Kim Khôi Kim Giáp, tay cầm cây Giáng ma xử. (xem hình trang 191)

Ma xử: Hay gọi Ma chử 魔杵 là viết tắt của Giáng ma xử hay Hàng ma xử, nghĩa là cái chày để hàng phục ma vương quỷ quái. Cây Giáng ma xử là một bửu bối của

Vi Hộ, sau thành Hộ Pháp, trong truyện Phong Thần, hay Đức Hộ Pháp trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức Đạo Cao Đài.

Câu 7: Đức Di Lạc Vương Phật sẽ giáng Chơn linh xuống phàm làm một vị Hộ Pháp Di Đà.

Câu 8: Đức Hộ Pháp chuyển cây Giáng ma xử để xua đuổi trừ khử tà tinh quỷ quái.

Thâu các Đạo hữu hình làm một.

Trường thi Tiên, Phật vượt kiếp khiên,


Thâu các Đạo hữu hình làm một: Thâu các Tôn giáo hiện có ở nơi thế gian làm thành một nền Đại Đạo, có một tín ngưỡng duy nhất dưới quyền giáo hóa của Đức Di Lạc Vương Phật.

Trường thi Tiên Phật: Tức là một trường thi để tuyển chọn người có phẩm hạnh hoàn toàn, và có công lao xứng đáng để đắc vào quả Tiên Phật. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “*Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo, phải có công quả. Thấy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc Đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến trường Thấy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ*”.

Trường thi Tiên Phật là một trường thi trong kỳ Đại hội Long Hoa do Đức Di Lạc Vương Phật làm chủ khảo để tuyển lựa và phong thưởng những bậc hiền lương đạo đức vào Tiên hay Phật vị.

Dượt: Tức là khảo duyệt, nghĩa là thử thách để đánh giá trị cao hay thấp.

Kiếp khiên 愆劫: Những tội lỗi đã gây ra trong kiếp sống nơi cõi thế gian.

 Kinh Thiên Đạo Thế Đạo 1968, 1974, 1975 viết: thượng Thiên. Thượng Thiên 上天: Đi lên Trời.

PHỤ LỤC

SỐ TÂN CỔ, CỬU VÀ TIỂU, ĐẠI TƯỜNG

A. SỐ VĂN

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(..... niên)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Thời duy

Thiên vận.....niên,.....ngoạt,.....nhật,.....thời,
hiện tại Việt Nam quốc,.....tỉnh,.....huyện,.....xã,
cư trú.....chi trung.

Kim hữu đệ tử....., cộng đồng
chư Chức sắc hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đăng
quì tại....., thành tâm trình tấu:

HUYỀN KIM KHUYẾT NỘI

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.

DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỤC THIÊN TÔN.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO

TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA MÂU NI THẾ TÔN.

THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ TAM THANH ỨNG HÓA THIÊN TÔN.

KHỔNG THÁNH TIÊN SƯ HƯNG NHO THẠNH THẾ THIÊN TÔN.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM

THƯỜNG CỰ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI.

LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG KIÊM GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN.

GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.

THÁI CÔNG TƯỚNG PHỤ QUẢN PHÁP THIÊN TÔN.

TAM CHÂU BÁT BỘ HỘ PHÁP THIÊN TÔN.

THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, VẠN CHUÔNG CHƯ TIÊN, LIÊN ĐÀI CHI HẠ.

Cung vi.....chi tuần,.....tánh,.....niên canh,.....
tuế, nguyên sanh tại....., nhập môn.....niên,.....
ngoạt,.....nhựt, tại.....tùng thị pháp điều Tam Kỳ
Phổ Độ, lập công bồi đức.....

Kim triều Thiên số chi kỳ, vãn ư.....niên,.....
ngoạt,.....nhựt,.....thời nhi chung tại.....

(Hiếu quyền hay Thân quyền).....khẩn thỉnh
chư Chưc sắc Thiên phong, hiệp dữ Chưc việc, Đạo hữu
nam nữ đẳng qui tại.....thành tâm cầu nguyện Đức Đại
Từ Phụ, các Đấng Thiêng Liêng, Địa Tạng Vương Bồ Tát
cứu độ vong hồn.....siêu thăng Tịnh độ.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái căn số thượng
tấu

Dĩ vãn.

B. VIẾT RA HÁN TỰ

大道三期普度

(.....年)

三教歸源五支復一

時維

天運.....年,.....月,.....日,.....時,現在越南
國,.....省,.....縣,.....社,居住.....之中。

今有弟子.....共同諸職敕天封協
與職事道友男女等,跪在.....誠心呈奏:

黃金闕內

玄穹高上帝玉皇大天尊

瑤池金母無極天尊

三宗真教

西方教主釋迦牟尼世尊

上道祖三清應化天尊

孔聖仙師興儒盛世天尊

三期普度三鎮威嚴

常居南海觀音如來

李大仙長兼教宗大道三期普度

協天大帝關聖帝君

耶蘇教主救世天尊

太公相父管法天尊

三洲八部護法天尊

十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下

恭為.....姓,.....年庚,.....歲,原生
在.....省.....縣.....社,入門.....年,.....月,.....日,在.....從是
法條三期普度,立功培德.....

今朝天數之期,往於.....年,.....月,.....日,.....
.....時而終在.....

(孝眷或親眷).....懇請諸職敕天封,合與

職事,道友男女等跪在.....誠心求愿德大慈父,各等天靈,地藏王菩薩救度亡魂.....超升淨度.

諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏
以文

C. CHÚ THÍCH

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 大道三期普度.

Là nền Đại Đạo được khai mở ở nước Việt Nam (cõi Á Đông), vào thời kỳ Hạ ngươn mặt pháp để phổ độ chúng sanh lần thứ ba, tức Đạo Cao Đài. Hội Thánh dịch câu này ra tiếng Pháp như sau: “*Troi sième Amnistie de Dieu en Orient*”.

Bát thập nhất niên 八十一年

Năm thứ tám mươi mốt. Thường mục này để trống, tùy năm Đạo mà điền vào.

Tam Giáo qui nguyên 三教歸源

Ba tôn giáo chánh: Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo đã trải qua nhiều thời kỳ, nên càng ngày càng xa rời chánh pháp. Nay, đến thời hạ ngươn mặt pháp, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút lập thành một nền Đại Đạo cốt qui nguyên Tam giáo, tức là chấn chỉnh tôn chỉ lại cho phù hợp với thời nghi của nếp sống văn minh tiến bộ của chúng sanh, hầu độ hết theo đường Đạo đức.

Ngũ Chi phục nhất 五支復一

Gom Ngũ Chi Đại Đạo làm một, tức là đem Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo hiệp lại làm một gọi là Đại Đạo.

Thời duy 時維: Hiện thời vì.

Thiên vận 天運: Vận khí của Trời.

Niên 年.....**ngoạt** 月....**nhật** 日....**thời** 時

Năm,....tháng.....ngày.....giờ.

Chúng ta dùng hệ thống âm lịch để điền vào số. Tỷ như: *Bính tuất* niên, *chánh* nguyệt, *sơ cửu* nhật, *tý* thời.

Hiện tại Việt nam quốc,....tỉnh,....huyện,....xã, cư trú... chi trung 現在越南國,....省,....縣,....社, 居住...之中.

Hiện ở tại nước Việt Nam,....tỉnh,....huyện,....xã, đang ở trong.....

Điền địa danh tỉnh, huyện, xã, nơi sở tại của Thánh Thất.

Nếu cúng tại Thánh Thất thì điền “*Thánh Thất* 聖室” còn cúng tại tư gia thì điền chữ “*Gia đường* 家堂”.

Kim hữu đệ tử thọ....., cộng đồng chư Chức sắc, hiệp dĩ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đẳng quì tại.... thành tâm trình tấu 今有弟子受....., 共同諸職 敕, 合與職事道友男女等跪在.....誠心呈奏.

Nay có đệ tử....., cùng chung các Chức sắc, hiệp với Chức việc (Chức việc là một từ Nôm, Hiên Tài Mã Nguyên Lương dịch sang Hán Việt là Chức Sự 職事), Đạo hữu nam nữ các cấp, quì trước....., thành tâm tấu trình.

Nếu là chức sắc Cai Quản Thánh Thất, thì điền như sau: Thọ Thiên ân Lễ sanh Ngọc X Thanh, cai quản Thánh Thất Họ đạo...

Nếu là Chức Việc thì điền như sau: Thọ Hồng ân

Chánh Trị Sự Nguyên văn X., Phó Cai quản Thánh Thất Hộ đạo...

Nếu cúng cửu tại Thánh Thất thì diên: Điện tiền 殿前, còn nếu cúng tại tư gia thì diên: *Thiên Bàn*.

Huỳnh Kim Khuyết Nội 黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội: Bên trong Huỳnh Kim Khuyết, tức là bên trong cổng Huỳnh Kim Khuyết.

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn 玄穹高上帝玉皇大天尊

Đây là một hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế (Gồm 12 chữ).

Câu chú của Đức Chí Tôn gồm 12 chữ (Số riêng của Thầy) được thể hiện cho qui nguyên Tam giáo:

Cao Đài tượng trưng cho Nho giáo.

Tiên Ông tượng trưng cho Tiên giáo.

Đại Bồ Tát Ma Ha Tát tượng trưng cho Phật giáo.

Nam Mô 南無: Phiên âm từ Phạn ngữ Namah, nghĩa là kính lễ, đánh lễ: Cúi đầu làm lễ. Tiếng Nam Mô thường được dùng đặt trước hồng danh chư Phật, Bồ Tát, hay đặt trước câu nguyện.

Cao Đài 高臺: Trong Nho giáo có câu: “Đầu thượng viết Cao Đài 頭上曰高臺”.

Một cái đài cao ở Linh Tiêu Điện, Ngọc Hư Cung, là nơi ngự của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đức Chí Tôn ban cho bài thi để giải thích hai chữ Cao Đài như sau:

Linh Tiêu nhất tháp thị Cao Đài

靈霄一塔是高臺

Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.

大會群仙此玉階

Vạn trượng hào quang từng thử xuất

萬丈毫光從此出

Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.

古名寶境樂天台

Nghĩa là:

Linh Tiêu Điện có một tháp gọi Cao Đài.

Đại hội các Tiên họp tại nơi bệ ngọc này.

Muôn trượng hào quang từ nơi ấy mà chiếu ra.

Tên khi xưa, cảnh báu đó gọi Lạc Thiên Thai.

Tiên Ông 仙翁: Một vị Tiên.

Đại Bồ Tát 大菩薩: Một vị Bồ Tát lớn.

Bồ Tát do từ Bodhisattva Bồ Đề Tát Đóa. Bodhi = giác ngộ, Sattva = chúng sinh. Bồ Tát là bậc đã giác ngộ và đang cứu độ chúng sinh. Bồ Tát là con người tỉnh thức và đang giúp người khác tỉnh thức.

Ma Ha Tát 摩訶薩: Mahasattva dịch là Ma Ha Tát Đóa. Ma Ha là Đại, Tát tức là Bồ Tát. Nói cách khác Ma Ha Tát là vị Đại Bồ Tát là bậc phát Đại tâm Bồ Đề cứu độ chúng sanh.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

瑤池金母無極天尊

Một hồng danh của Đức Phật Mẫu.

Tăng Tọa Hóa Thiên có một cái ao làm bằng ngọc dao (hay diêu), nên cung ngự tại nơi ấy được gọi là Diêu Trì Cung.

Đức Phật Mẫu thường ngự tại cung Diêu Trì vì vậy Ngài còn được gọi là Diêu Trì Phật Mẫu hay Diêu Trì Kim Mẫu.

Tam Tông chơn giáo 三宗真教

Ba Đẳng Giáo chủ Tam giáo Nho Đạo Thích.

Tây Phương Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.
西方教主釋迦牟尼世尊.

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn Giáo chủ cõi Tây phương. Hồng danh của Đức Thích Ca.

Xem tiểu sử Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn trong bài chú giải Kinh Giải Oan.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn. 太上道祖三清應化天尊.

Đây là hồng danh của Đức Thái Thượng Đạo Quân.

Xem tiểu sử Đức Lão Tử trong bài chú giải Kinh Giải Oan.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thịnh Thế Thiên Tôn 孔聖仙師興儒盛世天尊.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thịnh Thế Thiên Tôn là Thánh danh của Đức Khổng Tử.

Khổng Tử, người làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nay thuộc phủ Duyện Châu, tỉnh Sơn Đông bên Tàu. Thân phụ Ngài là Thúc Lương Ngột làm quan võ, mẹ Ngài là Bà Nhan Thị. Ngài sinh vào mùa đông tháng mười năm Canh Tuất là năm thứ 21 đời vua Linh Vương

nhà Châu, tức là năm 551 trước Tây Lịch. Vì có cầu tự trên núi Ni Khâu, cho nên sinh ra Ngài mới đặt tên là Khâu 丘, tên tự là Trọng Ni 仲尼.

Khi Đức Khổng Tử lên ba tuổi, thân phụ Ngài mất, nhờ mẹ nuôi nấng và dạy dỗ nên người. Lớn lên Ngài là người học Nho, nên rất trọng về lễ nghi và những phép tắc của các Đế Vương đời trước.

Ngài có ra làm quan cho nước Lỗ, nhưng thấy vua mê nữ sắc bỏ phế việc triều chính, Ngài bèn từ quan mà đi chu du liệt quốc chư hầu, mong tìm vị minh quân để phò tá, nhân đó xiển dương Thánh Đạo.

Cuối cùng, Ngài thất vọng phải trở về nước Lỗ mở trường dạy học và san định lục kinh. Lúc Ngài viết quyển kinh Xuân Thu vừa xong, có tin người thợ săn bắt được một con kỳ lân què chơn trái, Ngài thắc mắc “*Kỳ lân ra làm gì thế?*”. Ít hôm sau nghe tin kỳ lân bị giết chết, Ngài bưng mặt khóc mà than rằng: Đạo Ta cùng vậy (Ngô Đạo cùng hỹ 吾道窮矣). Ngài mất vào đời vua Ai Công nước Lỗ, tháng tư, ngày kỹ sửu thọ được 73 tuổi.

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

三期普度三鎮威嚴.

Là ba Đấng thay mặt cho ba vị Giáo Chủ Phật, Tiên, Nho, cầm quyền Tam Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai

常居南海觀音如來.

Là Thánh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Xem tiểu sử nơi bài chú giải Kinh Cầu Siêu.

*Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo
Tam Kỳ Phổ Độ*

李大仙長兼教宗大道三期普度。

Là một vị Tiên Trưởng thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Nhứt Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Tiên Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, kiêm Giáo Tông Đạo Cao Đài.

Ngài giáng linh nơi nước Trung Hoa là Lý Thái Bạch vào năm 702 đời vua Trần Huyền Tông nhà Đường. Mẹ Ngài nằm mộng thấy sao Trường canh hay sao Thái Bạch Kim Tinh sa xuống mình Bà, nên đặt tên là Lý Thái Bạch, gọi tắt là Lý Bạch.

Hồi được bảy tuổi, Lý Bạch chưa biết nói, nhưng khi bà mẹ bỗng lên lầu, bỗng nhiên Ngài ngâm được bốn câu thơ mà ý thực quái dị:

Nguy lâu cao bách xích

危樓高百尺

Thủ khả trích tinh thần.

手可摘星辰

Bất cảm cao thanh ngữ,

不敢高聲語

Khủng kinh thiên thượng nhân.

恐驚天上人

Vội vội lầu trăm thước,

Vội tay hái được sao.

Chỉ e nói lớn tiếng,

Kinh động Tiên trên cao.

Lớn lên, Lý Bạch tướng mạo khôi ngô, cốt cách thanh kỳ, thông minh đĩnh ngộ. Lúc thiếu thời Ngài có tài văn

chương, nổi tiếng là một thi gia, được người đương thời tặng danh hiệu là “*Ông Tiên bị đày*” (Thiên thượng trích Tiên nhân 天上謫仙人).

Lý Bạch có tên hiệu là Thanh Liên Cư Sĩ 青蓮居士. Bản tính của Ngài không ham danh lợi, thích đi chơi khắp các danh thắng ở bờ sông Trường giang, giao du với những ẩn sĩ mà đời gọi là Trúc Khê lục đệ.

Ngài được phong đến chức Hàn lâm học sĩ, nhưng vì không ham danh lợi, quyền tước, nên Ngài không chăm lo việc nước, mà chỉ uống rượu ngâm thi mà thôi.

Vua Đường Huyền Tôn rất trọng Ngài, nhưng Ngài không như bọn phàm phu khác, chịu đem cái tài hoa của mình nịnh nọt bọn vương hầu, lại xin trở về hưởng nhàn. Có lần say rượu Ngài ngâm nga chí của mình, coi đời như giấc mộng, bon chen làm chi cho cực lòng.

處世若大夢

Xử thế nhược đại mộng

胡為勞其生

Hồ vi lao kỳ sinh?

所以終日醉

Sở dĩ chung nhật túy,

頹然臥前楹

Đồi nhiên ngoạ tiền doanh.

覺來眊庭前

Giác lai miện đình tiền,

一鳥花間鳴

Nhất điều hoa gian minh.

借問此何日

Tá vấn thử hà nhật?

春風語流鶯

Xuân phong ngữ lưu oanh.

感之欲嘆息

Cảm chi dục thán tức,

對之還自傾

對之還自傾

浩歌待明月

Hạo ca đãi minh nguyệt,

曲盡已忘情

Khúc tận dĩ vong tình.

(LÝ BẠCH--XUÂN NHẬT TÚY KHỜ NGÔN CHÍ)

Ở đời tựa giấc chiêm bao,

Làm chi mà phải lao đao nhọc mình.

Suốt ngày mượn chén khuây tình,

Say rồi nghiêng ngửa bên mảnh hàng ba.

Tỉnh ra trông mé trước nhà,

Một con chim hót trong hoa ngọt ngào.

Hỏi xem ngày ấy ngày nào,

Chim oanh riu rít đón chào gió đông.

Thờ than cảm xúc nổi lòng,

Chuốc thêm ít chén say cùng cảnh vui.

Hát ngao chờ bóng trăng soi,

Ca vừa dứt khúc, đã người mới tình.

(TRẦN TRỌNG KIM DỊCH)

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân
協天大帝關聖帝君.

Là Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Khổng Thánh cầm quyền Nho Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thế danh của Đức Hiệp Thiên Đại Đế là Quan Võ, sau đổi là Vân Trường, tục danh là Quan Công. Ngài sanh nhằm triều vua Hoài Đế, đời Đông Hán, quê quán tại Bồ Châu, tỉnh Sơn Đông Trung Quốc.

Sanh ra trong thời kỳ Hán thất suy vi, bên trong bọn hoạn quan chuyên quyền, bên ngoài giặc Huỳnh cân dấy lên tứ phía, Ngài tuy ham học, thích đọc kinh Xuân Thu, nhưng trước cảnh loạn lạc, Ngài đành châu du để tìm hào kiệt mưu cầu đại nghiệp.

Ngài kết nghĩa đào viên với hai người là Lưu Bị, tự Huyền Đức là anh cả, thuộc dòng dõi nhà Hán, và một người nữa là Trương Phi, tự Dục Đức, là em út.

Có lần Ngài bị Tào Tháo dụ phong cho chức Hán Thọ Đình Hầu, nhưng sau Ngài trả ấn. Quan Công cùng Trương Phi phò Lưu Bị lập nên nhà Thục, một nước trong tam quốc: Thục, Ngụy, Ngô.

Ngài lâm mưu của Lữ Mông mà bị bắt, rồi Ngô Quyền đem xử trảm, thọ 58 tuổi.

Da Tô Giáo Chủ Cửu Thế Thiên Tôn
耶蘇教主救世天尊.

Là vị Giáo Chủ của Thiên Chúa Giáo, còn được gọi

là Công Giáo, hay Gia Tô Giáo.

Đa Tô 耶蘇 được người Tàu dịch âm từ Jésus, đây đủ hơn là Jésus Christ, là Đấng Chúa Cứu Thế ở Do Thái.

Ngài sinh vào đêm 25 tháng 12 tại thành Bethléem. Mẹ của Ngài là Maria, một nữ tu tại đền thờ Jérusalem. Cha Ngài là Joseph. Hai ông bà rất mộ đạo, tuy bà đang có thai, gần ngày sanh, nhưng hai người vẫn cố gắng tới Đền thờ để châu lễ. Vì vậy, đúng 12 giờ đêm Noel bà chuyển bụng sanh ra Chúa Jésus nơi máng cỏ trong chuồng chiên.

Năm 30 tuổi, Ngài được Thánh Jean Baptiste làm lễ giải oan tại bờ sông Jourdain. Từ đó, Ngài khởi sự giảng Thánh Kinh ngay trong xứ Galilée và Jérusalem, lập nên đạo Thánh ở Do Thái, rồi truyền bá mạnh mẽ sang Châu Âu. Uy quyền bọn vua quan phong kiến bị lung lay, nên chúng tìm cách giết Ngài.

Bọn chúng mua chuộc một tông đồ của Ngài là Yuda, phản lại Ngài vu cáo cho Ngài mưu việc phản loạn, rồi bắt Ngài lên án tử hình và đóng đinh trên thập tự giá.

Cái chết của Đức Chúa Jésus thật là cao cả, Ngài chuộc tội cho loài người bên xứ Châu Âu, trở thành một vị Chúa Cứu Thế cho nhơn loại.

Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn

太公相父管法天尊.

Đây là Thánh danh của Đức Khương Thượng Tử Nha.

Đức Thái Công Tướng Phụ là người họ Khương 姜, tên Thượng 尚, tên chữ là Tử Nha 子牙, được vua nhà Châu là Võ Vương tôn lên làm Thượng Phụ hay Tướng

Phụ, hàm ân là Thái Công.

Lúc thiếu thời Ngài rất mộ đạo Tiên, nên tâm sư học đạo và thọ giáo Đức Nguơn Thi Thiên Tôn tại núi Côn Lôn. Ngài quyết chí tu hành, không màng đến việc thế tục nữa, theo thầy lo tu hơn 40 năm trên núi.

Vào thời ấy, Trụ Vương vì đắm say nữ sắc của Đắc Kỷ, không lo việc triều chính, công thân nhiều vị khuyển can đều bị giết hại, nhân dân đồ thán, giặc cướp nổi lên bốn phía, vận nước suy vi.

Nguơn Thi Thiên Tôn khuyên Khương Tử Nha hạ trần để phò Châu, phạt Trụ. Khí số nhà Thương sắp mãn, vận nước Tây Châu hưng thịnh, nên Cơ Phát lên nối nghiệp cha, xưng hiệu Võ Vương, rồi cử binh phạt Trụ. Trên mười năm mới bình định xong tứ phương, vua lên ngôi thiên tử, phong Khương Tử Nha đứng đầu các bậc khai quốc công thần, và cho làm vua nước Tề, đời đời con cháu được phụ truyền tử kế mà hưởng lộc tại nước Tề.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn

三洲八部護法天尊.

Tam Châu: Ba châu trong Tứ Đại Bộ Châu, thuộc cõi trung giới, đó là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu. Các chơn linh ở trên ba châu này có trình độ tiến hóa cao. Còn Địa cầu của nhơn loại chúng ta thuộc về Nam Thiệm Bộ Châu. Ba Đại Bộ Châu này thuộc quyền giáo hóa của Hộ Pháp Thiên Tôn.

Riêng Bắc Cu Lư Châu, không thuộc quyền Hộ Pháp mà do Kim Quang Sứ chưởng quản (tức quý vị).

Bát bộ: Tám bộ, mỗi bộ cai quản một phẩm chơn hồn, bát bộ cai quản bát phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Tám bộ ấy thuộc quyền hạn của Hộ Pháp đến mở cơ quan tận độ chúng sanh nơi cõi trần. Vì thế, Đức Hộ Pháp được xưng là *Tam Châu bát bộ Hộ Pháp Thiên Tôn*.

Thập Phương Chư Phật vạn chưởng chư Tiên, liên đài chi hạ 十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下.

Thập phương chư Phật: Là tất cả các vị Phật ở mười phương trong Càn khôn Thế giới. Mười phương đó là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương trên và phương dưới.

Vạn chưởng chư Tiên, liên đài chi hạ: Các vị Tiên cầm quyền muôn việc và chư Tiên bên tòa sen.

Cung vi.....恭為.....

Cung vi: Kính cẩn vì.....

Diễn: *Tân cổ chi tuấn, Nhứt Cửu, Nhị Cửu...chi tuấn, hoặc Tiểu, Đại Tường chi tuấn.*

.....**tánh**,.....**niên canh**,.....**tuế.**

.....姓,.....年庚,.....歲

Họ tên.....năm.....tuổi.....

Diễn Họ tên, năm sinh theo Âm Lịch, tuổi người chết: *Nguyễn văn X tánh, Ất Dậu niên canh, Lục thập tam tuế.*

Nếu không biết năm sinh của người chết thì ta không điền vào và bỏ chữ niên canh. Ví dụ: Nguyễn

Văn X tánh, lục thập tam tuế.

Nguyên sanh tại....., nhập môn.....

原生在.....入門.....年,....月,.....日, 在.....

Nguyên quán tại..... nhập môn năm.....tháng.....
ngày tại.....

Diễn nguyên quán, ngày và nơi nhập môn của
người chết.

*Tùng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, lập công bồi
đức.....*

從是法條三期普度立功培德

Tùng theo những điều Luật pháp của Đại Đạo Tam
Kỳ Phổ Độ, thực thi công quả và bồi dưỡng đức hạnh.....

Nếu là Chức sắc thì diễn (sau lập công bồi đức): thọ
Thiên ân Lễ sanh Ngọc X Thanh.

Nếu là Chức việc thì diễn (sau lập công bồi đức): thọ
phẩm Chánh Trị sự.

Nếu là Đạo hữu thì sau chữ “*lập công bồi đức*” là dứt
(không ghi thêm chi nữa).

*Kim triều Thiên số chi kỳ, vãng ư....niên,....
nguyệt....nhật,....thời nhi chung tại.....*

今朝天數之期, 往於....月,....日,....時而終在.....

Hôm nay đến hạn kỳ của Thiên số định, qui liễu vào
giờ.....ngày.....tháng.....năm.....và chết tại.....

Diễn giờ, ngày, tháng, năm của người chết, và nơi
chết.

***Hiếu quyển (Thân quyển).....khẩn thỉnh chư
Chức sắc Thiên phong, hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu
nam nữ đấng quì tại.....***

(孝眷或親眷)....懇請諸職敕天封,合與職事,道友男女等跪在....

(Hiếu quyển hay Thân quyển).....thành khẩn mời
chư Chức sắc Thiên phong, hiệp cùng chư Chức việc, và
nhiều Đạo hữu nam nữ quì tại....

Điển: chữ *Hiếu quyển* khi người chết là cha hay mẹ
của người quì sớ (bưng Linh vị); *Thân quyển* khi người
chết là vợ, chồng, hoặc anh chị của người quì sớ (bưng
Linh vị).

Và điển tên họ người quì sớ (bưng Linh vị).

Điển: Điện Tiền hay *Thiên Bàn* tùy theo cúng tại
Thánh Thất hay Từ gia.

***Thành tâm cầu nguyện Đức Đại Từ Phụ, Các
Đấng Thiêng Liêng, Địa Tạng Vương Bồ Tát cứu độ
vong hồn....siêu thăng Tịnh độ***

誠心求愿德大慈父,各等天靈,地藏王菩
薩救度亡魂.....超升淨度.

Xin thành tâm cầu nguyện cùng Đức Đại Từ Phụ,
các Đấng Thiêng liêng, và Địa Tạng Vương Bồ Tát cứu
độ cho vong hồn.....được siêu thăng Tịnh độ.

Điển tên họ của người chết.

***Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cầu sớ thượng
tấu,***

Dĩ văn.

諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏

Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng
sớ tâu lên.

D. GIẢI NGHĨA

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Năm Đạo thứ.....)

**TAM GIÁO QUI NGUYÊN, NGŨ CHI
PHỤC NHẤT**

Nay thời

*Vận Trời năm.....tháng.....ngày.....giờ, hiện tại nước
Việt Nam,..... tỉnh,..... huyện,..... xã,, đang ở nơi (Thánh
Thất).*

*Nay có vị đệ tử thọ....., cùng chung các
Chức sắc, hiệp với Chức việc, Đạo hữu nam nữ các cấp, qui
trước....., thành tâm tâu trình:*

TRONG HUỲNH KIM KHUYẾT

*Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên
Tôn.*

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

GIÁO CHỦ TAM GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

*Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thanh Thế Thiên
Tôn.*

BA TRẤN OAI NGHIÊM TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

*Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đ. Đ. T. K. P. Đ.
Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.
Thái Công Tướng Phụ Quân Pháp Thiên Tôn.
Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.*

*Thập phương chư Phật, vạn chương chư Tiên, Liên
đài chi hạ.*

*Kính cẩn vì....(Tuần Đệ Nhứt Cửu)...Họ tên.....
sinh năm.....tuổi....., nguyên sinh tại....., nhập môn
ngày.....tại.....tùng theo những điều Luật pháp của Đại
Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lập công bởi đức.....*

*Hôm nay gặp kỳ Thiên số định, qui liêu vào....giờ,...
ngày,.....tháng.....năm.*

*(Hiếu quyến hoặc Thân quyến)....họ tên.....thành
khẩn mời chư Chúc sắc Thiên phong, hiệp với Chúc việc,
Đạo hữu các cấp quì tại.....thành tâm cầu nguyện cùng
Đức Đại Từ Phụ, các Đấng Thiêng Liêng, Địa Tạng Vương
Bồ Tát cứu giúp cho vong hồn.....được siêu thăng Tịnh độ.*

*Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng
sớ tâu lên.*

Kính trình.

Đây là bản thảo “*Chú giải Kinh Tận Độ*” của Hiền Tài
Quách Văn Hòa, chỉ lưu hành nội bộ.

Khi sửa chữa hoàn chỉnh, bản quyền sẽ được dâng lên
cho Hội Thánh.

Hiền Tài QUÁCH VĂN HÒA

CHÚ GIẢI KINH TẬN ĐỘ
Soạn Giả: **Hiền Tài | QUÁCH VĂN HÒA**